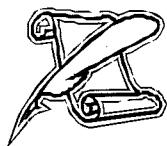


# THÔNG LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

ISSN 1145-9557 - Số 207 - Năm thứ 19, tháng 10.2006

## Nhật muốn một vai trò mới

Nhật vừa có một thủ tướng mới. Shinzo Abe, 52 tuổi, là vị thủ tướng trẻ nhất của Nhật từ sau thế chiến II. Ông cũng là vị thủ tướng Nhật được thế giới chú ý nhất ngay khi vừa lên cầm quyền.

Shinzo Abe khiến người ta chú ý vì người ta biết ông muốn gì và chờ xem ông sẽ làm đến đâu. Lập trường của ông rất rõ ràng : sửa đổi hiến pháp 1947 để bình thường hóa chỗ đứng của Nhật trên thế giới và nhất là tại châu Á. Nhật sẽ có một quân lực thực sự xứng đáng với ngôi vị siêu cường số 2 trên thế giới và số 1 tại châu Á, sẽ đòi một ghế thường trực trong Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, sẽ ngăn chặn tham vọng bá quyền của Trung Quốc, sẽ cứng rắn với Bắc Triều Tiên.

Ngay khi vừa nhậm chức, Shinzo Abe đã tuyên bố Nhật sẽ tăng cường quan hệ hợp tác với các nước châu Á, một cách để nói Nhật sẽ khẳng định vai trò lãnh đạo tại châu Á, ngay cả nếu cái giá phải trả là một cuộc chạm trán với Trung Quốc. Cuộc chạm trán này có thể diễn ra trong hòa bình nhưng nó cũng có thể rất căng thẳng vì Nhật và Trung Quốc đang tranh chấp vùng biển chung quanh quần đảo Senkaku, hơn nữa Trung Quốc đã tuyên bố rõ ràng là sẽ chống lại việc Nhật ứng cử thành viên thường trực Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Shinzo Abe có nhiều thuận lợi trong chính sách này. Trước hết là Nhật được sự khuyến khích của Hoa Kỳ, đang lo âu trước chính sách bành trướng của Bắc Kinh và đồng thời cũng muốn Nhật chia sẻ gánh nặng an ninh cho thế giới. Nhật cũng có một đồng minh minh mạnh là Nam Hàn, cường quốc kinh tế số 2 của



châu Á. Điều quan trọng là Nhật mạnh hơn nhiều so với Trung Quốc. Người ta thường quá bị ấn tượng bởi tỷ lệ tăng trưởng 10% và sự gia tăng ngân sách phòng của Trung Quốc mà quên rằng thu nhập trên mỗi đầu người của Nhật vẫn còn gấp 20 lần Trung Quốc và dù chưa chính thức có quân lực ngân sách quốc phòng của Nhật vẫn còn gấp đôi Trung Quốc. Sau cùng Nhật đã hoàn tất phần lớn cuộc cải tổ cơ cấu và kinh tế Nhật đã ra khỏi cuộc trì trệ kéo dài gần ba thập niên.

Một chính sách tích cực hơn của Nhật là điều cần thiết cho thế giới và cho châu Á bởi vì Trung Quốc quả thực là một mối lo. Việc Trung Quốc tăng trưởng kinh tế đáng lẽ phải là một điều tốt, như sự phục hồi và vươn lên của Nhật và Tây Âu trước đây. Vấn đề là Trung Quốc mạnh lên trong khi vẫn tiếp tục phủ nhận các giá trị dân chủ và nhân quyền và đạo đức quốc tế. Trung Quốc chắc chắn sẽ tích lũy mâu thuẫn và vào một lúc nào đó người cầm quyền sẽ bị đẩy vào thế phải khiêu khích với bên ngoài để duy trì đoàn kết quốc gia bên trong.

Từ 1945 Nhật đã là một mẫu mực thành công, chứng minh phúc lợi của dân chủ và đã góp phần quyết định lôi kéo các nước châu Á vào tiến trình dân chủ hóa. Một chính sách tích cực hơn của Nhật trong những ngày sắp tới sẽ được coi như một bảo đảm cho hòa bình và dân chủ tại châu Á nếu Nhật thực sự nhìn nhận và xin lỗi về những tội ác quá rõ ràng của mình trước đây. Cho tới nay Nhật đã chỉ "tiếc" chứ không xin lỗi về những thảm kịch này. Thế giới và châu Á không thể hiểu tại sao một lời xin lỗi lại khó đến như thế.

Thông Luận

# Cam-bốt : dân chủ dân đến ổn định

Nguyễn Minh

Trong ba nước Đông Dương, Cam-bốt hiện nay là quốc gia tương đối có sinh hoạt dân chủ thật sự. Có thể những bầu cử chưa thể hiện đúng tinh thần dân chủ, nghĩa là vẫn còn có gian lận bầu cử tại một vài nơi, nhưng nói chung các chính đảng cầm quyền cũng như đối lập đã có những sinh hoạt hoàn toàn tự do và độc lập.

Tìm hiểu sinh hoạt dân chủ của Cam-bốt rất cần thiết cho những người dân chủ Việt Nam. Từ một quốc gia đứng bên bờ diệt chủng, sau đó bị chiếm đóng rồi bị nội chiến tàn phá, Cam-bốt ngày nay đã có sinh hoạt chính trị ổn định. Mặc dù vậy, Cam-bốt cũng như rất nhiều quốc gia vừa thoát khỏi ách độc tài và nội chiến, tâm lý của những người lãnh đạo vẫn chưa ra khỏi lô gích của hận thù và nghi kỵ, do đó vẫn còn là một trở ngại cho tiến trình dân chủ hóa nói chung.

## Nhìn lại quãng đường đau thương...

Nhắc lại, sau Hiệp định Genève (tháng 7-1954), Cam-bốt cũng như Lào và Việt Nam đều được trả độc lập. Năm 1955, đảng Sangkum thắng trong cuộc tổng tuyển cử và hoàng thân Sihanouk lên làm thủ tướng, và năm 1960 làm quốc trưởng. Từ đó trở đi dân chúng Cam-bốt sống trong bất ổn, vì chính sách trung lập thiên cộng của Sihanouk biến quốc gia Cam-bốt thành hậu cần của lực lượng cộng sản Việt Nam. Ngày 18-3-1970, Sihanouk bị thủ tướng Lon Nol và hoàng thân Sirik Matak lật đổ, Cam-bốt hẳn vào quỹ đạo của Hoa Kỳ trong cuộc chiến chống lực lượng cộng sản Việt Nam tại Đông Dương. Sihanouk đứng hẳn về phe cộng sản.

Được sự giúp sức của phe cộng sản miền Bắc Việt Nam, lực lượng Khmer đỏ, dưới sự lãnh đạo của Pol Pot và Ieng Sary, tiến hành chiến tranh du kích chống lại chính quyền Lon Nol. Hơn 800.000 người Khmer và 100.000 thường dân Việt Nam đã bị sát hại trong giai đoạn từ tháng 3-1970 đến tháng 3-1975.

Ngày 17-4-1975, phe Khmer đỏ tiến vào Phnom Penh, đuổi hơn 4 triệu người ra khỏi thành phố và cai trị đất nước một cách khắc nghiệt. Hơn hai triệu người Khmer (20% dân số toàn quốc) đã bị giết hại. Năm 1978, phe Khmer đỏ tấn công vào một số làng xã Việt Nam ở sát vùng biên giới, sát hại nhiều thường dân Việt Nam.

Ngày 25-12-1978, bộ đội cộng sản Việt Nam tiến vào thủ đô Phnom Penh, đánh đuổi phe Khmer đỏ ra khỏi lãnh thổ và chiếm đóng Cam-bốt. Từ 1979 đến 1989, hơn 200.000 binh lính Khmer và 50.000 quân Việt Nam đã bị thiệt mạng, gần 400.000 người Khmer và 200.000 người Việt Nam khác bị thương tật. Dưới áp lực của quốc tế, sau 10 năm chiếm đóng, bộ đội cộng sản Việt Nam chính thức rút quân về nước cuối năm 1989.

## Những cố gắng dân chủ hóa sinh hoạt chính trị

Ngay khi bộ đội cộng sản Việt Nam vừa rút khỏi Cam-

bốt, nội chiến liên xẩy ra. Từ 1990 đến 1993, tranh chấp quyền lực giữa những lực lượng Khmer với nhau đã làm hơn 50.000 người thiệt mạng. Tình trạng này chỉ chấm dứt sau khi "Hiệp định liên quan đến việc giải quyết chính trị bao quát cho cuộc phân tranh Cam-bốt", gọi tắt là Hiệp định hòa bình, được 18 quốc gia ký tại Paris ngày 23-10-1991, theo đó từ tháng 3-1992 đến tháng 9-1993, lực lượng APRONUC của Liên Hiệp Quốc vào giữ gìn hòa bình và tổ chức tổng tuyển cử. Tuy nhiên trong suốt giai đoạn này chính quyền vẫn nằm trong tay thủ tướng Hun Sen, một nhân vật thân Việt Nam và là lãnh tụ Đảng Nhân Dân Cách Mạng, cầm quyền.

Quá trình tổ chức tổng tuyển cử tại Cam-bốt gồm ba giai đoạn :

- Giai đoạn 1 đòi hỏi bốn phe Khmer đang tranh chấp (Đảng Cộng Sản Kampuchia, tức Khmer đỏ do Pol Pot lãnh đạo, Đảng Nhân Dân của Hun Sen, đảng Funcipec của hoàng thân Ranariddh và Đảng Dân Chủ Phật Giáo của Son Sann) từ bỏ vũ lực để tham dự tổng tuyển cử trong hòa bình. Điều này có nghĩa là những lực lượng ở nước ngoài của Pol Pot, Son Sann và Ranariddh có quyền về nước tranh cử hợp pháp.

- Giai đoạn 2, dưới sự hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc, các phe tranh chấp cùng ngồi vào bàn họp để thảo luận một cách bình đẳng về cách thức tổ chức bầu cử quốc hội lập hiến, nghĩa là phân định ranh giới các khu vực tranh cử trong 20 tỉnh và 4 thành phố lớn, số thành viên trong quốc hội lập hiến (122 người), thể lệ bầu cử, v.v.

- Giai đoạn 3, cũng dưới sự hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc, các phe tranh chấp cùng thảo luận về thể chế chính trị tương lai, nội dung hiến pháp mới, cách tổ chức chính quyền và quân đội. Nói tóm lại đó là một thể chế dân chủ mà những người đại diện tham gia vào chính quyền phải xuất phát từ những chính đảng hợp pháp và được dân chúng bầu qua những cuộc đầu phiếu hợp lệ.

Tháng 5-1993, cuộc tổng tuyển cử bầu quốc hội lập hiến một cách tự do được Liên Hiệp Quốc tổ chức trên khắp lãnh thổ Cam-bốt. Đây là cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên sau khi Cam-bốt tự tuyên bố độc lập năm 1953. Tổng cộng có khoảng 20 đảng phái chính trị lớn nhỏ và 4,9 triệu (90,7%) cử tri tham gia cuộc bầu cử. Riêng đảng của Pol Pot tẩy chay cuộc bầu cử nên không có ứng cử viên tham gia và tiếp tục sử dụng căn cứ quân sự Pailin như một phương tiện uy hiếp Phnom Penh để đòi quyền lợi. Đảng Funcipec (Front uni pour un Cambodge neutre, pacifique et coopératif-Mặt trận thống nhất cho một nước Cam-bốt trung lập, hòa bình và hợp tác) có đa số phiếu (45,5%) so với Đảng Nhân Dân cầm quyền của Hun Sen (38,2%), và trở thành đảng đa số trong quốc hội.

Bản hiến pháp mới được quốc hội lập hiến thông qua tháng 9-1993.

## Sinh hoạt chính trị hiện nay tại Cam-bốt

Như đã nói, từ khi có được độc lập đến trước 1993, sinh hoạt chính trị tại Cam-bốt luôn luôn biến động. Chưa bao giờ có một cuộc bầu cử dân chủ tự do và cũng chưa bao giờ có ổn định chính trị. Chính sách cai trị của ông hoàng Sihanouk quay như một chong chóng, lúc thì thân Mỹ, lúc thì thân Liên Xô, lúc thì thân Trung Quốc, lúc thì thân Việt Nam, để rồi sau đó quay lại chống lại tất cả.

Chính vì thế khi quốc gia Cam-bốt gặp nguy cơ diệt chủng, dư luận thế giới đã làm ngơ để mặc cho người Cam-bốt sát hại lẫn nhau. Chỉ sau khi Việt Nam đánh đuổi quân Khmer đỏ ra khỏi lãnh thổ và chiếm đóng Cam-bốt, thế giới mới lên tiếng, không phải để bênh vực Cam-bốt mà là để trừng phạt Việt Nam lúc đó cũng đang thi hành một chính sách gần như diệt chủng bằng cách tổ chức vượt biên bán chính thức để lấy vàng, đưa hàng trăm ngàn người vào chỗ chết : làm mồi cho biển cả và hải tặc.

Từ tháng 4-1975 đến tháng 1-1979, những lãnh tụ Khmer đỏ bị nghi ngờ, đặc biệt là các tướng tá cầm đầu Quân Khu miền Đông sát biên giới Việt Nam, đều bị tàn sát. Để bảo vệ mạng sống, một số những lãnh tụ này đã nhờ Việt Nam che chở và thành lập Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc Cứu Quốc. Cùng lúc, trong cuộc nội chiến Cam-bốt những năm 1970, một số cán bộ lão thành trong Đảng Cộng Sản Khmer trước đó ly khai với trung ương đảng do Pol Pot lãnh đạo, như ông Chia Xim, thành lập Ủy ban tái thiết đảng cộng sản Kampuchia. Ngày 5-1-1979 hai nhóm chống Pol Pot này, do Heng Samrin và Chia Xim lãnh đạo, tuyên bố thành lập Đảng Cách Mạng Nhân Dân Cam-bốt. Hai ngày sau đó (7-1-1979), Mặt trận thống nhất dân tộc cứu quốc đã cùng bộ đội cộng sản Việt Nam chiếm lại thủ đô Phnom Penh từ tay Pol Pot. Kể từ đó, Đảng Nhân Dân Cách Mạng (cho đến năm 1981 mới ra mắt chính thức, trước đó lấy tên Hội đồng nhân dân cách mạng) là đảng thực sự cai trị Cam-bốt với sự ủng hộ toàn diện của Việt Nam cả về quân sự lẫn dân sinh, kinh tế và xã hội.

Trong khi đó, phe Pol Pot rút vào vùng rừng núi sát biên giới Thái Lan kêu gọi các phe nhóm khác chống lại Việt Nam. Lời kêu gọi này lập tức được hai đảng lưu vong hưởng ứng : Mặt trận dân tộc giải phóng nhân dân Khmer (KPNLF được thành lập vào tháng 10-1979) do Son Sen cầm đầu và Mặt trận FUNCIPEC (được thành lập vào tháng 3-1981) do Ranariddh đại diện. Cả ba tổ chức này được dư luận quốc tế, nhất là Trung Quốc và ASEAN lúc đó đang chống Việt Nam, ủng hộ. Thái Lan đã cho ba tổ chức này mượn lãnh thổ của mình làm địa bàn chống lại quân Việt Nam trên lãnh thổ Cam-bốt. Tháng 6-1982, ba phe chống Việt Nam đã đồng ý lập Chính phủ Liên hiệp Dân chủ Cam-bốt. Chỉ sau 1990, các đảng này mới được Liên Hiệp Quốc mời về Cam-bốt chuẩn bị tham gia tổng tuyển cử.

Sau khi phe Pol Pot từ chối tham gia tuyển cử và tiếp tục dùng vũ lực để làm áp lực, chính quyền Cam-bốt cho phép Tòa án quốc tế ở Cam-bốt xử tội ác diệt chủng của tập đoàn Pol Pot gồm 6 người cầm đầu còn sống sót (riêng Kiều Mộ, tổng tư lệnh quân đội thời Dân Chủ Kampuchia

- chết già đúng một tháng trước ngày phiên tòa bắt đầu đã được đưa ra khỏi danh sách phạm nhân vào giờ chót) đánh dấu một giai đoạn trưởng thành của nền dân chủ đa nguyên Cam-bốt về mặt chính trị, ngoại giao.

Trong sinh hoạt chính trị, lập trường để thuyết phục dân chúng Khmer bỏ phiếu cho mình là "chống Việt Nam", dù là Đảng Nhân Dân do chính Hun Sen cầm đầu.

Từ 1993 đến nay Cam-bốt đã tổ chức được ba cuộc tổng tuyển cử.

- Cuộc tổng tuyển cử tháng 5-1993 bầu ra quốc hội lập hiến. Sau khi quốc hội lập hiến thông qua bản hiến pháp mới, tháng 9-1993, quốc hội lập hiến trở thành quốc hội lập pháp. Kết quả cuộc tổng tuyển cử 1993 đã đưa đảng Funcipec lên vai trò số 1 ở Cam-bốt nhưng vì không đủ người rav tham chính nên quốc hội Cam-bốt đã chọn chế độ lưỡng thủ tướng : ông Ranariddh là thủ tướng số 1 và ông Hun Sen thủ tướng số 2. Mục đích của biện pháp vá víu này là để ổn định sinh hoạt chính trị nội và hợp tác chống lại đe dọa khủng bố của tàn dư phe Pol Pot.

- Cuộc bầu cử 1998 được tổ chức vào cuối tháng 7, với kết quả như sau : Đảng Nhân Dân được 41,4% với 64 ghế trên tổng số 122 ghế, đảng Funcipec được 31,7% với 43 ghế, đảng Sam Rainsy được 14,3% với 15 ghế. Các đảng nhỏ hơn không được ghế nào dù có tỷ lệ được dồn bỏ phiếu đến 12,6%. Theo hiến pháp mới năm 1993, vì Đảng Nhân Dân đã không có trên 2/3 số ghế trong quốc hội nên phải thỏa hiệp với đảng Funcipec để thành lập một chính phủ liên hiệp mới : Hun Sen làm thủ tướng, Ranariddh làm chủ tịch quốc hội. Đảng Nhân Dân cũng đã tu chính hiến pháp để thành lập thêm một Thượng nghị viện để duy trì sự thống nhất giữa các vùng, Chia Xim, một lãnh tụ lão thành của Đảng Nhân Dân được đề cử làm chủ tịch thượng viện đầu tiên.

- Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 7-2003, có đến 5.168.837 cử tri đi bầu (86,7%). Kết quả như sau : đảng Funcipec bị đại bại từ 43 ghế xuống còn 26 ghế (20,8% số phiếu) thấp hơn cả đảng Sam Rainsy (21,9%). Tuy Đảng Nhân Dân có tăng thêm số ghế từ 64 lên 73 (47,4%) nhưng vẫn không đủ đa số tuyệt đối 2/3 nên phải tiếp tục liên hiệp, mãi đến tháng 3-2004 chính phủ liên hiệp lần thứ 3 mới thành hình. Để tránh thành lập liên tục chính phủ liên hiệp, tháng 6-2004, hai đảng cầm quyền đồng ý tu chính hiến pháp : đầu phiếu tín nhiệm một lần chung, nghĩa là từ thủ tướng cho đến toàn thể nhân viên hội đồng nội các ngay sau khi quốc hội mới được bầu để chính quyền không bị bỏ trống khi chưa được quốc hội tín nhiệm.

Nhìn lại sinh hoạt chính trị của Cam-bốt từ 1993 đến nay, các đảng phái Cam-bốt đã bắt đầu làm quen với sinh hoạt dân chủ, nhờ đó xã hội Cam-bốt ngày càng ổn định và kinh tế quân dân ngày càng đi lên. Giới đầu tư quốc tế và khách du lịch đến Cam-bốt ngày càng đông. Hiến pháp Cam-bốt cũng đã được tu chính để tránh cho đối lập xung đột bạo động với chính quyền hợp pháp. Ưu tư của những nhà lãnh đạo Cam-bốt hiện nay là duy trì được sự thuận hòa với Việt Nam và Thái Lan để được sống bình yên.

Nguyễn Minh (Tokyo)

# Thông tin, một quyền chính trị hay một vấn đề sống còn ?

Nguyễn Gia Kiêng

Thông tin đã trở thành một giá trị phổ cập không thể chối cãi. Các chế độ độc tài ngăn cấm quyền thông tin - thường được coi như đồng nghĩa với tự do ngôn luận và báo chí - cũng không còn tranh luận về sự chính đáng của nó nữa. Họ chọn sự im lặng lì lợm.

Người ta có thể mừng rằng cuộc tranh luận về tự do thông tin đã ngã ngũ, nhưng cũng cần cảnh giác rằng chính vì thiếu tranh luận trong chiều sâu mà tự do thông tin - hay tự do ngôn luận và báo chí - có nguy cơ chỉ còn được nhìn một cách giản đơn như một chọn lựa đúng mà thôi (để tự do thông tin là khôn, là đúng ; cấm đoán thông tin là dại, là sai). Và một khi đã chỉ còn là một chọn lựa thì những người không chấp nhận nó có thể viện dẫn những lý do để trì hoãn việc thực hiện. Nhưng vấn đề ở đây không phải là chỉ là ĐÚNG hay SAI, nó nghiêm trọng hơn nhiều như ta sẽ thấy ở phần sau.

Một nguy cơ khác là cũng vì thiếu tranh luận mà bản chất của tự do thông tin không được hiểu rõ ngay cả bởi những người tranh đấu cho nó. Sự lúng túng đã được biểu lộ qua các cụm từ "tự do ngôn luận", "tự do báo chí", "tự do xuất bản và in ấn", v.v. - những cụm từ được coi là đồng nghĩa nhưng thực ra chỉ gần giống nhau, và đều là những thành tố của quyền thông tin. Lập luận để bảo vệ tự do thông tin vì vậy có nguy cơ thiếu sức thuyết phục.

Như vậy nếu muốn cuộc đấu tranh cho tự do thông tin, nòng cốt của cuộc vận động dân chủ, đạt hiệu quả mong muốn thì trước hết cần giải tỏa một vài ngộ nhận.

1. Tự do thông tin được nhìn như một quyền con người bên cạnh nhiều quyền căn bản khác như tự do di chuyển, chọn nghề nghiệp, nơi cư ngụ, v.v. và những quyền tích cực mà mức độ thỏa mãn tùy thuộc khả năng của xã hội như quyền được bảo đảm sức khỏe, giáo dục cơ bản miễn phí, v.v. Quả thực tự do thông tin đúng là một quyền được ghi nhận trong *Bản Tuyên Ngôn Phổ Cập Về Quyền Con Người* (cũng được coi là *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền*). Văn kiện quý báu này, do nhu cầu cõi đọng của nó, đã không nhấn mạnh tính đặc biệt của quyền thông tin - đưa tin cũng như nhận tin - và do đó có thể làm nhiều người hiểu lầm rằng quyền thông tin cũng ngang hàng với những quyền căn bản khác, thí dụ như quyền tư hữu, quyền chọn nghề nghiệp. Như thế, nếu những quyền kia có thể bị giới hạn hoặc đình hoãn vì một hoàn cảnh nào đó thì quyền tự do thông tin cũng có thể chịu cùng số phận. Thực ra quyền thông tin - đưa tin cũng như nhận tin - cao hơn nhiều vì nằm

ngay trong bản chất con người và là một yếu tố định nghĩa con người như ta sẽ thấy.

2. Quyền tự do thông tin thường được nói đến, nhiều khi bởi chính những người tranh đấu cho nó, như một quyền chính trị. Đây là một lầm lẫn lớn, có thể dẫn tới hiểu lầm rằng tự do thông tin là nhu cầu của các tổ chức chính trị hay những người hoạt động chính trị. Thực ra nó trước hết là một nhu cầu phải được thỏa mãn để con người thực sự là con người.

3. Quyền tự do thông tin, mà báo chí thể hiện phần lớn do đó thường được nhắc đến như là tự do ngôn luận và báo chí, thường được nhiều người mô tả như là một yếu tố của tiến bộ, một nhu cầu của con người hiện đại và văn minh. Cách phát biểu này không sai nhưng cũng rất dễ dẫn tới một hiểu lầm tai hại. Nếu chúng ta coi quyền thông tin, mà báo chí là phương tiện chính, như là một yêu cầu của xã hội văn minh thì nhiều nhà nước có thể viện cớ xã hội của họ chưa đủ tiến bộ, dân trí chưa cao để chối bỏ, giới hạn hoặc đình hoãn tự do thông tin. Thực ra tự do thông tin không những chỉ cần thiết mà còn là một nhu cầu sống chết của mọi xã hội ở mọi mức độ phát triển, nó là động cơ và nguyên nhân, chứ không phải là thành quả của tiến bộ.

Tất cả những ngộ nhận trên đây đều cần được giải tỏa.

Mọi nhà nhân chủng học đều đồng ý rằng đặc tính phân biệt giống người với các loài động vật khác là khả năng tiếp thu, tích lũy, xếp loại và sử dụng một khối lượng thông tin cực kỳ lớn. Chính nhờ khả năng này mà con người, động vật vụng về và yếu đuối nhất, đã làm chủ được thiên nhiên, liên tục cải thiện cuộc sống và không ngừng thay đổi bộ mặt của thế giới.

Con người bén khai của thời kỳ văn minh săn hái đã biết tiếp thu, xử lý và sử dụng các dữ kiện về thời tiết, thảo mộc và các động vật để biết ở đâu và vào lúc nào có loại rau quả nào, có loại động vật nào, phải hái, phải săn như thế nào, v.v. để phân biệt các rau quả tốt cho cơ thể và những rau quả độc, để tổ chức săn bắt những con vật khỏe mạnh hơn mình nhiều lần. Nhu cầu thông tin xuất hiện cùng với loài người, kể từ khi con người trở thành con người. Đó là một nhu cầu sống chết.

Như mọi động vật, con người cũng cần dưỡng khí và thực phẩm, nhưng khác với các động vật khác con người còn cần thông tin về thế giới và môi trường chung quanh để có thể tồn tại. Nhu cầu thông tin tuy phức tạp trong thời đại văn minh nhưng không phải là một nhu cầu mới.

Hoạt động chính của con người, ngày xưa cũng như ngày nay, là trao đổi thông tin, mọi loại thông tin. Không phải chỉ thông tin về những gì đã có hay hiện có mà cả về những gì có thể có, phải có, nên có, không nên có, không được để xảy ra. Không phải chỉ về những gì mình biết hay cảm nhận mà cả về những dự định, những ký ức và giả thuyết. Trong trao đổi này người ta cho ít và nhận nhiều. Đại bộ phận những kiến thức của một cá nhân đều từ người khác, kinh nghiệm chủ yếu là kinh nghiệm của người khác. Con người sống nhờ thông tin, chủ yếu thông tin từ người khác. Thông tin vì vậy là môi trường sinh thái của con người. Như con cá sống trong nước, con người phải sống trong thông tin.

Xâm phạm thông tin như vậy không phải chỉ là vi phạm một quyền mà là xâm phạm tới chính sự sống còn của con người. Một con người thiếu thông tin là một con người suy giảm, không hoàn toàn là con người. So với thiếu sót của ngôn ngữ chúng ta nói tới quyền tự do thông tin, quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận, v.v. Nhưng thông tin không phải là một quyền. Cao hơn một quyền, nó là thành phần của chính sự sống, không phải chỉ là sự sống tâm linh và trí tuệ mà cả sự sống sinh vật, của con người.

Một xã hội thiếu thông tin là xã hội của những con người suy giảm và yếu bênh; sự tụt hậu và bế tắc là đương nhiên.

Thông tin vì vậy là điểm trên đó chúng ta không thể thỏa hiệp và nhân nhượng.

Hiện nay trong cuộc đấu tranh cho tự do thông tin chúng ta có một ưu thế lớn. Các chế độ độc tài, do nhu cầu tồn tại trong một thế giới toàn cầu hóa và thay đổi hàng ngày, đã phải chấp nhận truyền thông ở một mức độ nào đó. Chúng không thể cấm du lịch, thư tín, điện thoại và internet. Chúng chỉ tìm cách hạn chế và kiểm soát thông tin. Nhưng thông tin có sức mạnh riêng của nó, nó để ra nhu cầu tăng cường thông tin. Mặt khác, những tiến bộ ngày càng nhanh chóng và to lớn của kỹ thuật truyền thông cũng đang đẩy các chế độ độc tài vào cuộc chống trả tuyệt vọng. Chúng ta sẽ thắng cuộc chiến này. Ở trên đã nói, thông tin là điều trên đó không thể có thỏa hiệp và nhân nhượng, ở đây phải thêm rằng chúng ta cũng không có lý do gì để phải nhân nhượng.

Do đâu mà dân tộc ta đã là nạn nhân của những sai lầm bi đát, nhiều khi đẫm máu? Lý do chính là vì thiếu thông tin.

Ý kiến là sản phẩm của trí óc qua tiến trình xử lý các dữ kiện đã tiếp thu được. Trí óc xử lý các dữ kiện bằng các luật logic căn bản mà người nào cũng có một cách khá

đồng đều. Điều quan trọng là phải có dữ kiện, hay thông tin, chính xác và đầy đủ. Nguyên nhân chính của sai lầm dẫn đến những ý kiến độc hại là thông tin thiếu hoặc sai. Nếu các vua nhà Nguyễn được thông tin đầy đủ về tình hình thế giới vào thế kỷ 19 thì chúng ta đã không bị người Pháp đô hộ. Nếu ông Hồ Chí Minh được thông tin đầy đủ về những thảo luận trên chủ nghĩa Mác-Lênin thì ông đã hiểu rằng nó đã bị phơi bày như một sai lầm từ cuối thế kỷ 19 rồi và đã không đến nỗi vừa đi lại lại một cách bồn chồn trong phòng vừa nói như mê sảng: "Đây rồi! Đây rồi! Đây chính là con đường cứu nước!". Nếu Tố Hữu biết rõ hơn về chủ nghĩa cộng sản thì ông đã không coi nó là "mặt trời chân lý chói qua tim", cho phép "giết! giết nữa! bàn tay không chút nghĩ". Thiếu thông tin có thể đưa đến những kết luận chết người, chết rất nhiều người.

Chủ nghĩa cộng sản có gì đặc biệt? Nó là một chủ nghĩa chuyên chính đúng nghĩa ở chỗ, khác với mọi chế độ độc tài toàn trị khác, nó đẩy sự kiểm soát thông tin đến mức độ tuyệt

đối. Không chỉ cưỡng bách thân thể và hành động, nó khống chế cả trí tuệ. Nó khiến con người trở thành nhỏ bé và suy giảm để dễ thống trị. Nó tự cho phép áp đặt sự chuyên chính đó nhân danh một ảo tưởng về một xã hội tuyệt hảo trong đó con người sẽ được giải phóng khỏi mọi ràng buộc, đóng góp theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu. Chính cái ảo tưởng đó đã đem lại cho nó một vẻ thẩm mỹ giả tạo và biến minh cho mọi tội ác. Ngày nay mọi chế độ cộng sản, kể cả chế độ cộng sản Việt Nam, đều đã từ bỏ ảo tưởng đó, chỉ là còn lại gông cùm, một thứ gông cùm không lý do, dù là lý do giả tạo.

Những người lãnh đạo mới của đảng và nhà nước cộng sản may mắn hơn những người tiền nhiệm của họ ở một điểm quan trọng: họ trưởng thành sau năm 1975 và không có trách nhiệm về những sai lầm đẫm máu trong quá khứ. Họ không phải là người những đã du nhập chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam và cũng không phải là những người đã quyết định duy trì chế độ cộng sản sau khi bức tường Berlin sụp đổ. Họ không bị ràng buộc bởi quá khứ và đang có cơ hội để chọn một hướng đi khác cho đất nước. Dân chủ hóa là chọn lựa bắt buộc cho đất nước và cũng là chọn lựa đúng nhất cho đảng cộng sản và chính bản thân họ.

Nhưng dù họ có sáng suốt hay không thì chúng ta cũng phải vững bờ chế độ kìm kẹp vô lý này.

Bước đầu, và cũng là bước quyết định nhất, là giành lại quyền tự do thông tin, ngôn luận và báo chí. Để xây dựng cuộc sống xứng đáng và phồn vinh như ta vẫn thường nói, nhưng trước hết, và quan trọng hơn nhiều, là để sống như những con người thực sự.

Nguyễn Gia Kiểng

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG THÔNG LUẬN

## Tập san Tổ Quốc

Phong trào đấu tranh cho dân chủ đang ở trong một giai đoạn sôi động : sau bản nguyệt san *Tự Do Ngôn Luận* của linh mục Chân Tín, đã ra được 11 số, và báo *Tiếng Nói Dân Chủ* do nhà văn Hoàng Tiến làm tổng biên tập, vừa phát hành số 1 đầu tháng 9 này, đến lượt một bản nguyệt san mới : *Tổ Quốc*. Tờ báo đã phát hành được hai số, số 1 ngày 15-09-2006 và số 2 ngày 01-10-2006.

Điểm đặc biệt của *Tổ Quốc* là có sự kết hợp đồng đảo của những người dân chủ trong và ngoài nước. Tổ chức của tờ báo gồm hai bộ phận : một hội đồng cố vấn và một ban biên tập.

Trong hội đồng cố vấn có ba vị ở trong nước : Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang và Nguyễn Hộ và ba vị ở ngoài nước : Bùi Tín, Nguyễn Minh Cần và Nguyễn Gia Kiểng. Tất cả đều là những khuôn mặt quen thuộc và có uy tín trong phong trào đấu tranh vì tự do và dân chủ.

- Phạm Quế Dương là một cựu đại tá, nhà báo và sử gia, từng giữ những chức vụ quan trọng trong quân đội như chủ nhiệm chính trị quân đoàn, chính ủy sư đoàn, tổng biên tập tạp chí *Lịch Sử Quân Sự*; ông Dương dấn thân vào cuộc vận động dân chủ từ đầu thập niên 1990 và từ đó đã là đối tượng của nhiều biện pháp trù đập và sách nhiễu của đảng cộng sản, năm 1999 ông trả thẻ đảng để đúng hẳn vào hàng ngũ đối lập. Năm 2001 ông thành lập và làm phát ngôn viên của Hội Chống Tham Nhũng, năm 2002 ông thành lập và làm phát ngôn viên Nhóm Dân Chủ. Ngày 28-12-2002 ông bị bắt và bị ghép tội gián điệp, âm mưu lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa. Với những tội danh này ông có thể bị kết án tử hình nhưng dưới áp lực của dư luận quốc tế và làn sóng phản đối ngay trong nội bộ đảng cộng sản, tội danh đã được sửa đổi thành "lạm dụng các quyền tự do dân chủ và tuyên truyền chống nhà nước". Ông được trả tự do sau 19 tháng bị giam giữ.

- Nguyễn Thanh Giang là một trong những nhà dân chủ tích cực nhất trong nước từ gần hai thập niên qua. Xuất thân là một nhà khoa học, ông là tiến sĩ địa vật lý, những ông Giang chủ yếu được biết tới như một nhà lý luận chính trị, ông viết rất nhiều và đều đặn, các bài viết của ông đều gây được sự chú ý vì phẩm chất cao. Nguyễn Thanh Giang cũng đã từng bị bắt giam trong hơn hai tháng và sau đó không ngừng bị sách nhiễu. Biện pháp sách nhiễu gần đây nhất là vụ khám nhà và tịch thu tác phẩm "*Tình trạng Nhân Quyền và Dân Chủ tại Việt Nam*" ngày 30-6-2006 vừa qua. Hiện điện thoại của ông vẫn bị cắt.

- Ông Nguyễn Hộ, năm nay 92 tuổi, là một nhà cách mạng và một đảng viên cộng sản lão thành. Ông từng là tư lệnh phó quân đội cộng sản vùng Sài Gòn-Gia Định trong giai đoạn Cách Mạng Tháng 8-1945, sau đó là phó chủ tịch công đoàn Việt Nam cho tới đầu thập niên 1990, khi ông thành lập và làm chủ tịch Câu Lạc Bộ Cựu Kháng Chiến và phát hành tạp chí *Truyền Thông Kháng Chiến*

thẳng thắn bác bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin và đòi dân chủ đa nguyên. Ông đã bị bắt giam nhiều lần và sau đó gần như hoàn toàn bị cô lập cho tới gần đây.

- Ông Nguyễn Minh Cần, cựu phó bí thư thành ủy Hà Nội và chủ tịch ủy ban hành chính Hà Nội, là một trong những người cộng sản ly khai đòi dân chủ đầu tiên. Ông tị nạn tại Nga từ cuối thập niên 1950. Ông viết rất nhiều và rất được kính trọng vì phẩm chất lý luận cũng như về nhân cách.

- Ông Bùi Tín, cựu đại tá phó tổng biên tập báo *Nhân Dân* đã ly khai với đảng cộng sản và tị nạn chính trị tại Pháp từ 1990. Bùi Tín phá mọi kỷ lục về viết, viết sách cũng như viết báo, trong gần 20 năm qua. Tuy viết rất nhiều nhưng bài nào của ông cũng được đặc biệt chú ý.

- Ông Nguyễn Gia Kiểng là một khuôn mặt dân chủ quen thuộc từ hơn 20 năm qua với lập trường dân chủ đa nguyên, hòa giải và hòa hợp dân tộc và cũng là người duy nhất trong hội đồng cố vấn xuất phát từ chính quyền Việt Nam Cộng Hòa.

Ban biên tập gồm Nguyễn Phương Anh, Phạm Quế Dương, Phạm Hồng Đức, Nguyễn Thanh Giang, Phan Thế Hải, Nguyễn Văn Hiệp, Võng Quốc Hoài, Nguyễn Chính Kết, Trần Lâm, Tuệ Minh, Lê Chí Quang, Vũ Cao Quận, Trương Nhân Tuấn, Đặng Văn Việt, Phạm Việt Vinh.

- Ông Trần Lâm được biết như là luật sư tận tình của những người dân chủ mắc nạn, gần đây ông trực tiếp tham gia cuộc vận động dân chủ và viết nhiều bài lý luận về dân chủ pháp trị được phổ biến rộng rãi.

- Vũ Cao Quận là một nhà tranh đấu cho dân chủ tại Hải Phòng được biết tới do những gian truân mà ông đã gặp phải và thái độ kiên cường.

- Ông Đặng Văn Việt là một nhà kháng chiến lão thành, từng là tư lệnh quân khu và nổi tiếng với danh hiệu "hùm xám đường số 4". Tuy rất nhiều chiến công nhưng vì là con của một thương thư và lại có tính tình cương trực ông đã không được thăng chức từ năm 1948 cho đến khi nghỉ hưu với cấp bậc trung tá. Những người còn lại là những khuôn mặt trẻ rất tích cực và đầy hứa hẹn.

- Lê Chí Quang không cần được giới thiệu thêm vì đã là một trong những biểu tượng của tuổi trẻ Việt Nam.

- Phan Thế Hải là một ký giả trẻ đầy tài năng và rất được dư luận trong và ngoài nước thưởng thức sau nhiều bài báo sắc bén.

- Võng Quốc Hoài tuy mới xuất hiện gần đây nhưng đã được đặc biệt chú ý vì thành lập nhóm Thanh Niên Dân Chủ Sơn Hà.

- Phạm Hồng Đức là một cựu sĩ quan quân đội cộng sản đã viết nhiều bài nghị luận chính trị rất sắc bén gần đây.

- Nguyễn Chính Kết là một giáo sư triết và thần học tại Sài Gòn, được coi như một trong những khuôn mặt dân chủ trẻ tích cực nhất tại miền Nam hiện nay.

Ngoại trừ Nguyễn Văn Hiệp, Trương Nhân Tuấn và Phạm Việt Vinh tất cả đều ở trong nước.

Trong thư tòa soạn đầu tiên nhóm chủ trương tuyên bố : chúng tôi sẽ phấn đấu hết sức mình để góp phần xóa bỏ hận thù, xóa bỏ định kiến xuất phát từ quá khứ xung đột, ý thức hệ, thành phần giai cấp, khác biệt tôn giáo, sắc tộc, địa phương... để tiến tới hòa giải và hòa hợp dân tộc trong một cố gắng chung là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, đa nguyên và giàu mạnh, một nước Việt Nam có chỗ đứng

ngang nhau cho tất cả mọi người, một nước Việt Nam xứng đáng để những con người hôm nay góp sức xây dựng và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

Người ta chỉ có thể đồng ý với mục tiêu này và chúc Tổ Quốc, cũng như những tờ báo khác của những người dân chủ Việt Nam,

hoàn thành sứ mạng.

Để độc giả hiểu rõ hơn lập trường của tờ báo chúng tôi đăng lại sau đây hai bài xã luận (Thư tòa soạn) của Tổ Quốc số 1 và số 2.

## Thư Tòa soạn Tổ Quốc số 1

Bạn đọc thân mến,

Tập san này mang tên TỔ QUỐC. Hiểu theo Voltaire "Tổ quốc, đó là cái tên vừa êm ái nhất, vừa vĩ đại nhất có thể làm vang dội tai chúng ta. Ở đó nó ca ngợi tình yêu, sự nồng nhiệt, sự hy sinh và danh dự". Hiểu theo Lamennais "Tổ quốc, đó là bà mẹ chung, là sự hòa hợp trong đó những cá nhân riêng rẽ thông cảm và hòa đồng với nhau : đó là cái tên thiêng liêng tiêu biểu cho sự tự ý dung hợp tất cả quyền lợi thành một quyền lợi, tất cả mọi đời sống thành một đời sống vĩnh viễn trường tồn". Nguyễn Đình Chiểu thì quả quyết : "Muôn dặm giang sơn triều thánh đó, giang sơn còn hồn thánh hây còn. Nghìn trùng hồn phách nạn dân này, hồn phách mất tiếng dân nào mất".

Ở đây, TỔ QUỐC là tiếng nói từ suy tư và ước vọng của nhân dân Việt Nam.

Suy tư là vận dụng trí tuệ để thực hiện trách nhiệm đối với dân tộc trước những thử thách và hy vọng của hôm nay và ngày mai.

Ước vọng tha thiết nhất của nhân dân Việt Nam ngày nay là đất nước có tự do dân chủ, bởi vì có tự do dân chủ mới động viên được ý kiến và sáng kiến, mọi khói ốc, mọi trái tim và mọi bàn tay để tiến tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Cố gắng hướng tới "sự hòa hợp trong đó những cá nhân riêng rẽ thông cảm và hòa đồng với nhau... sự tự nguyện dung hợp tất cả quyền lợi thành một quyền lợi, tất cả mọi đời sống thành một đời sống vĩnh viễn trường tồn", chúng tôi sẽ phấn đấu hết sức mình để góp phần xóa bỏ hận thù, xóa bỏ định kiến xuất phát từ quá khứ xung đột, ý thức hệ, thành phần giai cấp, khác biệt tôn giáo, sắc tộc, địa phương... để tiến tới hòa giải và hòa hợp dân tộc trong một cố gắng chung là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, đa nguyên và giàu mạnh, một nước Việt Nam có chỗ đứng ngang nhau cho tất cả mọi người, một nước Việt Nam xứng đáng để những con người hôm nay góp sức xây dựng và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

TỔ QUỐC không thuộc về một đảng phái, một xu hướng chính trị riêng biệt nào.

Nhằm tôn vinh tình yêu, sự nhiệt thành, sự hy sinh và nhân phẩm, TỔ QUỐC không đăng tải những ý tưởng cực đoan, quá khích, cổ vũ bạo lực, kêu gọi bạo loạn lật đổ, những chỉ trích, phê phán quá gay gắt, nặng nề...

TỔ QUỐC, với năng lực hạn chế của mình sẽ cố gắng phấn đấu góp phần vào công cuộc "khai dân trí, chấn dân khí" để xây dựng con người Việt Nam mới có tri thức chính trị-kinh tế -xã hội tiên tiến, có tấm lòng bao dung, nhân hậu.

Hy vọng với sự đóng góp nhiệt thành của đông đảo đồng bào trong và ngoài nước TỔ QUỐC sẽ thực sự là tiếng nói từ suy tư và ước vọng của nhân dân Việt Nam.

Ban biên tập

## Thư Tòa soạn Tổ Quốc số 2

### Tự do thông tin không phải chỉ là một quyền chính trị

Sau Tổ Quốc số 1 nhiều bạn đọc nhận xét rằng lúc này phe dân chủ ra khá nhiều báo. Chúng tôi khẳng định : đó là một điều đáng mừng nhưng rất chưa đủ. Cần phải có thêm nhiều tờ báo độc lập nữa, phải mạnh dạn và dứt khoát coi cuộc đấu tranh giành tự do thông tin, nghĩa là tự do ngôn luận và báo chí, như là mục tiêu giai đoạn quan trọng nhất vào lúc này.

Thông tin đã trở thành một giá trị phổ cập không ai có thể chối cãi, kể cả các chế độ độc tài. Người ta có thể mừng rằng cuộc tranh luận đã ngã ngũ nhưng cũng cần cảnh giác rằng chính vì thiếu tranh luận trong chiều sâu mà tự do thông tin có thể chỉ được hiểu là một chọn lựa đúng mà thôi. Nhưng vấn đề không giản dị là đúng hay sai. Nó nghiêm trọng hơn nhiều.

Còn người sơ khai, ngay từ thời kỳ văn minh săn hái, đã biết tiếp thu, tích lũy và sử dụng một khối lượng thông tin cực kỳ lớn về thời tiết, thảo mộc và các động vật, để biết có thể và phải làm gì, vào lúc nào, ở đâu và như thế nào. Chính nhờ khả năng này mà con người, động vật vui vẻ và yếu đuối, đã vượt lên trên mọi động vật khác, làm chủ được thiên nhiên, cải thiện cuộc sống và không ngừng thay đổi bộ mặt của thế giới. Như cầu thông tin xuất hiện cùng với loài người.

Từ đó hoạt động chính của con người là trao đổi thông tin, mọi loại thông tin. Không phải chỉ trao đổi thông tin về những gì đã có hoặc hiện có mà cả, và nhất là, về những gì có thể có, không thể có, phải có, nên có và không nên có. Không phải chỉ về những gì mình biết hay cảm nhận mà cả về những dự định, những ký ức và những giả thuyết. Nếu không thì giống người đã không thể trở thành văn minh và hùng mạnh, mà cũng không thể tồn tại. Thông tin vì vậy là môi trường sinh thái của con người. Một con người thiếu thông tin là một con người suy giảm, không thực sự là một con người.

Trên điểm này chúng ta không thể thỏa hiệp và nhân nhượng.

Ban biên tập

# Vòng tròn lưu manh của xã hội Việt Nam

Giáo lý đạo ki-tô quan niệm rằng : con người sinh ra đã mang tội do tổ tông để lại. Điều này những người theo Khổng giáo khó chấp nhận bởi họ cho rằng "nhân chi sơ, tính bản thiện". Thế nhưng trong xã hội Việt Nam ngày nay, con người sinh ra được làm người lương thiện hay không ? Có chăng chỉ được lương thiện trong mấy chục giây rồi thành kẻ lưu manh suốt cuộc đời.

Hãy lấy bối cảnh ở một nhà hộ sinh, nơi con người cất tiếng khóc chào đời, nơi đón chào những công dân mới cho xã hội. Phải chăng đây là một nơi đầy tính thiện, là chiếc nôi chân thiện cho đứa trẻ còn "sơ" kia nambi mình, vươn vai đón nhận xã hội.

Không. Một đứa trẻ vừa ngừng tiếng khóc để hít luồng không khí đầu tiên vào lồng ngực thì nó đã phải làm một kẻ lưu manh rồi.

Nếu nó là con cháu của một quan chức công sản : ngoài kia có bao kẻ chầu chực săn, thập thò những phong bao, phong bì. Cửa mở, chúng ùa vào như đàn nhặng xanh, chúng chen nhau chúc tụng tán dương rồi chất lên người nó những đồng tiền bẩn thỉu do tham ô, bớt xét công quỹ hay cướp giật, bóp nặn dân nghèo. Như vậy đứa trẻ bắt đầu biết nhận hối lộ, bắt đầu một cuộc đời lưu manh mà cha ông nó sẽ sấp sỉ cho nó một vị trí trong xã hội.

Nếu nó là con một nhà thường dân : khi nó vừa ngừng tiếng khóc, bố mẹ nó đã chuẩn bị sẵn vài chiếc phong bì tạm tạm. Để lót tay cho mấy bác sĩ, y tá, hộ lý nếu muốn con mình được họ quan tâm săn sóc hơn, nếu muốn được cắt rốn, băng bó hợp vệ sinh và nếu không muốn bị nhiễm trùng hay tiêm nhầm thuốc... Như vậy là vì đứa trẻ mà bố mẹ nó phải đưa hối lộ. Nó là nguyên nhân của tội lỗi, nó đã bị lưu manh hóa.

Ở một nơi khác, một cô y tá đến thay băng cho bệnh nhân. Bệnh nhân hỏi cô y tá :

- Có đau không thưa cô ?

Cô y tá trả lời :

- Có ba loại, một loại không đau, một loại hơi đau và một loại rất đau, mỗi loại một giá. Anh dùng loại nào ?

Bệnh nhân van vỉ :

- Y đức của cô để đâu, mái trường xã hội chủ nghĩa đào tạo cô bao nhiêu năm rồi trở thành kẻ lưu manh vậy à ?

Cô y tá quát lên :

- Anh tưởng tôi muốn vậy lắm à ? Anh có biết để vào được đây làm tôi phải lo lót bao nhiêu chỗ, hết bao nhiêu tiền không ? Anh có biết lương tháng của tôi giờ được bao nhiêu không ? Nếu không làm vậy thì biết bao giờ tôi mới kiếm đủ số tiền kia.

Một mai, những đứa trẻ sinh ra từ cái nhà hộ sinh kia bước vào trường mẫu giáo. Thần tượng đầu tiên nó phải mang trong đầu là ảnh một ông già nào đó mà người ta bắt gọi bằng Bác Hồ, hình thù nó phải vẽ đầu tiên là một ngôi sao tó màu vàng trên một tờ giấy màu đỏ. Bố nó trấn an : "Con yên tâm mà học nhé, bố vừa tổng cho cô giáo con mấy trăm ngàn rồi đấy". Nó xác định, đó là một cái giá mà nó phải tìm cách thu lại ở ngôi trường này, nếu không thì sẽ lỗ. Vậy là đứa trẻ không được học một điều nhân đức, bác ái nào mà thay vào đó là

những tư tưởng mơ hồ xa xôi nào đó và sự đồng lõa lưu manh với cô giáo. Từ đó nó bắt đầu dấn thân vào cuộc đời lưu manh, nó tiếp tục học cao lén, tiểu học, trung học, đại học. Nó luôn dùng đồng tiền ra mặc cả với những điểm số và thấy rất hiệu quả. Khi nó đi tìm một vị trí lao động trong xã hội nó cũng mang đồng tiền ra để mua chuộc. Và rồi. Khi có được vị trí công tác ấy, nó tổng kết lại số tiền mà cái xã hội lưu manh đã lấy của nó từ khi sinh ra ở cái nhà hộ sinh ấy. Nó phải đòi lại cho đủ từ băng mọi thủ đoạn của một kẻ lưu manh.

Thế nhưng cái "bản thiện" của con người trong mấy chục giây đầu đời bây giờ đã bị lãng quên. Lưu manh đã thành bản chất, nó đã đầy túi tham rồi nhưng của cải xã hội vẫn còn và nó tiếp tục bòn rút bóp nặn những người lao khổ như cha mẹ nó và nó ngày xưa. Để rồi lại biến họ thành những kẻ lưu manh sau này. Đó là một cái vòng tròn khốn nạn đều cảng nhất của xã hội Việt Nam ngày nay mà bọn tham quan ô lại trong triều đình cộng sản gây ra.

Nếu ngay ngày mai, các nhà chí sĩ dân chủ yêu nước thủ tiêu bỏ cái chế độ cộng sản thối nát này đi, thì cũng phải mất 30 năm nữa mới mong cải thiện được lại xã hội. Bởi 30 năm sau những người đang đứng ở những vị trí trong cái chế độ thối nát này mới về hưu. Họ không còn tạo được những vòng tròn lưu manh nữa. Một thế hệ lao động mới của nền dân chủ tự do bình đẳng bác ái sẽ nắm giữ xã hội. Còn nếu không thủ tiêu bỏ cái chế độ lưu manh đồi bại này đi thì 30 năm nữa dân tộc Việt Nam sẽ mất. Sẽ không còn bản chất của một dân tộc văn hiến có truyền thống đạo đức. Xã hội sẽ bị suy đồi thắc loạn vô nhân tính, những giá trị chân thiện mĩ sẽ chỉ còn trong hoài niệm của một số ít người.

Xã hội Việt Nam nếu không được thay đổi thì 30 năm nữa sẽ đi về đâu ? Những người lương thiện còn sót lại trong ngày hôm nay sẽ về thiên đàng, còn lại nguyên những kẻ lưu manh cắn xé lưỡng gạt nhau. Còn lại những đứa trẻ đã được lưu manh hóa từ mấy đời không bao giờ còn được biết trong tiếng Việt có hai từ "lương thiện". Đảng cộng sản lúc ấy là một băng đảng xã hội đen lớn mạnh nhất, cướp bóc, trấn lột, buôn người, hiếp dâm. Là nỗi kinh hoàng của các băng đảng khác và mọi người dân.

Dân tộc Việt Nam đang trên đà suy đồi, đạo đức và những truyền thống tốt đẹp đang bị băng hoại, nguy cơ diến xóa sổ một nền văn hóa. Có người đổ cho nền giáo dục xuống cấp, có người đổ tại những luồng văn hóa ngoại lai tấn công. Nguyên nhân chính là do cái chế độ cầm quyền đã tha hóa hủ bại, mà sâu xa là do cái ý thức hệ cuồng bạo thôn tính tư tưởng dân tộc. Khiêng cuồng cầm tù dân tộc trong một pháo đài đổ nát của thứ chủ nghĩa ảo tưởng đã sụp đổ. Một chế độ tàn bạo sần sàng ăn xương uống máu nhân dân, đánh đổi cả một nền văn hiến để kéo dài thời gai giây chết. Nó sẽ đưa dân tộc Việt Nam tới vũng lầy nào ???

Tương lai của xã hội Việt Nam, của dân tộc Việt Nam và của người dân Việt Nam phụ thuộc vào hành động của của mỗi con người Việt Nam ngày hôm nay.

Vì danh dự, vì vận mệnh dân tộc. Xin hãy hành động !

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2006

Vương Quốc Hoài

**Chuyện cung đình Hà Nội :**

## Khi trống đánh xuôi, kèn thổi ngược !

Những tháng của quý 4 năm 2006 này, chính quyền Việt Nam như bước vào cuộc thi cuối để dành lấy chiếc bằng WTO. Về mặt tôn trọng tự do tôn giáo, quốc hội Mỹ cũng sẽ xét việc bỏ hay không chiếc mũ lửa «CPC» xấu xí, chính quyền Việt Nam như anh học trò có hạnh kiểm xấu sắp phải ra trước hội đồng kỷ luật.

Để cho mọi việc trôi chảy, lẽ ra cung đình Hà Nội phải rất cố gắng và thận trọng, để được đủ điểm cần thiết, tránh những vấp váp trở ngại.

Quả thật họ đã có khá nhiều cố gắng. Vài chục bộ luật đã được thông qua, tuy vẫn còn thiếu. Việc lobby tại quốc hội Mỹ được thực hiện khá ráo riết. Đã thông qua luật phòng chống tham nhũng và việc áp dụng luật đã bắt đầu. Chủ tịch nước mới Nguyễn Minh Triết và thủ tướng mới Nguyễn Tấn Dũng có những tuyên bố khá hăng hái cùng một số việc làm đáng chú ý theo hướng tích cực.

Thế nhưng - đây mới là chuyện cần nói rõ - đang có nhiều biểu hiện «trống đánh xuôi, kèn thổi ngược», và những tiếng kèn ngang ngược inh tai nhức óc đang át đi những tiếng trống đánh xuôi gượng gạo.

Việc trả lại tự do cho người tù chính trị chậm trễ, quá ư ít ỏi kiểu nhỏ giọt chỉ có tác dụng ngược. Việc đàn áp rất thô bạo các nhà báo chủ trương ra báo tự do dân chủ và dùng internet đang diễn ra hàng ngày, từ Hà Nội qua Huế vào Sài Gòn, đang làm xôn xao dư luận quốc tế và làm giới báo chí thế giới nỗi giận.

Việc những nhóm công an xông vào đánh đập nhà báo nữ Trần Khải Thanh Thúy thành thường tích, lấy đi máy tính và hàng trăm tài liệu, bài viết của chị, cũng như đánh đập các thanh niên Lê Trí Tuệ, Nguyễn Ngọc Quang, Du Lam, và Phạm Bá Hải một cách rất du côn hiểm hóc, còn vu cáo các anh buôn ma túy ; rồi đấm đá các mục sư Ngô Hoài Nữ và Nguyễn Công Chính... chứng tỏ lãnh đạo của bộ công an Hà Nội đã có chỉ thị cho các tổ chức công an cơ sở làm những việc tàn tệ, thất đức, kiểu côn đồ đối với những thanh niên và tín đồ lương thiện.

Các ông Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng, Lê Hồng Anh... không thể nào không biết về những chuyện tày đình chà đạp thân thể những nam, nữ công dân ưu tú của những nhân viên an ninh có vũ khí và đủ phương tiện di làm công vụ như thế. Các ông phải biết xấu hổ khi để xảy ra; hay các ông đồng lõa, thậm chí là kẻ ra lệnh ?

Đâu rồi, những lời lẽ my dân : «tôn trọng nhân dân», «lẽ độ với dân», «chú ý lắng nghe tiếng nói của người dân» ? Đâu rồi, những dòng chữ trong bộ luật hình sự : cấm dùng mọi hình thức nhục hình và chửi bới đối với mọi người. Cái chính quyền này có còn thật là một chính quyền có hiến pháp và luật pháp hay không ?

Tôi vừa trao đổi tình hình trên đây với vài nhà báo Pháp và hai vị cán bộ cấp đại tá làm việc tại bộ nội vụ (an ninh) Pháp. Họ cho rằng những hành động trên là tuyệt đối không thể chấp nhận ở một nước sắp được hội nhập với thế giới văn minh này ; càng không thể chấp nhận khi đã vào thế kỷ 21. Những kẻ lộng quyền như thế là phạm pháp, phải bị truy tố trước pháp luật, và sau đó phải bị loại khỏi mọi bộ máy nhà nước. Lãnh đạo ngành an ninh không thể ngồi yên.

Viên đại tá an ninh Pháp có ý kiến khá mới mẻ đối với tôi ; anh cho rằng nếu ở Pháp, các báo sẽ lên tiếng khẩn cấp và theo dõi đến cùng, cho đến khi sự việc được giải quyết公正.

nghĩa là những nhân viên công an hung bạo với công dân bị xét xử rõ ràng, theo đúng tội. Thêm nữa - đây mới là điều mới - ở Pháp, tổ chức công đoàn của công an, của cảnh sát và gia đình của hàng vạn công an viên, cảnh sát viên sẽ lên tiếng chất vấn từ bộ trưởng công an đến thủ tướng chính phủ rằng : họ cho con em vào ngành công an và anh chị em tự nguyện tổ chức công đoàn không phải để cho chính phủ biến thành tên hung bạo tàn ác với dân lành, những kẻ thừa hành mù quáng, mất nhân cách và nhân tính đến vây. Sau này về gia đình, chúng sẽ là tai họa cho xung quanh.

Điều rất kỳ lạ là trong nước có 600 tờ báo các loại mà tất cả đều im re trước những hành động vũ phu diễn ra khắp mọi vùng của công an, dưới cái gậy chỉ huy của đảng ! Mà báo của bộ công an , như tờ *An ninh thế giới* - thì lại quá bận làm tiền bằng cách khai thác toàn những chuyện giết nhau, lừa nhau, dâm chém, sát phạt nhau, buôn lậu, hút sách, đĩ điểm, dùng bạo lực giật gân nhất nhằm «phục vụ tuổi trẻ», đến mức các nhà giáo dục trong nước phải cầm con em mình mua và đọc báo công an, vì đó là tờ báo «mất dạy nhất», góp phần đầu độc cả một thế hệ thanh niên theo hướng buông thả, thú tính và bạo lực. Cán bộ lãnh đạo tờ báo này là đại tá Đặng Vương Hưng, lận mất tăm hơn 4 tháng nay, khi hiện nguyên hình là một tên lưu manh mặt hàng, bịp bợm và dâm ô siêu đẳng, một vụ động trời được bộ công an dấu kỹ.

Trong nước không ai làm thì đã có ngoài nước. Tôi rất mừng được tin mạng *Đồi Thoại* - rất được bà con trong nước tìm đọc - đã công khai yêu cầu bà con trong nước nào bị công an đối xử thô bạo xin hãy thông báo tỷ mỷ cho mạng nội dung sự việc, địa điểm, thời gian, tên tuổi, cấp bậc những kẻ phạm tội để lưu giữ trong hồ sơ nhân quyền. Đây là việc làm cao đẹp, thuận ý dân, thuận thời đại mới.

Ngân Hàng Thế Giới (WB) vừa ra thông báo cho biết mấy tháng nay Việt Nam lại tụt thêm 6 bậc (từ 98 xuống 104) về môi trường đầu tư quốc tế. Thủ tướng Hà Lan vừa lên tiếng than phiền rất mạnh mẽ về việc chính quyền Hà Nội ngang nhiên can thiệp thô bạo vào mối quan hệ giữa ngân hàng Việt Nam với ngân hàng AMRO Hà Lan, để đòi được đền bù hơn 5 triệu USD, còn bắt giữ và dọa tù, cho đến tử hình, những nhân viên liên quan. Thực là quá quắt. Còn ai dám bỏ tiền vào đầu tư khi sau nụ cười mòi mọc là những hàm răng nhọn hoắt công an tri.

Cho nên để đón chào hơn 20 vị nguyên thủ quốc gia cho thượng đỉnh APEC, cung đình Hà Nội chi hàng trăm triệu USD cho hội trường, đại lộ, nhà khách lộng lẫy, xe cộ mới tinh, y phục độc đáo, thực phẩm quý hiếm, giải trí lu bù... Mọi thứ sẽ chỉ là vô duyên, chỉ là công cốc nếu như họ không nhìn thẳng vào sự thật, sửa mình một cách dứt khoát theo hướng dân chủ thật sự, tôn trọng nhân quyền của dân mình, chấm dứt mọi cảnh công an tri, đàn áp thô bạo những chiến sĩ dân chủ quý hiếm, có trí tuệ và tâm huyết, những người đi tiên phong thật sự trong hòa nhập với thế giới văn minh.

Khi Việt Nam vào WTO và khi Hà Nội đón Thượng đỉnh APEC, các chiến sĩ dân chủ kiên cường bất khuất phải được đứng ở những vị trí danh dự - dù là chỉ trong tâm tưởng - cao đẹp xứng đáng nhất.

Bởi vì : chỉ theo những chính kiến cao đẹp của họ, việc vào WTO và hòa nhập trong APEC mới trọn vẹn, để đem lại phồn vinh và hạnh phúc thật sự cho toàn đất nước, cho toàn dân ta.

**Bùi Tín (Paris)**

# THAY ĐỔI XÃ HỘI

Tôn Thất Thiện

Nhiệm vụ lịch sử của Dự Án Chính Trị Tập Hợp Đa Nguyên mà các bạn gởi cho anh em là một tóm tắt rất đầy đủ và gọn gàng về vấn đề thay đổi xã hội

Chúng ta đều đồng ý về nhu cầu "*phải xét lại toàn bộ các giá trị và tập quán, phải đổi mới hoàn toàn cách suy nghĩ và tổ chức xã hội*". Tôi đã có góp một số ý kiến về vấn đề này, và sẽ cố gắng đóng góp thêm nữa, vì vấn đề rộng lớn, phức tạp, cần suy ngẫm nhiều. Lần này tôi chỉ muốn đưa ra một số nhận định giới hạn.

Một khi đã chấp nhận thay đổi là cần, lại phải trả lời một số câu hỏi cẩn bản khác :

1. Thay đổi gì, nhiều ít, đến mức nào ?
2. Làm sao thay đổi ?
3. Ai làm việc đó ?
4. Sẽ gặp những trở ngại, khó khăn gì ?
5. Làm sao vượt qua những trở ngại đó ?

Những câu hỏi trên đây có vẻ giản dị, nhưng thực ra là những câu hỏi rất khó, phức tạp, sâu rộng. Nó tùy thuộc rất nhiều yếu tố. Trả lời dứt khoát những câu hỏi đó là một việc đòi hỏi rất nhiều suy nghĩ, cân nhắc, để những giải pháp đưa ra có thể được nhiều người chấp nhận, một điều rất khó vì ảnh hưởng rất nặng của di sản văn hóa : những người chống đối hay cưỡng lại thay đổi không phải chỉ thuộc đại đa số dân chúng thường có xu hướng bảo thủ nặng vì kiến thức ít, thành kiến nhiều, và ít được tiếp xúc với thế giới bên ngoài ; họ còn là những người có trình độ học vấn cao, được tiếp xúc nhiều với thế giới, nhưng lại rất hăng trong việc chống thay đổi vì nhiều lý do : vì sợ dân tộc Việt Nam "mất gốc", vì muốn "bảo tồn văn hóa cổ truyền", hay vì muốn tiếp tục một cuộc đời bình thản, không mệt trí, không mệt xác...

Muốn giải pháp đúng, phân tách phải đúng. Về điểm này, hôm nay tôi xin đưa ra vài nhận xét về ba nhận định thường được thấy trong hầu hết các bài viết về Việt Nam. Những nhận định đó được lặp lại trong đoạn đầu của "*Phản I trong Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên - Thành Công Thế Kỷ 21*" (trang 5) như đã dẫn trên : "Với một dân số đông đảo, những con người cần mẫn và một địa lý thuận lợi, Việt Nam có tiềm năng của một nước lớn và giàu mạnh, giữ một địa vị quan trọng trên thế giới, vể vang cho dân tộc và có ích cho loài người. Mặc dù vậy hiện nay chúng ta chỉ là một trong những nước nghèo và lạc hậu nhất thế giới. [...] Những chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống của các dân tộc là hậu quả của điều kiện địa lý, tài nguyên thiên nhiên và cách tổ chức xã hội. Trong những yếu tố đó, tổ chức xã hội có tầm quan trọng vượt hẳn". Nói tóm lại, sở dĩ nước Việt Nam vẫn còn nghèo và lạc hậu là vì cách tổ chức xã hội Việt Nam chúng ta tồi dở.

Nhận định trên đây, cũng như những nhận định tương tự mà ta thường nghe dưới nhiều hình thức - "dân Việt Nam thông minh, cần cù, hiếu học... nước Việt Nam tài nguyên

phong phú..." - biểu hiện ý chí đề cao tinh thần tự hào dân tộc. Nhưng những lập luận này không đúng, và tệ hại hơn, chúng có tác động cản trở sự tiến bộ vì gây ra tinh thần tự mãn, không cố gắng đi tới.

Dân số đông đảo. Yếu tố này cũng không hẳn là một yếu tố thuận lợi. Nó tùy thuộc địa lý có thuận lợi hay không. Địa lý có hai khía cạnh :

1. Kinh tế : vị trí, tài nguyên và khí hậu ;

2. Chính trị, an ninh : trong trường hợp Việt Nam nó lại là một yếu tố ngăn cản phát triển dưới cả hai khía cạnh.

Thật ra dân số đông đảo chỉ là một yếu tố thuận lợi nếu quốc gia đông dân đó có một diện tích rộng lớn, có nhiều sông ngòi cung cấp nước canh tác và một khí hậu tốt, nghĩa là mưa nắng đều hòa, không hanh quá, không nhiệt quá. Về tài nguyên thiên nhiên, phải có nhiều quặng mỏ tốt, sản lượng cao. Lại nữa, dân chúng đông đảo đó phải có trình độ văn hóa cao, đặc biệt là về kỹ thuật chuyên môn, và tinh thần công dân mạnh, hiểu sự quan trọng của tổ chức, đặc biệt là chấp nhận kỷ luật tổ chức.

Đến nay, Việt Nam vẫn chưa hội đủ những điều kiện vừa nói. Diện tích đất đai canh tác không nhiều. Đồng bằng sông Hồng Hà tại miền Bắc thì quá chật hẹp, dân chúng thiếu đất cày, sống chen chúc, môi trường sống ngày càng tệ hơn. Đồng bằng miền Trung là một dãy thung lũng hẹp, bị ép giữa Thái Bình Dương và dãy núi Trường Sơn, đất đai cằn cỗi và kém phì nhiêu, thổ sản cũng không có gì đáng kể. Trên dãy đất nghèo hẹp đó dân chúng sống chen chúc, nghèn khổ còn hơn cả miền Bắc nhiều lần. Chỉ có miền Nam là ruộng đất phì nhiêu, rộng lớn, sông lạch nhiều, nhưng phải siêng năng chăm sóc vì trên một số vùng đất ruộng bị nhiễm phèn, phải rửa nước thường xuyên. Nguồn nước chính là sông Mê Kông, nhưng nay đang bị một nguy cơ lớn là Trung Quốc và Thái Lan xây dựng đập ngăn nước bừa bãi để lấy nước tưới đất của họ. Đây là một nguy cơ lớn cho miền Nam : vì thiếu nước canh tác, đồng ruộng sẽ bị phèn hóa.

Gần đây Việt Nam, nhất là ngoài khơi bờ biển miền Nam, có mỏ dầu hỏa. Tuy là một nguồn lợi quan trọng, nhưng sản lượng không đủ lớn để Việt Nam được liệt vào hàng những quốc gia sản xuất dầu hỏa lớn trên thế giới, như Saudi Arabia, Iran, Iraq, Kuwait, Venezuela, Nigeria...

Về trình độ văn hóa, người Việt có tiếng sáng trí, hiếu học, cần mẫn. Có nhiều người đỗ đạt cao, không kém gì người phương Tây. Nhưng phần đông vẫn chưa thoát ly được ảnh hưởng của di sản văn hóa cổ truyền : chỉ học thuộc lòng những gì đã có sẵn, thiếu óc tò mò, đặt nghi vấn, phát minh, tìm tòi cái mới. Tuy có cần mẫn nhưng chỉ nhầm mục tiêu tiến thân cá nhân, thay vì chú tâm vào việc cải thiện số phận chung của tập thể.

Như tài liệu nhấn mạnh : Việt Nam vẫn nghèo và lạc hậu bởi vì "cách tổ chức xã hội của Việt Nam chúng ta

# BẦU CỬ TỰ DO TRONG TẦM TAY

Nguyễn Văn Hiệp

Dự Án Chính Trị Thành Công Thế Kỷ 21, năm 2001, của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định : "Một thực tại hiển nhiên là đảng và nhà nước cộng sản dù ngoan cố và thủ đoạn đến đâu cũng không kháng cự được trào lưu tiến hóa chung của thế giới và nhất là những tiến bộ về truyền thông. Chế độ ngày càng phải miễn cưỡng mở cửa ra thế giới, bình thường hóa quan hệ ngoại giao và thương mại với mọi quốc gia, hội nhập dần dần vào sinh hoạt quốc tế. Lượng thông tin giữa Việt Nam và thế giới sẽ tiếp tục gia tăng nhanh chóng, mọi bức tường ngăn chặn, kể cả những bức tường lửa trên hệ Internet, sẽ đều trở thành ngỏ ngắn và vô vọng".

Bất kể các văn kiện của các kỳ đại hội luôn khẳng định sự trung thành với kim chỉ nam Mác-Lê Nin, trên thực tế chính sách của đảng và nhà nước cộng sản đã không thể duy trì được thế đối đầu và cô lập của thời kỳ lưỡng cực.

Giữa một thế giới đang gia tăng trao đổi với tốc độ chóng mặt, chủ trương cô lập và đối đầu là tiền đề của sự sụp đổ bất chợt mà nhà cầm quyền độc tài nào cũng ý thức được. Sự hội nhập mà đảng cộng sản phải chấp nhận tự trong chiều sâu đã hàm chứa sự hiện hữu bắt buộc của các tiếng nói đối lập.

dở". Có những quốc gia có điều kiện địa lý ít thuận lợi như Nhật Bản, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Nam Hàn, Đài Loan, Singapore... nhưng giàu mạnh hơn Việt Nam vì dân tộc họ có văn hóa và có một tổ chức xã hội thích hợp để phát triển.

Về chính trị-an ninh, nghĩa là địa lý chính trị, thì tình trạng cũng chẳng thuận lợi gì hơn. Việt Nam tương đối là một nước nhỏ nằm cạnh một nước lớn là Trung Quốc : diện tích Việt Nam bằng 3,4% diện tích của Trung Quốc (329.560 km<sup>2</sup> và 9.596.960 km<sup>2</sup>), dân số bằng 6,5 % của Trung Quốc (80 triệu và 1.219 triệu). Thêm vào đó Việt Nam lại có một ranh giới chung với Trung Quốc dài 1.150 km, cho nên thường xuyên bị Trung Quốc áp đảo về an ninh. Chính vì thế một phần lớn lịch sử của Việt Nam là đương đầu với nguy cơ xâm lăng, thôn tính của nước láng giềng phương Bắc này. Nếu là một hòn đảo hay quần đảo như Đài Loan, Phi Luật Tân, Nam Dương, hay chỉ là một bán đảo ở xa Trung Quốc như Mã Lai, thì người Việt Nam đã không phải mất nhiều thì giờ, tâm trí, tài nguyên để củng cố vị thế địa lý chính trị bất lợi này gây ra.

Chúng ta cần thẳng thắn nhìn nhận những điều kiện dân số, địa lý không thuận lợi trên đây để ý thức rằng trong công cuộc phát triển đất nước, khi gặp những chướng ngại lớn do thiên nhiên hay con người gây ra, chúng ta phải biết khiêm tốn và làm những cố gắng phi thường để vượt qua những trở ngại lớn đó. Tự ti mặc cảm hay tự cao tự đại không giúp chúng ta đi xa hơn hay vượt qua những khó khăn trước mắt. Nhưng muôn làm những cố gắng phi

Cường độ của các tiếng nói đối lập đòi dân chủ tự lập thuận với sự hội nhập của chế độ cộng sản vào cuộc chơi toàn cầu.

Truyền thông hiện đại do vậy là một bắt buộc cho quá trình hội nhập. Đó cũng chính là một công cụ hữu hiệu cần được khai dụng tối đa của phe dân chủ.

Dù muôn dù không đảng cộng sản đã khởi động diễn tiến hòa bình.

## Phương hướng tiếp cận

Dự Án Chính Trị Thành Công Thế Kỷ 21 nói tiếp : "Người Việt hải ngoại ngày càng ý thức rằng họ vừa có vai trò của một đội tiền phong đắc lực trên mặt trận quốc tế vận vừa có tiềm năng của một hậu phương an toàn và hùng mạnh, cung cấp đầy đủ nguồn tài chính, thông tin, ý kiến và lý luận cho mặt trận quốc nội. Ý thức rằng một kết hợp dân chủ trong nước-ngoài nước có thể đánh bại đảng cộng sản dễ dàng đang ngày càng rõ rệt, và khi nó đã rõ rệt thì chế độ cộng sản sẽ bắt buộc phải chấp nhận tiến trình dân chủ hóa để tránh sụp đổ trong thảm khốc".

Cộng đồng người Việt hải ngoại được hình thành và phát triển trong môi trường tự do, sự năng động của thực

thường đó, chúng ta phải đồng ý với nhau về một tổ chức xã hội thích hợp.

Tập Hợp Đa Nguyên đã đặt vấn đề rất đúng khi nêu lên nhu cầu nhận diện những vấn đề căn bản của đất nước. Đó là xét lại triệt để và thẳng thắn hiện tại lẩn quẩn khứ của Việt Nam, cùng nghiên cứu kỹ kinh nghiệm của các nước đã thành công trong công cuộc hiện đại hóa, đặc biệt là làm nổi bật tầm quan trọng của yếu tố tổ chức xã hội trong công cuộc phát triển.

"Tổ chức xã hội tốt hay xấu, khéo hay vụng, có thể thay đổi hoàn toàn số phận của một dân tộc... tổ chức xã hội rõ ràng là chìa khoá của tiến bộ, là yếu tố quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của các dân tộc. Nhưng tổ chức xã hội không thể có bằng sự áp đặt máy móc một khuôn mẫu mà phải được hình thành sau một quá trình trao đổi, do sự gặp gỡ giữa trí tuệ và những thực tại lịch sử, địa lý, văn hóa, đạo đức của mỗi dân tộc. Muốn thay đổi tổ chức xã hội, trước hết phải thay đổi những giá trị nền tảng của xã hội".

Đó là một sự thật mà, ngày nay, những người còn ưu tư đến sự sống còn của Việt Nam phải rút ra một bài học dứt khoát là phải từ bỏ tâm lý nóng vội, từ bỏ óc độc quyền lẽ phải, chế ngự lòng đam mê để đối thoại và thỏa hiệp với nhau trong tinh thần tương kính. Thái độ lương thiện và xây dựng này xuất phát từ nhận thức rằng mọi người Việt Nam dù ở bất cứ nơi đâu đều ràng buộc với nhau trong một thân phận chung : thân phận Việt Nam.

Tôn Thất Thiện (Ottawa, tháng 9, 2006)

thể xã hội dân sự này cần được nuôi dưỡng và tăng cường. Hiệu năng của vai trò tiền phong và hậu phương của nó chỉ được nhân lên khi những hoạt động được điều hướng bởi những phân tích và nghiên cứu nghiêm túc. Mọi hành động nhằm đoàn ngũ hóa hoặc khống chế sinh hoạt cộng đồng của những tổ chức chính trị là những tính toán sai lầm và do đó sẽ thất bại sau khi gây thiệt hại.

Cộng đồng người Việt hải ngoại nếu dành ưu tiên cho tương lai dân tộc Việt Nam thì sẽ đóng vai trò yểm trợ tối quan trọng cho sự hình thành một kết hợp dân chủ trong nước-ngoài nước.

Kết hợp dân chủ trong nước-ngoài nước chỉ xứng đáng là hiện thân của tương lai cho đất nước Việt Nam khi nó được đặt trên nền tảng *lấy dân chủ là nguyên làm mục đích, hòa giải và hòa hợp dân tộc làm tinh thần, và bất bạo động làm phương pháp*.

### Mục tiêu bầu cử tự do

Dự Án Chính Trị Thành Công Thế Kỷ 21 viết: "Những cuộc bầu cử tự do sẽ không thể do chính quyền cộng sản quyết định một mình và tổ chức một mình. Bầu định chế nào, bầu vào lúc nào, bầu như thế nào, những ai được quyền đi bầu và những ai được quyền ứng cử là những quyết định trên đó đối lập dân chủ Việt Nam phải có tiếng nói.

Bầu cử tự do chỉ có thể diễn ra khi mọi quyền tự do chính trị cơ bản đã được chính thức và long trọng xác nhận và các luật lệ mẫu thuẫn với các quyền tự do chính trị đã được bãi bỏ. Bầu cử tự do phải diễn ra trong tinh thần hòa giải dân tộc, vượt lên trên mọi hàng rào hành chính do chính quyền hiện tại tạo ra hay do hoàn cảnh mà có. Một cách cụ thể, trước khi có bầu cử mọi chính trị phạm phải được trả tự do và phục hồi quyền công dân trọn vẹn, các tiền án chính trị phải được xóa bỏ, người Việt hải ngoại cũng phải được nhìn nhận quyền bầu cử và ứng cử. Bầu cử tự do cũng phải được tổ chức bởi một chính quyền hội đủ điều kiện để được nhìn nhận là có khả năng đảm bảo cho bầu cử được công bằng và lương thiện. Chính quyền này sẽ hoan nghênh sự hiện diện không giới hạn của những quan sát viên quốc tế vô tư trong những cuộc bầu cử tự do".

Sự hình thành của một mặt trận dân chủ có tầm vóc sẽ là đồng minh trước hết của những tiếng nói thức thời từ trong nội bộ đảng cộng sản.

Sự lớn mạnh của mặt trận dân chủ sẽ làm lệch cán cân lực lượng trong môi trường chính trị Việt Nam, trong đó trọng lượng của những tiếng nói dân chủ sẽ dần tháo gỡ sự trì trệ do cơ chế giáo điều gây ra, tạo sự quân bình cho quá trình chuyển đổi.

Giai đoạn chuyển tiếp về dân chủ, đặc biệt là thời điểm của của cuộc bầu cử tự do, là một chính quyền hòa giải dân tộc trong đó các lực lượng dân chủ phải hiện diện ở mức độ đủ để đảm bảo bầu cử lương thiện. Vấn đề còn lại của mục tiêu bầu cử tự do là các khía cạnh kỹ thuật.

Một vai trò cơ bản của dân chủ là bảo vệ tự do và nhân quyền. Bầu cử tự do là công cụ bước đầu bắt buộc, do đó các kinh nghiệm cần được nghiên cứu.

Cuộc bầu cử ở Panama năm 1989 là một kinh nghiệm.

Sự hiện diện của các quan sát viên quốc tế đã không ngăn cản tướng Manuel Noriega dùng vũ lực để ngang nhiên thay đổi kết quả đầu phiếu, dẫn đến sự can thiệp quân sự của Mỹ, và những người đắc cử thực sự đã nắm quyền lực sau đó. Bầu cử ở Nigeria năm 1998 nhằm chuyển đổi từ chế độ quân sự sang chế độ dân sự thì không gặp rắc rối ở phía chính quyền quân nhân đương quyền, nhưng gian lận bầu cử nghiêm trọng lại diễn ra ở các đảng chính trị. Các tổ chức quan sát quốc tế điển hình là Carter Center của cựu tổng thống Mỹ Jimmy Carter đã phải nhọc công hơn để bảo đảm được một kết quả bầu cử trung thực và công bằng cho một chính phủ dân sự. Đông Timor năm 1999 là một trường hợp khác. Gian lận bầu cử với sự tiếp tay của quân đội Indonesia đã được kịp thời ngăn chặn bởi sự nhiệt tình của các tổ chức quan sát quốc tế. Cũng trong năm 1999, sự thành công mỹ mãn trong cuộc bầu cử ngành lập pháp toàn quốc ở Indonesia đã là một sự kiện trọng đại đối với một nước có số dân Hồi giáo đông nhất thế giới. Người dân Indonesia, đặc biệt là giới trẻ, đã quá chán ghét chế độ độc tài kéo dài trong 32 năm của Suharto.

Kỹ thuật của việc tổ chức bầu cử tự do tuy có thể được áp dụng khác nhau tùy điều kiện của từng đất nước, nhưng một tiêu chuẩn không thể khác là mọi hành vi gian lận trong bầu cử cần phải được ngăn ngừa và xử lý nghiêm túc.

Mục tiêu bầu cử tự do là trong tầm tay, xa hay gần tùy thuộc nhiều ở những người dân chủ. Đảng cộng sản đã bị lôi kéo vào diễn tiến hòa bình.

Các lực lượng dân chủ đã sẵn sàng chưa ?

Điều quan trọng nhất vẫn là về việc lực lượng dân chủ phải tập trung lại thay vì phân tán. Điều này quả thực là khó nếu ta nhìn vào kinh nghiệm hoạt động chính trị tại hải ngoại trong ba thập niên vừa qua. Chắc chắn sẽ có gian lận vì đó là bản chất của đảng cộng sản. Nhưng dù gian lận tới đâu họ cũng sẽ phải chấp nhận một thất bại quá rõ ràng.

Nếu các lực lượng dân chủ không thắng, họ sẽ chỉ có thể tự trách mình. Họ đã có nhiều thời giờ, và vẫn còn thời giờ để chuẩn bị cho thắng lợi.

Nguyễn Văn Hiệp (Charlotte, NC)

Chúng ta có quyền hy vọng và lạc quan. Đất nước ta tuy có vấp ngã nhưng vẫn còn khả năng đứng dậy và đi tới.

Chúng ta không cần trông đợi ở một phép màu hay một ân huệ nào cả. Phép màu ấy chúng ta có thể tự tạo ra cho mình, ân huệ ấy chúng ta có thể tự ban cho mình một cách giản dị.

Bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Lòng trọng xác nhận đất nước là của mọi người chứ không phải là của riêng một đảng hay một chủ nghĩa nào. Nhận nhận chở đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Cởi bỏ những xiềng xích của hận thù và bất dung để nhìn nhau như anh em. Đem lại lạc quan và niềm tin ở một nhà nước thành tín và lương thiện. Đem lại những đảm bảo rõ rệt, chắc chắn cho quyền tự hữu và quyền kinh doanh. Quyết tâm bài trừ tham nhũng và những tệ đoan xã hội đang phá hoại cơ thể quốc gia. Tất cả những điều này chúng ta đều có thể làm được và có thể làm ngay được. Rồi chúng ta sẽ thấy đất nước này thay da đổi thịt, rồi chúng ta sẽ thấy dân tộc này vùng dậy chồm tới chinh phục tương lai. Chúng ta sẽ khám phá ra sự mâu nhiệm của những giá trị rất đơn giản như tự do dân chủ, hòa hợp dân tộc. Đất nước sẽ đứng dậy, đi tới và tiến lên rất mạnh mẽ.

(Trích Thành Công Thế Kỷ 21, trang 122)

# Hòa giải, một nhu cầu cấp bách

*Nguyễn Văn Huynh*

Nhìn lại những cuộc đấu tranh giành độc lập hay giải phóng dân tộc, số người bị sát hại một cách tàn độc bởi người bản xứ nhiều hơn bởi ngoại bang. Sự thật đáng buồn này là một qui luật, mục đích biện minh cho phương tiện. Mặt trái của những cuộc chiến tranh đầy chính nghĩa này ít được nhắc tới vì không vinh hạnh cho bất cứ một ai.

Tại sao ? Tại vì đó là những mục tiêu dễ đạt tới. Giết một thường dân dễ hơn giết một quân nhân. Giết một người không có vũ khí để tự vệ dễ hơn một người được trang bị đầy đủ.

## Nhìn lại quá khứ

Tại Việt Nam, sự thật này càng đáng buồn hơn vì số nạn nhân bị sát hại sau cuộc chiến nhiều hơn khi đang xảy ra chinh chiến. Họ là nạn nhân của những chính sách phân biệt đối xử mà phe chiến thắng dành cho phe chiến bại. Qui luật này vẫn còn hiệu lực cho tới ngày nay. Bất cứ người nào cũng có thể bị sát hại một cách dễ dàng bởi những tội danh mà phe cầm quyền qui kết : khinh quân, bất trung, bất hiếu, bất nghĩa, v.v. Rồi cứ thế tiếp tục, triều đại này đến triều đại khác, người Việt giết người Việt một cách không gớm tay. Máu gọi máu, đầu gọi đầu. Trả thù báo oán trở thành một giá trị mà bất cứ một người bình thường nào cũng phải tuân theo. Không báo thù mới không bình thường. Ai có cha, có mẹ hay anh em, họ hàng... bị sát hại mà không tìm cách báo thù thường bị xã hội chê bai là bất hiếu, hèn nhát, và bị khinh khi.

Để tránh bị báo thù, các chế độ phong kiến phát minh ra nhiều biện pháp giết người một cách man rợ như trù di tam tộc, đày biệt xứ... để được an toàn. Nhổ tận gốc, tróc tận ngọn trở thành phương châm hành động của kẻ cầm quyền và là tục ngữ trong văn chương truyền khẩu dân gian. Chính vì thế khi một triều đại suy tàn, phe vừa lên cầm quyền liền đập phá mọi biểu tượng của triều đại trước, từ mồ mả, bàn thờ tổ tiên, dinh thự, của cải vật chất đến con người và văn hóa. Con cháu của triều đại trước phải thay tên đổi họ để được yên thân, có khi mang cả tên của kẻ đã từng sát hại dòng họ mình để chứng minh sự thần phục.

Văn hóa chửi của Việt Nam có lẽ đã phát xuất từ những phản ứng này ; người ta thường lôi mồ mả tổ tiên, dòng họ, cha mẹ, vợ con của đối thủ ra chửi. Với thời gian, phản ứng này trở thành phản xạ, triều đại sau xóa bỏ mọi vết tích của triều đại trước. Người Việt Nam không có truyền thống giữ gìn hay bảo tồn mồ mả của đối thủ. Sở dĩ những lăng tẩm của các vua quan nhà Nguyễn vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay là nhờ người Pháp quyết tâm gìn giữ chứ không phải vì kính trọng. Ngày nay những lăng tẩm này trở thành danh lam thắng cảnh nên được giữ gìn kỹ càng hơn vì không muốn mất một nguồn lợi lớn.

Trong giai đoạn cuối thời Nguyễn, khi bị quân Pháp tấn công, thay vì tìm cách đối phó các quan thần phát động các phong trào Cần Vương và Văn Thân để truy lùng và sát hại những người Công giáo. Trước đó hàng trăm ngàn người Công giáo khác đã bị giết vì không chịu từ bỏ đức tin. Những hành vi cấm đạo, giết người dã man này đã là lý cơ để Pháp mang quân tiến chiếm miền Nam và bảo hộ cả miền Trung lẫn miền Bắc.

Khi Tây Sơn đánh đuổi chúa Nguyễn ra khỏi Thuận Hóa, việc làm đầu tiên là ra Ái Tử đào mồ Nguyễn Kim, lôi hài cốt ra giã nát và đổ xuống biển để trả thù. Lý do là vì trước kia tổ tiên của Nguyễn Huệ đã bị Nguyễn Kim dày lèn vùng rừng núi Bình Định. Khi Nguyễn Ánh dẹp được Tây Sơn, việc làm đầu tiên là đào mồ Nguyễn Huệ, mang hài cốt ra giã nát rồi đổ xuống biển để báo thù cho tổ tiên, con cháu nhà Tây Sơn đã phải thay tên đổi họ, trốn đi nơi khác để bảo tồn sinh mạng. Những hành vi trả thù báo oán này cứ thế mà tiếp diễn trong xã hội. Chính sách cai trị hà khắc, phân biệt đối xử của triều Nguyễn cũng đã gây ra nhiều vụ trả thù đẫm máu, nhất là cuộc nổi dậy của các dân tộc thiểu số trên các vùng rừng núi miền Trung và thượng du miền Bắc.

Dưới thời Pháp thuộc, số người bị sát hại trong các vụ tra tấn hay ám sát bởi tay người Việt nhiều hơn bởi công an mật vụ Pháp. Trong các nhà tù, những cai ngục người Việt đối xử rất tàn tệ đối với tù nhân người Việt. Trong giai đoạn từ 1945 đến 1954, những đội ám sát của Việt Minh hoạt động không ngừng nghỉ, hàng chục ngàn người tình nghi chống lại Việt Minh bị sát hại một cách dã man. Sự thù hận của gia đình những nạn nhân đối với những kẻ sát nhân ngày càng chồng chất. Khi có cơ hội, truyền nhân của những nạn nhân này sẵn sàng hợp tác hay tham gia vào quân đội Pháp để đánh Việt Minh trả thù báo oán. Trong giai đoạn 1945-1954, cộng đồng người Việt nông thôn và thành thị miền Bắc rất khó sống chung vì những hành vi trả thù báo oán liên tục tiếp diễn.

Tại miền Bắc, số nạn nhân của các đợt cải cách ruộng đất tại miền Bắc lên đến 172.008 người (Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, Viện Kinh Tế Việt Nam xuất bản), trong đó sau này có 123.266 người (71,66%) được chính thức xác nhận là oan. Hiện nay con cháu của những nạn nhân này không những vẫn còn sống mà còn sống kề cận những gia đình trước kia đã từng tham dự những cuộc tàn sát gia đình họ. Không ai quên cảnh cha mẹ, họ hàng của họ bị mang ra đấu tố rồi bị sát hại sau đó. Người ta chứng kiến gần như thường xuyên những cảnh đào mồ bới mả của những kẻ đã gây tội ác.

Tại miền Nam, những đội ám sát cộng sản thay mặt thần chết tung hoành trên khắp nông thôn trong suốt cuộc chiến, từ 1960 đến 1975. Số người bị ám sát trong giai đoạn

này lên đến hàng chục ngàn người, đa số là những nông dân chỉ vì muốn được yên thân phải hợp tác với chính quyền miền Nam. Ban đêm những đội ám sát vào nhà từng người bị tình nghi hợp tác với chính quyền Sài Gòn đem đi xử tử, giữa tiếng khóc la và lời van xin của cha mẹ và vợ con. Sáng sớm hôm sau cả gia đình đi ra bìa rừng mang xác cha hay chồng về chôn, trên ngực còn ghim bản án còn bê bết máu chảy ra từ những vết dao hay đạn trên người. Làm sao quên được những hình ảnh này ? Khi lớn lên con cháu những nạn nhân này đã tình nguyện gia nhập vào quân đội Sài Gòn thay mặt cha anh trả thù báo oán.

Phe cộng sản cũng thế, sau khi chứng kiến cảnh gia đình, nhà cửa, ruộng vườn của gia đình bị bom đạn tàn phá, cha mẹ, anh em bị giết, phản ứng tự nhiên là tham gia vào các đội du kích địa phương để báo thù. Có khi vì quá tức giận quân Mỹ tàn phá nhà cửa mà không báo thù được, sự thù hận chuyển sang những gia đình có thân nhân tham gia quân đội Sài Gòn. Không một hành động khủng bố nào không được thử qua : ám sát, bắt cóc, đặt bom trong rạp hát, gài mìn xe đò, phá cầu, pháo kích vào thành phố, trường học...

Nhìn lại hai cuộc chiến Đông Dương vừa qua, số người bị chết có trên bốn triệu, nhưng hàng triệu người bị thương tật và hàng chục triệu người mất nhà mất cửa khác vẫn còn đó, ít ai quan tâm đến sự hiện hữu của những nạn nhân còn sống này. Người ta chỉ nói đến những chiến thắng và những công trạng và quên đi nỗi đau mà những nạn nhân này đang chịu đựng. Chính vì thế, một chính sách hòa giải là rất cần thiết để người Việt này chấp nhận người Việt kia sau cuộc chiến.

### Trở về với thực tại

Sau ngày 30-4-1975, thay vì thi hành một chính sách hòa giải dân tộc để tạo đồng thuận xây dựng lại đất nước, phe cộng sản đã cự xử những những thực dân chiếm đóng và áp dụng một chính sách trả thù báo oán, bóc lột triệt để phe bị thua.

Ngay khi vừa tiến chiếm Sài Gòn, như một phản xạ truyền kiếp, những người lãnh đạo cộng sản liền ra lệnh dẹp bỏ nghĩa trang Mac Đĩnh Chi, nơi chôn cất những nhân vật quan trọng của miền Nam thời trước, những nghĩa trang quân đội cũng bị đập phá để dân chúng miền Nam không còn những biểu tượng đối kháng để tôn vinh.

Làm sao quên được những cảnh đuổi người ra khỏi thành phố, xua dân đi kinh tế mới, đưa sĩ quan của công chức chế độ cũ vào các trại tù khổ sai, đổi tiền, đánh tư sản, chiếm đoạt tài sản của người giàu có, tổ chức vượt biên lấy tiền, lập tổ chức phản động giả để bắt người, chính sách lý lịch ba đời... ngay khi miền Nam vừa bị thất thủ ? Có ai đo lường được nỗi đau của những nạn nhân này và con cháu họ không ? Tất cả vẫn còn đó.

Những người không liên quan gì đến chế độ cũ cũng bị phân biệt đối xử : người sắc tộc, các tôn giáo đang là nạn nhân của những đợt đánh phá mới của chính quyền cộng sản. Người sắc tộc không còn đất để canh tác đứng lên đòi quyền sống và quyền tôn giáo liền bị cô lập và đàn áp

thẳng tay, tương lai của họ rất là báo động. Để tránh bị phiền nhiễu, lãnh tụ các tôn giáo lớn buộc phải phục tùng chế độ để giáo dân của họ được sinh hoạt bình thường, những ai bị tình nghi bất phục tùng liền bị trù dập. Các giáo phái Tin Lành, Giáo Hội Công giáo Việt Nam và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cũng là nạn nhân của các đợt trù dập này. Không biết bao nhiêu tu sĩ đã bị bắt giam và bao nhiêu người bị vùi thân trong chốn lao tù.

Ngoài đời, không biết hối lộ, không biết đút lót thì bị gạt ra lề. Ghi tên vào trường, vào bệnh viện, xin việc làm, du học, xuất ngoại... đều có giá cả, chỉ những người nghèo khó mới bị thiệt thòi. Cán bộ nhà nước không những có mức sống cao hơn quan chức phong kiến thời trước mà còn có quyền sinh sát trong tay : ai không làm vừa lòng họ liền bị trù dập thẳng tay, không thể ngóc đầu lên được. Bên cạnh cuộc sống nghèo khó của giới bần cùng xã hội là cảnh tung tiền qua cửa sổ của những viên chức nhà nước tham nhũng như để thách đố nỗi oán hận của thành phần cùng khổ. Ít người nào trong giới cầm quyền nghĩ tới ngày mai vật đổi sao dời, hôm nay lên voi ngày mai xuống chó.

Hiện nay phong trào tẩy trắng tiền bẩn đang gây bất mãn cùng cực. Những quan chức tham nhũng săn sàng mua với bất cứ giá nào những bất động sản để hợp thức hóa tiền bẩn kiếm được. Chính vì thế giá bất động sản tại Việt Nam tăng cao và nơi nào có vị trí thuận lợi đều là mục tiêu chiếm hữu của các quan chức tham nhũng đương quyền, từ nhà cửa, đất đai, ruộng vườn đến cơ sở kinh doanh, buôn bán. Nếu mua bằng tiền không được thì họ lợi dụng chức quyền để chiếm hữu. Mỗi ngày có hàng người dân đến trước cửa quan quyền kêu oan, xin được cứu xét.

Rất ít quan chức nhà nước, từ những công an gác đường đến các thẩm phán, ít ai nghĩ rằng sẽ có một ngày đến phiên mình sẽ bị mang ra xét xử về tội lạm quyền và không công chính. Nếu hiểu được điều này có lẽ họ sẽ không lấy những quyết định bất nhân bất nghĩa như hiện nay khi xử nặng những người dân chủ vô tội. Tất cả gần như quên rằng với thời đại truyền thông hiện nay, không có điều gì được cất giấu mãi với thời gian, sẽ có một ngày tên tuổi những người phản dân hại nước bị đưa ra ánh sáng. Những hành động bất nhân bất nghĩa rất ít ai quên.

Khi một biến chuyển không kiểm soát được xảy ra, chỉ giới chóp bu mới đủ khả năng thoát nạn, các cấp thừa hành sẽ là nạn nhân của những vụ trả thù báo oán xuất phát từ dân gian. Nếu không có một chính sách hòa giải dân tộc thật sự, không ai bảo đảm an ninh trật tự và ổn định xã hội sẽ được duy trì khi biến cố đó xảy ra. Không ai lường trước được những gì sẽ xảy ra khi phong trào quần chúng nổi dậy. Không phải cộng đồng người Việt hải ngoại trở về trả thù báo oán mà chính nạn nhân của những biện pháp bất công do chế độ cộng sản trong nước gây ra đứng lên thực hiện.

Những người cộng sản ngày hôm nay phải nghĩ tới hậu quả đó. Càng đòn áp để duy trì chỗ đứng bất nhân bất nghĩa hôm nay thì sẽ trả giá đắt mai sau. Hòa giải dân tộc chính vì thế rất là cấp bách, chính quyền cộng sản hôm nay phải nghĩ tới để ngày mai không hối tiếc.

Nguyễn Văn Huy

# Vài suy nghĩ về năng lượng và chiến lược phát triển quốc gia

Trương Khán Tuân

## Có những quyết định sai lầm để lại hệ quả trăm năm

Đã qua rồi thời kỳ dễ dàng khi sử dụng năng lượng để phát triển kinh tế cũng như công nghệ hóa đất nước. Trong thời kỳ các nước Tây Âu phát triển (vào các thập niên 1945-1965), giá dầu thô chỉ ở khoảng 1 đến 2 USD một thùng. Giá dầu hiện nay dao động ở mức từ 60 đến 70 USD một thùng. Một yếu tố quan trọng khác là nhu cầu năng lượng của thế giới ngày một tăng trong khi nguồn dự trữ lại giảm lần. Nếu không có gì thay thế, dầu hỏa sẽ trở thành khan hiếm vào những năm 2040. Giá cả năng lượng do đó càng ngày càng tăng cao.

Việt Nam, tuy các số liệu chính thức về khai thác dầu không được công bố, nhưng qua các ước lượng của báo chí nước ngoài thì trữ lượng cũng như mức sản xuất của Việt Nam ở mức rất khiêm nhường. Ba mươi năm thời gian không dài. Việt Nam vì thế phải biết ăn theo thuở ở theo thời, phải biết tiết kiệm mọi tiềm năng có sẵn trong nước. Nguồn dầu mỏ khiêm nhường kia không được hút xài phung phí như hiện nay, vì nó không phải chỉ của thế hệ hôm nay mà còn của các thế hệ mai sau. Vì thế nó phải được ưu tiên dùng vào mục tiêu kiến thiết đất nước. Có thể mới hy vọng phát triển đất nước một cách lâu dài và bền vững.

Trên quan điểm phát triển quốc gia, năng lượng sử dụng đại khái có hai dạng :

- Xăng dầu, cần thiết cho tàu bè, xe tải để chuyển vận hàng hóa, cho xe hỏa (nếu chạy bằng diesel), phi cơ cùng các loại xe khác chuyên chở hàng hóa và con người. Đặc biệt ở Việt Nam, một số lượng lớn các nhà máy sản xuất nhỏ hay nông cụ (máy cày, máy kéo...) sử dụng các loại động cơ diesel.

- Điện, cần thiết cho công nghệ nặng hay các loại nhà máy sản xuất khác, cho xe hỏa (xe hỏa cao tốc), giao thông v.v... Trường hợp Việt Nam là nước nhiệt đới, lượng điện cần thiết cho các loại máy điều hòa không khí rất lớn.

Bài toán chung của các nước mở mang là làm thế nào phát triển quốc gia nhanh nhất mà kinh phí về năng lượng thấp nhất. Bài này sẽ không nhắc lại sự cần thiết của một nhà máy lọc dầu tại Việt Nam để bảo đảm quá trình phát triển vì đã có nhiều người nói về vấn đề này.

Trong kinh tế học người ta có một chỉ số để có thể biết được hiệu năng năng lượng của quốc gia (hay nền kinh tế). Con số này là "cường độ năng lượng đối với sản lượng nội địa PIB" được tính bằng "tấn tương đương dầu hỏa (tep) cho 1000 USD của PIB". Con số này càng nhỏ thì hiệu năng năng lượng càng lớn.

Biểu đồ dưới đây cho thấy đường biểu diễn cường độ năng lượng của các nước Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Nhật và Trung Quốc. Biểu đồ có hình dạng cái chuông cho thấy hiệu năng năng lượng qua các thời kỳ phát triển. Thời kỳ đầu, cường độ năng lượng có khuynh hướng tăng, việc này do quốc gia xây dựng

những công trình lớn về hạ tầng cơ sở, về công nghệ năng, hệ thống giao thông, chỉnh trang thành phố v.v... công cuộc này cần rất nhiều đến năng lượng, hệ số năng lượng/PIB vì vậy cũng tăng theo. Sau đó chuyển sang thời kỳ bão hòa, năm 1880 cho Anh Quốc, khoảng 1920 cho Hoa Kỳ, 1930 cho Pháp và Đức, 1960 cho Nhật Bản. Tiếp theo là thời kỳ giảm. Việc giảm cường độ năng lượng đem lại do trước hết là PIB gia tăng. Mặt khác, việc tiêu thụ các loại vật liệu có căn bản từ năng lượng ổn định lần hồi, khoa học tiến bộ cũng làm cho mức tiêu thụ năng lượng giảm xuống.

Ta thấy từ biểu đồ trên, trong quá trình phát triển quốc gia, hiệu năng năng lượng của Nhật Bản cao nhất, sau đó là Pháp và Trung Quốc (biểu đồ giả định).

Các nước đang phát triển hiện nay không thể đi theo con đường phát triển từ năm 1840 của Anh Quốc hay 1870 của Hoa Kỳ vì hoàn cảnh kinh tế chính trị quốc tế các thời đó hoàn toàn khác với hiện nay.

Hiệu năng năng lượng cao hay thấp tùy thuộc chiến lược phát triển quốc gia. Nhà nước sẽ phải đầu tư vào các hạ tầng cơ sở quốc gia nhưng ưu tiên đầu tư sẽ tùy thuộc vào nhiều yếu tố.

Lựa chọn này rất quan trọng. Tốt hay xấu, ảnh hưởng của nó chi phối lên đất nước hàng trăm năm sau.

Trường hợp Việt Nam, bài này chỉ nhắc đến khía cạnh ưu tiên đầu tư vào hạ tầng cơ sở xét theo yếu tố hiệu năng năng lượng, tức yếu tố kinh tế.

## Một vài dữ kiện ghi nhận

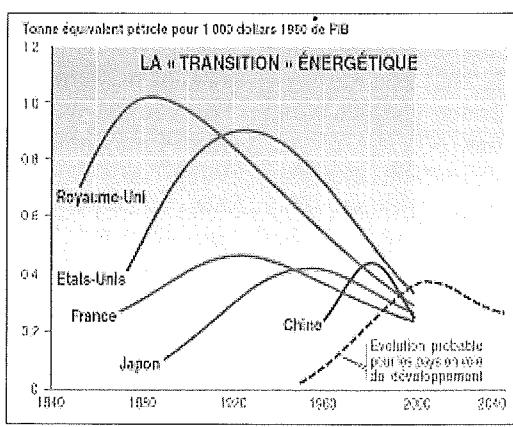
Tùy theo phương tiện giao thông mà hiệu năng do năng lượng đem lại rất khác nhau. Trong phạm vi đi lại của con người, cùng một năng lượng tương đương dầu hỏa tiêu thụ, một người đi TGV (xe hỏa cao tốc của Pháp 300km/giờ) sẽ đi 4,5 lần xa hơn đi xe hơi và 9,5 lần xa hơn đi phi cơ.

Việc di chuyển trong thành phố cùng một năng lượng tiêu thụ, xe điện (métro hoặc tramway) sẽ đi gấp 11 lần xa hơn xe hơi và 2,5 lần xe bus.

Kết luận rút ra từ việc này, ưu tiên đầu tư hạ tầng cơ sở sẽ nghiêng về đường xe hỏa cao tốc. Ở thành phố lớn thì ưu tiên đầu tư vào hệ thống xe điện, bằng cách thiết lập các tuyến đường nối ngang dọc thành một mạng lưới để tạo tiện lợi và rẻ cho khách trong việc đi lại.

Trong phạm vi vận chuyển hàng hóa, cùng một năng lượng tiêu thụ, một tấn hàng chuyên chở sẽ đi xa 5 lần hơn nếu đi bằng đường thủy (cabotage maritime), 4 lần hơn nếu bằng hỏa xa, so với xe tải. Từ kết luận này ưu tiên đầu tư hạ tầng cơ sở nghiêng về đường thủy và đường sắt.

Trường hợp Việt Nam, tạm thời từ các dữ kiện trên, ta có thể có một kết luận tương đối : ưu tiên đầu tư vào hạ tầng cơ sở hỏa xa, xây bến tàu, đóng tàu, xây dựng hệ thống xe điện



trong thành phố để việc chuyên chở người và hàng hóa được nhanh chóng, tiện lợi và thoải mái cho khách. Theo thiển ý, nhà nước nên xây dựng hệ thống đường sắt Nam-Bắc, từ biên giới Việt-Trung cho đến sông Cửu Long ; làm lại đường sắt Lào Cai-Hải Phòng, tổ chức thuế quan đánh lén hàng hóa quá cảnh từ Vân Nam qua Lào Cai, Hải Phòng đến Hồng Kông.

Tuy nhiên, các con số từ các dữ kiện trên lấy từ mô hình phát triển của Pháp, chưa chắc đúng cho Việt Nam. Nhưng nhìn chung, tình hình mới bắt đầu phát triển của Việt Nam và viễn tượng giá dầu hỏa ngày càng tăng và sẽ cạn nguồn vào năm 2040. Nếu không có năng lượng nào thay thế dầu hỏa cho xe chạy trước thời điểm này, hoặc giá năng lượng mới (như hydrogen lỏng) cho xe chạy quá đất, hệ thống xa lộ sẽ không phải là nơi lý tưởng để đầu tư về lâu dài như đường sắt.

Trên phương diện đầu tư, nhìn kinh nghiệm phát triển đường sắt của Đại Hàn và Trung Quốc, Việt Nam nên noi gương. Nhà nước cho các công ty nước ngoài đấu giá xây dựng hệ thống hỏa xa. Ngoài giá cả phải chăng, công nhân, chuyên viên của Việt Nam phải được đào tạo để bảo trì và sử dụng hỏa xa trong mọi giai đoạn khai thác. Ngoài ra, quan trọng nhất, Việt Nam phải được chuyển nhượng kỹ thuật hỏa xa này. Tương tự như Đại Hàn, Việt Nam phải được Pháp chuyển nhượng kỹ thuật sau khi xây xong hệ thống TGV.

Nhưng dẫu vậy, để phát triển đồng bộ, Việt Nam cũng nên xây hệ thống đường xa lộ gồm quốc lộ 1 và các đường liên quốc gia, nối các tỉnh duyên hải qua các tỉnh cao nguyên đến Lào và Bắc Thái Lan ; tạo cho Lào và các tỉnh Bắc Thái Lan có đường ra biển (sang Trung Quốc, Nhật, Đài Loan, Đại Hàn...) và điều chỉnh thuế quan sao cho lệ phí đường này có giá rẻ hơn đường về hướng Nam Thái Lan vào vịnh Thái Lan hay Ấn Độ Dương. Cam Ranh có thể là một hải cảng lý tưởng để cạnh tranh với Hồng Kông. Cảng Vũng Tàu hay Sài Gòn sẽ bị cảng Kompong Som của Kampuchia cạnh tranh. Vì thế ở các cảng này phải tạo điều kiện bốc dỡ hàng hóa nhanh chóng và điều chỉnh giá cả cho thích hợp với thị trường quốc tế để thu hút khách hàng.

Sau khi các hệ thống giao thông, đường hỏa xa nối các tỉnh và hệ thống xe điện trong các thành phố lớn được xây dựng, nhà nước nên có các biện pháp khuyến khích người di chuyển bằng xe hỏa cao tốc thay vì xe hơi, hàng hóa vận chuyển bằng tàu thủy hay xe hỏa thay vì xe tải. Trong thành phố thì khuyến khích đi xe điện hay xe bus thay vì đi xe hơi hay xe gắn máy. Để thực hiện, nhà nước có thể đánh thuế xăng dầu thật cao (400% tại Pháp ; trong 10 EUR tiền xăng ở cây xăng thì 8 EUR là thuế, 2 EUR còn lại giá dầu thô, chi phí lọc dầu, chuyên chở cùng các chi phí khác và mức lời của trạm xăng), một mặt lấy được thuế, mặt khác giải quyết nạn ùn tắc xe cộ trong thành phố. Đương nhiên, nhà nước giữ giá năng lượng đặc biệt cho nông, ngư dân cũng như một số ngành nghề sản xuất khác. Giá dầu dành cho xe tải cũng được điều chỉnh để việc chuyển vận liên tỉnh dễ dàng.

Về phần sản xuất điện năng : điện được sản xuất bằng các nhà máy phát điện. Vấn đề là làm thế nào sản xuất 1 kW điện với giá rẻ nhất. Việc này tùy thuộc vào giá vốn nhiên liệu, giá dầu tự ban đầu vào nhà máy và hiệu năng sản xuất. Nhà nước cũng có thể tiết kiệm điện bằng cách đánh thuế cao trên các máy điều hòa không khí tư nhân và dẹp bỏ các máy sử dụng tại các công sở nhỏ hay các công sở phi công sở (như các trụ sở đảng).

Ta thấy có các nhà máy nhiệt điện (chạy bằng than đá, gaz, dầu cặn... nhiệt năng => cơ năng => điện năng), thủy điện (các đập ngăn nước, tạo ra một thế năng => cơ năng => điện năng), nguyên tử điện (électronucléaire, phá vỡ hạt nhân uranium 235 hay plutonium 239 => nhiệt năng => cơ năng => điện năng), điện do ánh sáng mặt trời, điện do sức gió v.v...

Việc đầu tư vào lãnh vực cung cấp điện có thể giao cho tư nhân một phần nhỏ nhưng hệ thống điện nhà nước, trong mọi hoàn cảnh, phải có khả năng cung cấp điện cho các vùng phát triển chiến lược trên toàn quốc.

Hiện nay cộng đồng người Việt ở hải ngoại hoàn toàn không có một tài liệu thống kê hay các bản tổng kết khai thác hàng năm ở Việt Nam liên quan đến nguồn sản xuất điện như trữ lượng than đá, khí đốt v.v... Giới lãnh đạo Việt Nam cho đây thuộc lãnh vực bí mật quốc gia. Theo một dự báo, Việt Nam sẽ thiếu 36 tỉ kWh điện năm 2020 và 120 tỉ kWh điện năm 2030. Các nguồn than và hơi đốt có bảo đảm đủ cho Việt Nam nhu cầu này không ? và bảo đảm trong bao lâu ?

Nhìn chung, Việt Nam nên xây dựng các loại nhà máy điện mà nguyên liệu sử dụng cho nhà máy có sẵn tại chỗ. Thí dụ, xây nhà máy nhiệt điện chạy than ở vùng có mỏ than như miền Bắc, các nhà máy thủy điện tại các vùng có sông hồ thuận tiện và nhà máy nhiệt điện chạy gaz ở vùng có mỏ dầu khí như Vũng Tàu, Bà Rịa. Những dự án này nên cho các công ty xây dựng Âu Mỹ đầu thầu. Chúng ta sẽ ưu tiên cho các công ty dùng kỹ thuật mới, có hiệu năng cao, ít ô nhiễm không khí và cam kết cho Việt Nam được quyền thu đắc kỹ thuật này (có nghĩa là sau này Việt Nam có thể tự sử dụng kỹ thuật này để xây nhà máy điện cho mình mà không phải trả bản quyền).

Riêng về nhà máy điện nguyên tử, có liên quan đến lãnh vực chiến lược quốc tế, đòi hỏi lãnh đạo quốc gia phải có trách nhiệm. Hơn nữa, về an toàn nhân sự, đòi hỏi chuyên viên kỹ thuật cao, nhân viên quản lý có tinh thần tự giác lớn. Rất tiếc với những điều kiện đào tạo nhân sự như hiện nay, Việt Nam chưa đủ khả năng để thu hưởng kỹ thuật này, mặc dù sinh hoạt kinh tế của nước Việt Nam rất cần nó để có thể phát triển đồng bộ trên mọi mặt.

Mặt khác, Việt Nam có thể đầu tư sang Lào để xây dựng các nhà máy thủy điện trên sông Mê Kong để sau đó mua điện của Lào với giá rẻ. Các kinh tế gia quốc tế tiên đoán nước Lào có thể trở thành một Thuỵ Sỹ ở Đông Dương nếu tiềm năng thủy điện nước này được khai thác đúng mức. Tuy nhiên, giới lãnh đạo Việt Nam đã không nhìn thấy vấn đề và có thể đánh mất một cơ hội lớn vì tiềm năng thủy điện của Lào sẽ do Trung Quốc khai thác. Nước Pháp có đầu tư vào đây nhưng về lâu dài sẽ không qua nổi Trung Quốc.

Điều quan trọng khác, theo tài liệu mật của Ngũ Giác Đài (Mỹ), trong tương lai rất gần, vì ảnh hưởng thời tiết địa cầu thay đổi, có thể ngũ cốc thế giới sẽ thiếu hụt do trồng trọt mất mùa, dẫn đến tình trạng thiếu lương thực ; nguồn nước sạch bị ô nhiễm, các quặng mỏ chiến lược sẽ khó khai thác vì bão giông và băng tuyết. Nếu không lường trước được những sự kiện này, sự phát triển của Việt Nam có thể sẽ bị trì trệ.

**Trương Nhân Tuấn (Marseille)**

Tài liệu tham khảo :

- *Le Monde Diplomatique*, số janvier 2005 trang 14, 15 và 16 ; số novembre 2005 trang 14 và trang 27 ; số janvier 2006 trang 23.

# MỘT TƯ DUY MỚI VỀ THẤT NGHIỆP

Nguyễn Huy Đức

Trong khoảng thời gian 1945-1975, các quốc gia Tây Âu đã thụ hưởng được một đà phát triển kinh tế khá cao cùng với một tỷ lệ thất nghiệp gần ở mức độ 0%. Thời điểm vàng son này đã được kinh tế gia Jean Fourastié gọi là "Tam thập niên vinh quang" (*Les Trente Glorieuses*). Tuy nhiên ngay sau khi cuộc khủng hoảng dầu hỏa lần thứ nhất bộc phát (năm 1973), hầu hết các quốc gia kỹ nghệ hóa đã đi vào chu kỳ suy thoái được thể hiện qua ba hiện tượng : một là đà tăng trưởng hầu như đã khụng lại ; hai là vật giá nhanh chóng leo thang ; ba là tỷ lệ thất nghiệp đã gia tăng một cách choáng ngợp.

Trong ba hiện tượng trên, tệ nạn thất nghiệp đã gây nhiều xáo trộn xã hội cho các quốc gia tiên tiến và đòi hỏi chính quyền phải có câu trả lời thỏa đáng.

Nhưng làm thế nào để có được một chính sách toàn hảo trong cuộc chiến chống thất nghiệp ? Đây là một đề tài nan giải cho các chính phủ Tây Âu. Từ năm 1975 cho đến nay, rất nhiều suy luận và cũng rất nhiều chính sách đã được các chính giới cùng các chuyên gia kinh tế phương Tây đề xướng và thi hành. Tuy nhiên, ai cũng phải nhìn nhận rằng không có chính sách nào có thể được xem là toàn hảo trong việc hạn chế nạn thất nghiệp cùng những tác động tiêu cực của nó.

Một cách cô đọng, có thể tóm tắt những chính sách phòng chống thất nghiệp như sau :

Ngay từ khi thất nghiệp đã bộc phát, một trong những giải pháp được đầu tiên lưu ý là chính sách đào tạo. Các chính quyền Tây Âu đã nhanh chóng nhìn thấy rằng, trong cuộc chiến chống thất nghiệp, cần đào tạo được một đội ngũ nhân công có tay nghề cao và những chuyên gia tài ba. Chỉ có như vậy một quốc gia mới có đủ khả năng để nhanh chóng thích nghi với nhu cầu luôn thay đổi của thị trường lao động nói riêng và của nền kinh tế thế giới nói chung.

Song song đó, các nhà chức trách phương Tây cũng đã tẩy xung hữu đột loại trừ một số tập tục và luật lệ đã khiến thị trường lao động trở nên cằn cỗi và thiếu sinh động. Trong chiều hướng này, hầu hết các quốc gia tiên tiến đã cố gắng giảm xuống mức trợ cấp cho thất nghiệp hay thu ngắn lại thời gian mà một người mất việc có quyền lãnh trợ cấp. Thật vậy, các chính giới Tây Âu đã đi đến kết luận rằng chính sách trợ cấp quá rộng rãi có thể khuyến khích một phần tử duy trì tình trạng thất nghiệp của mình để thụ hưởng nguồn tài trợ thay vì chấp nhận một việc làm với một đồng lương khiêm tốn.

Thêm vào đó, nhiều

cố gắng đã được tập trung vào việc giản dị hóa luật lệ lao động. Với thời gian, một vấn đề đã trở nên khá rõ ràng : Một khuôn khổ luật pháp quá khắc khe để bảo vệ người lao động dễ mang lại những hậu quả phản tác dụng. Nói một cách khác, khi chủ nhân phải tuân thủ một số điều kiện hành chánh để có thể ký hoặc chấm dứt một hợp đồng lao động thì họ sẽ rất ngần ngại khi phải tuyển dụng nhân công. Giới chủ nhân lo âu rằng sau khi đã thâu mướn một người, họ sẽ khó sa thải người đó vì những quy định khắc khe trong việc chấm dứt một hợp đồng. Từ suy luận này, một số quốc gia đã ban hành những quy chế hợp đồng lao động mềm dẻo hơn để khuyến khích doanh nhân tuyển dụng nhân công.

Cũng trong phạm vi khuyến khích, Tây Âu đã giảm thấp phần thuế mà một công ty phải trả khi tuyển chọn nhân công, nhất là khi người lao động được thâu nhận là một người đã thất nghiệp trong một thời gian dài. Mặt khác, các thủ tục rườm rà để thành lập một công ty cũng đã được dần dần hủy bỏ hầu tạo điều kiện cho những người thất nghiệp có thể mở những cửa tiệm hay cửa hàng nhỏ để sinh hoạt độc lập thay vì đi tìm việc làm.

Cuối cùng, chính sách chống thất nghiệp cũng được vận dụng qua những chương trình giúp đỡ người thất nghiệp tìm việc làm một cách có phương pháp.

Nhìn chung, tất cả những giải pháp trên đã được các chính phủ phương Tây áp dụng để đối phó với tệ nạn thất nghiệp. Khách quan mà nói thì những đề án vừa được nêu trên đã đem lại kết quả rất khác biệt tại nhiều quốc gia. Vào đầu tháng 6-2006, Tổ chức cho Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã duyệt lại tình hình thất nghiệp tại các quốc gia kỹ nghệ hóa. Song song đó, OECD cũng công bố một cuộc nghiên cứu và trình bày những thành quả mà các quốc gia này đã gặt hái được trong chính sách phòng chống thất nghiệp.

Định chế kinh tế này đã xếp các quốc gia theo từng nhóm : quốc gia "Anh thoát"; quốc gia Âu Lục và Nam Âu ; quốc gia Bắc Âu và quốc gia Đông Âu (xem bảng) :

Dựa vào bản thống kê trên, có thể khẳng định mà

Thất nghiệp tại các quốc gia OECD

	Quốc gia Anh thoát	Quốc gia Bắc Âu	Quốc gia Âu lục	Quốc gia Đông Âu	Trung bình OECD
Tỷ lệ người có việc làm (%)	70.92%	71.91%	62.54%	58.00%	67.11%
Tỷ lệ người thất nghiệp (%)	05.30%	04.79%	08.97%	15.12%	07.47%
Chính sách bảo trợ thất nghiệp	18.23	39.86	36.17	09.69	27.81
Chính sách thuế má rườm rà	18.54	27.42	34.33	32.43	27.10
Chính sách bảo vệ lao động	01.38	02.13	02.71	01.83	02.01
Chính sách giúp người tìm việc	15.76	34.14	25.84	03.46	29.25
Mức độ thiếu tự do					
của nền kinh tế	01.20	01.28	01.55	01.97	01.42

Nguồn : OECD

không sợ sai lầm rằng các quốc gia thuộc nhóm "Anh thaoi" đã gặt hái nhiều thành công nhất. Tỷ lệ thất nghiệp của nhóm các quốc gia này đã thấp hơn tỷ lệ trung bình của khối OECD (5.30% so với 7.47%). Lẽ dĩ nhiên, các quốc gia này đã triệt để áp dụng những chính sách nới lỏng thị trường lao động và khuyến khích người thất nghiệp nhanh chóng tìm việc làm thay vì bám víu vào một hệ thống bảo trợ thất nghiệp (chỉ số của bảo trợ thất nghiệp ở các quốc gia "Anh thaoi" là 18.23 so với trung bình OECD là 27.81). Ngoài ra tại Anh, Hoa Kỳ và các quốc gia "Anh thaoi" (Nhật, Hồng Kông và Nam Hàn), chính sách thuế má và khuyến khích doanh nghiệp cũng khá hoàn hảo.

Nếu so sánh nhóm quốc gia "Anh thaoi" với nhóm các quốc gia "Lục địa và Nam Âu" thì sự khác biệt lại càng rõ ràng hơn. Tỷ lệ thất nghiệp của nhóm các quốc gia "Lục địa và Nam Âu" đã lên đến 8.97%. Không cần nói nhiều mọi người đều hiểu được ngay rằng tỷ lệ thất nghiệp cao tại đây là do các chính sách phòng chống thất nghiệp đã không được mạnh dạng áp dụng : Đức và nhất là Pháp vẫn duy trì một chính sách bảo vệ người có việc làm khá gò bó, nếu không nói là khắc khe. Mọi đề nghị hay toan tính của chính phủ để nới lỏng thị trường lao động đều bị các đảng phái đối lập và các nghiệp đoàn chống phá (xem "Tuổi trẻ Pháp xuống đường chống chính phủ", Nguyễn Văn Huy, *Thông Luận* số 202, tháng 4-2006). Tại Ý, Tây Ban Nha và Pháp, vẫn còn tồn tại nhiều chính sách ưu cao thuế nặng dành cho doanh nghiệp. Ngoài ra, các quốc gia thuộc nhóm này vẫn chưa rũ bỏ được một số chương trình bảo trợ người thất nghiệp quá rộng rãi (chỉ số này lên đến 36.17 so với trung bình OECD là 27.81).

Trường hợp của hai nhóm các quốc gia (Anh thaoi ; Âu Lục và Nam Âu) gần như đã chứng minh một cách rõ ràng rằng một quốc gia chỉ có thể giải quyết được nạn thất nghiệp khi có đủ cam đảm thực thi những chính sách cực kỳ khó khăn vì dễ làm mất lòng người dân.

Tuy nhiên, cũng phải nói ngay rằng những chính sách vừa nêu trên cũng chưa hẳn là chiếc đũa thần để giải quyết một cách hữu hiệu tệ nạn thất nghiệp. Thật vậy, nếu nhìn vào các quốc gia Bắc Âu, có thể dễ dàng nhận ra là tại đây chính sách bảo trợ thất nghiệp rất cao (39.86), cao hơn cả các quốc gia thuộc nhóm Lục Âu-Nam Âu (36.17). Hơn thế nữa, các quốc gia Bắc Âu cũng bỏ ra một nguồn công quỹ khá lớn để giúp đỡ người thất nghiệp (34.14 so với mức trung bình của OECD là 29.25). Cuối cùng, chính sách bảo vệ người lao động cũng đạt được điểm cao (2.13). Mặc dù vậy, tỷ lệ thất nghiệp của nhóm các quốc gia Bắc Âu lại rất thấp, thấp hơn cả tỷ lệ thất nghiệp của các quốc gia "Anh thaoi" (4.79% so với 5.30%).

Nếu chỉ nhìn vào những con số thống kê thì dễ dàng kết luận rằng, tuy không áp dụng những chính sách đã giúp các quốc gia "Anh thaoi" thành công, nhóm các quốc gia Bắc Âu vẫn đã gặt hái được những thành quả khá ngoạn mục trong việc giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp.

Có hai lý do để giải thích hiện tượng này.

Lý do thứ nhất trực tiếp liên quan đến cách quản lý hệ thống bảo trợ thất nghiệp và giúp người tìm việc của Bắc Âu. Nếu các quốc gia Bắc Âu chấp nhận chi tiêu rất nhiều cho các chương trình bảo trợ và giúp đỡ thất nghiệp, họ cũng đặt ra rất nhiều điều kiện và thủ tục để bảo đảm là những người thất nghiệp có thành tâm và cố gắng đi tìm việc làm. Thành phần thất nghiệp tại Hòa Lan, Thụy Điển hay Đan Mạch đều phải chấp nhận tham gia một số chương trình đào tạo hay tìm việc. Ngoài ra, trong một vài trường hợp, người thất nghiệp cũng phải cho phép các cơ quan nhà nước kiểm soát tiến trình tìm việc của mình nếu họ không muốn bị cắt nguồn tài trợ trong lúc vẫn đi tìm việc làm. Nói tóm lại, tuy chi tiêu rất nhiều cho người thất nghiệp, nhưng các cơ quan nhà nước Bắc Âu đã biết làm việc một cách hữu hiệu trong công tác tìm kiếm công ăn việc làm cho người thất nghiệp và vì thế họ đã tránh được rất nhiều lạm dụng.

Nhưng quan trọng hơn hết là lý do thứ hai, vì lý do này có tính chất tổng quát : Trong cuộc nghiên cứu mà OECD vừa công bố, tổ chức này đã cố gắng đánh giá mức độ tự do của các quốc gia kỹ nghệ hóa và liên hệ giữa nó với nạn thất nghiệp.

Những con số mà OECD đã thông báo chứng tỏ rằng khi nền kinh tế của một quốc gia trở nên tự do hơn thì nạn thất nghiệp khó có cơ hội tác yêu tác quái. Các quốc gia "Anh thaoi" và Bắc Âu có cùng mẫu số chung này (chỉ số thiếu tự do của hai nhóm này rất thấp so với trung bình OECD) và có lẽ vì vậy mà tỷ lệ thất nghiệp cũng rất khiêm tốn.

Từ kết quả trên, có thể khẳng định rằng áp dụng những chính sách thuần túy phòng chống thất nghiệp là một điều kiện rất cần nhưng chưa đủ. Muốn triệt tiêu tệ nạn thất nghiệp, cần tự do hóa nền kinh tế quốc gia. Chỉ có như vậy mới mong đạt những thành quả khả quan.

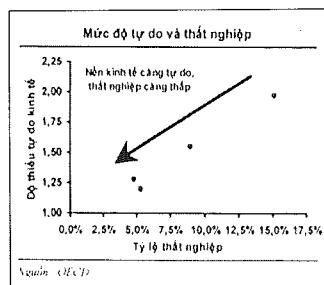
Thật vậy, nền kinh tế chỉ có thể năng động nếu những khả năng, những sáng kiến được giải phóng khỏi những gò bó, những thủ tục rườm rà, những luật lệ khắc khe (thường được thiết lập để bảo vệ một thiểu số đặc quyền đặc lợi bất tài và vô trách nhiệm). Muốn được như vậy thì ý kiến, sáng kiến, hàng hóa, nguồn tư bản và nhất

là sức lao động phải được tự do di chuyển. Ngoài ra, doanh nghiệp tư nhân cần được khuyến khích và có quyền tự do cạnh tranh để đa dạng hóa nền kinh tế. Họ phải được nâng đỡ trong việc xin tín dụng và trong việc truy cập tin tức về thị trường. Hơn thế nữa, họ không bị hạn chế bởi những quy định hình thức gắt gao (quan thuế, giấy phép sinh hoạt...) và bởi những gò bó trong vấn đề tuyển chọn nhân công hay chấm dứt hợp đồng lao động.

Một nền kinh tế năng động và tự do như vậy sẽ bảo đảm chỗ đứng cho mọi người và cho mỗi cá nhân với điều kiện là cá nhân đó có ý thức trách nhiệm, có lòng cầu tiến và có tinh thần phấn đấu

Với một nền kinh tế tự do và đa dạng như vậy, có thể hạn chế và duy trì thất nghiệp ở mức độ rất thấp.

Nguyễn Huy Đức (Paris)



# Vùng đất không mỉm cười

Phạm Việt Vinh

## Nha Trang

Đối với tôi, biển Nha Trang thật đẹp. Đầu tháng Bảy. Nước xanh trong và ấm. Dải cát ven biển mịn và dài. Bãi tắm tuy có độ dốc hơi lớn, nhưng có lẽ chính vì vậy mà luôn có những dải sóng cao cỡ chừng một mét ào ạt mang thú vui cho những người thích rờn dùa cùng sóng biển. Vào sáng sớm và từ giữa chiều, mây cây số ven biển dọc đường Trần Phú vang vọng tiếng biển vỗ bờ và tiếng reo cười của tuổi trẻ.

Trong nhiều sách hướng dẫn du lịch trên thế giới, Nha Trang là một địa chỉ dành cho dân sành điệu. Chắc chính quyền thành phố cũng ý thức được điều này nên quyết tâm muốn biến Nha Trang thành một trung tâm thu hút du lịch. Bên kia đường Trần Phú đã và đang mọc lên những khách sạn bề thế, sang trọng - của người Việt và của người nước ngoài. Bên này đường - phía bên biển, là một dải công viên hoa lá và cây cổ được giữ gìn sạch sẽ và bài trí khá gọn mắt. Có điều, đang vào mùa nghỉ hè, nhưng dải công viên này hầu như chỉ là nơi ngô hóng gió biển và chơi đùa của người bản xứ. Rất ít khách du lịch người nước ngoài có mặt tại đây. Nơi tụ tập của họ là mấy quán ăn ngoài trời nằm chênh về phía Bắc, tuy ngay sát bờ biển nhưng lại được che kín bởi bốn bề hàng rào cây rậm rịt. Người Nha Trang bảo, đó là nơi mà bên các bàn bia có dù che mát, những người đàn ông châu Âu có thể thoải mái ngồi ngắm chọn rồi sau đó làm quen với các cô gái người Việt đang nhào lộn khoe thân thể mỹ miều của mình trong một bể bơi nước ngọt.

Ngôi ngảm biển ở khu vực "dân bản xứ" dưới này, người ta liên tục là đối tượng mời chào của những người bán vé số, bán lạc luộc hay bánh đa nướng. Lạc luộc bùi và ngọt, bánh đa nướng ròn và thơm, vây nhưng chỉ sau hai, ba hôm đi biển, đứa con gái chưa đầy 13 tuổi của tôi đã vã tháo : "Bố ơi, con không thích gặp những người bán hàng này ! Ánh mắt của họ làm cho con rất sợ !". Những ngày sau đó, tôi để ý quan sát và ngỡ ngàng thấy con gái mình nói đúng : dù là một cậu bé thiếu niên hay là một người phụ nữ đã có tuổi, khi bán hàng, ánh mắt nhìn của họ thật bất động, thật nặng nề và vô cảm. Chân thoăn thoắt từ đám khách này sang đám khách kia, mắt họ đảo nhanh nhưng hầu như không phát sáng. Cặp mắt họ là những hòn bi thủy tinh màu đục, đầy vết xước và không hề phản cảnh. Có vẻ như khách hàng đối với họ là những vật thể vô hình. Cộng vào đó, tiếng mời khách của họ : "Bác ơi, mua vé số !", "Cậu ơi, mua bánh đa !" thật đều đều, thật vô hồn. Được khách mua hay bị chối từ, họ đến, họ đi, nét mặt không hề thay đổi, ánh mắt không hề biến sắc. Tôi cố gắng tìm cách an ủi con gái : "Bán hàng rong là những người nghèo khổ. Vì vất vả quá nên họ có cái nhìn như vậy." Con gái tôi cự lại : "Không phải chỉ có những người bán hàng, mà ở đây người nào cũng nhìn như thế !".

Không có sẵn định kiến - dù là yêu thương hay thù hận, tuổi thiếu niên thường có khả năng cảm nhận chính xác hơn người lớn tuổi. Có vẻ như sau cặp mắt mỗi người ở đây là một gánh nặng hoang vắng nhưng quá ngàn cân, hoàn toàn không có khả năng chia sẻ. Phải chăng, vì vậy mà những người nước ngoài khi đến đây nghỉ mát lại chỉ thích ngồi túm tụm với nhau ở trên kia bãi biển, sau những hàng rào cây kín mít có nhiều nhân viên bảo vệ ?

## Bay về

Từ Berlin, gia đình tôi đi đến Frankfurt/Main bằng máy bay của hãng hàng không Đức Lufthansa, để sau đó, máy bay của Vietnam Airlines sẽ đưa chúng tôi đến Sài Gòn. Cũng như bao lần khác, bước vào máy bay của Lufthansa là bạn sẽ gặp ngay nụ cười thật tươi của cô tiếp viên hàng không cùng một lời chào vui vẻ. Nhiều người nhận định rằng người Đức lạnh lùng. Nhưng ít nhất, nhân viên phục vụ trên máy bay của Đức thì không như vậy. Trong toàn bộ các chuyến bay - dù ngắn dù dài, hầu như nụ cười dù dịu dàng nào cũng thường trực trên các gương mặt nhẹ nhõm của họ. Hành khách đối với họ hình như luôn là những ân nhân cụ thể. Ở đây, bạn sẽ cảm nhận thật rõ dòng chữ "Welcome". Tôi cho rằng, trong cuộc đua thu hút khách bay và khách du lịch hiện nay, đó là một chuyện đương nhiên.

Khi ngồi chờ transit tại sân bay Frankfurt/Main, nhìn thấy 5-6 thiếu nữ Việt Nam mặt hoa da phấn, tha thoát áo dài đỏ bước qua cửa dành cho nhân viên hàng không, tôi đã phấp phỏng chờ đón một chuyến bay dài với những khóc cười duyên dáng và những giọng nói mượt mà của mỹ nữ quê hương. Nhưng, tôi đã mừng hụt. Tại cửa máy bay của Vietnam Airlines, một cô gái thật đẹp đứng đó, lặng im nhìn khách. Cô chào lại khách chứ không chào đón khách. Và cô hoàn toàn không cười. Ở đây không hiện diện chữ "Welcome". Cặp mắt cô nhìn khách hoàn toàn vô cảm, giống hệt như những cặp mắt chúng tôi thấy lại ở Nha Trang. Rồi sau đó, trên toàn bộ chuyến bay kéo dài gần 12 tiếng từ Frankfurt/Main đến Sài Gòn, cứ đúng lịch trình, cô và những đồng nghiệp của cô, mảnh dẻ, dong dỏng trong những tà áo dài đỏ, vẫn di lại hướng dẫn, phục vụ khách bay với những nét mặt nghiêm trang và ánh nhìn lạnh lẽo, thờ ơ. Tiếng mời giải khát "Have some coffee !", "Have some tea !" của họ phát ra cũng thật đều đều, nhạt loãng. Có vẻ như họ đang phải cố gắng mang tải một trách nhiệm quá nặng, quá nhảm chán trên những những đôi vai nhỏ bé của mình ; và cái đâm hành khách chúng tôi cũng là một phần của gánh nặng bất đắc dĩ đó. Cuối cùng, máy bay cũng êm ái hạ cánh trên sân bay Tân Sơn Nhất. Theo đúng thủ tục, các thiếu nữ tiếp viên lại đứng im tiễn khách. Họ vẫn chào lại khách và không cười. Ánh mắt và nét mặt họ vẫn lặng im. Một phần gánh nặng đang tạm thời rời khỏi máy bay và họ đang làm thủ tục cuối cùng của một cuộc tổng tiến.

## Sài Gòn, Hà Nội

Sau nhiều năm mới về thăm quê hương, một thay đổi lớn đối với tôi là hệ thống dịch vụ và tạo cảm giác an toàn cho khách tại các nhà hàng và khách sạn. Ngay cả khi đến những quán giải khát tầm tầm bến hè phố, xe hơi hay xe máy của khách bao giờ cũng nhanh chóng được những người chuyên trách chỉ dẫn, đón nhận và giữ gìn cẩn thận.

Sau bữa ăn tối tại một quán ăn bình dân ở Sài Gòn, khi nhận lại hai chiếc xe máy từ hai người đàn ông dắt ra từ chỗ để xe cho khách của nhà hàng, anh tôi hỏi : "Mất bao nhiêu tiền hả các bác ?". Một trong hai người không trả lời, nhìn đi nơi khác,

còn người kia lơ đãng chuyển cho anh tôi một ánh mắt đầy mệt mỏi : "Năm ngàn !". Anh tôi đưa tiền. Người đàn ông cầm lấy tờ bạc, nhét nhanh vào túi quần sau, và quay gót. Không một cái gật đầu, không một lời đáp lễ, không một cái nhếch mép. Và ánh mắt hoàn toàn bất động. Điều này hoàn toàn trái ngược với sự nhanh nhẹn và thuần thực của anh khi dón và trả xe cho khách. Anh đã làm việc một cách toàn tâm và đầy tinh thần trách nhiệm. Nhưng, khách hàng đối với anh hình như chỉ là những đối tượng phải gặp gỡ đơn thuần vật lý. Mọi cử chỉ, hành vi giao tiếp nhân tính của khách hoàn toàn không động chạm tới tâm trí của anh. Mắt nhìn khách nhưng tâm hồn anh hoàn toàn đóng kín. Ánh mắt đó vây bủa lấy bạn từ Nam ra Bắc, từ Sài Gòn ra Hà Nội, từ anh giữ xe ngoài đường, cô tiếp viên trong nhà hàng, đến các quan chức nơi công sở. Nhìn sâu vào những cặp mắt viễn bi thủy tinh đầy vết xước, nặng nề vô cảm và bịt kín phía sau đó, bạn sẽ phải run sợ vì cảm giác bị chặn đứng sự đồng cảm. Bạn sẽ không nhận được linh cảm của một người đồng bào, đồng loại.

Tôi chỉ nhận lại được sự ấm áp của linh cảm đó trong cặp mắt, trong nụ cười của người quen, của người thân, của gia đình khi đến thăm ai đó hay khi ở nhà. Nhưng có gì đảm bảo cho những trú náu cuối cùng đó khi toàn xã hội đang ngày càng lạnh cảm ?

Một điều dễ nhận thấy là khác với các nước phương Tây, các biển tuyên truyền, quảng cáo ở Việt Nam ít dùng ảnh chụp cảnh và người thật, mà phần lớn dùng tranh vẽ. Bên trên các dòng khẩu hiệu như "Toàn dân...", "Nhiệt liệt...", "Đời đời...", người ta cố vẽ ra những gương mặt người lớn, trẻ em, hoặc là nghiêm nghị quyết liệt, hoặc là tươi hồng với miệng cười mở rộng. Nhưng mắt của người được vẽ không thể nào có ánh sáng của sự sống. Vậy mà ánh mắt đó lại thật gần như một trăm phần trăm với những ánh mắt trong dòng người đang sục sôi quanh bạn. Tôi tự hỏi rằng, các họa sĩ vẽ tranh cố gắng đã mang được lên tranh của họ những ánh mắt của đời thực, hay là những con người thực đã nhập vào mình những ánh mắt từ các tấm tranh trên ?

### Làng quê

Dù chỉ trải qua mấy năm sơ tán thời Mỹ ném bom Hà Nội, nhưng trong tâm khảm, làng quê tôi bao giờ cũng được gắn với lũy tre nghiêng nghiêng mang bóng mát trong những trưa hè đổ lửa, và oằn oại hứng cuồng phong vào mùa bão tố. Làng quê tôi còn là những con đường gạch nhỏ quanh co lượn theo những hàng rào dây bụt, cúc tần, lúc lấp lóe hoa đỏ rực, lúc vương vấn những sợi tơ hồng và lách chách tiếng chim sâu ; và khi đêm đến, tôi đi vào giấc ngủ cùng với tiếng éch, tiếng chẫu chuộc văng vẳng kêu từ những chiếc ao nhỏ súng mai sè khoe đầy hoa súng, hoa bèo. Cách đây mấy năm, khi nói chuyện với một nhà thơ ra đi từ Sài Gòn vào đầu những năm 70 của thế kỷ trước, anh bảo : "Đã lâu rồi mình không về thăm lại Việt Nam, nhưng có lẽ vì yêu quê quá mà mình lại không dám về. Nếu về, nhớ cảnh vật khác đi, có khi còn xấu đi, mình sợ tình yêu sẽ suy giảm, hay là biến mất." Tôi nghĩ thầm : "Anh thật quá là... nhà thơ !". Không ngờ, anh lại là người có lý.

Về thăm quê lần này, tôi ngỡ ngàng : làng cũ không còn !

Mảnh đất chôn rau cắt rốn là đây, nơi yên nghỉ của ông bà, tổ tiên vẫn như xưa, nhưng thay cho lũy tre làng, cho các hàng rào dây bụt và các ao bèo là những ngôi nhà bê tông có tường gạch bao quanh. Các con đường gạch nhỏ cũng đã nhường chỗ cho các lối đi xi măng trải đầy phân chó khô. Một nhà giàu mới nổi trong làng đã mua toàn bộ chiếc sân rộng giữa làng, nơi lũ trẻ chúng tôi vẫn chạy nhảy hét hò khi xưa vào những đêm trăng sáng, và xây lên đó một biệt thự sang trọng có vòi phun nước. Đình làng cũ đang bị đục phá.

Ngày trước, hai dâu đình có dắp nồi tượng Ông Thiện, Ông Ác. Nay, Ông Thiện đã là một đống vôi vữa nằm phủ lén mấy bãi phân trâu. Ông Ác đang bị đập dở dang : trông ông giáp trụ rực rỡ, tay nắm thanh dao, nhưng một chân đã bị mất, một chân bị cụt đến tận đầu gối, vừa dữ tợn hơn xưa, vừa thật là tội nghiệp. Vị sư cô mới được cử về trụ trì chùa làng, ngồi co hai chân lên tràng kỷ khám trai cho tôi biết : "Làng anh đang định xây đình làng bằng bê tông chứ không làm lại bằng gỗ như xưa. Xây bằng bê tông mà làm cẩn thận thì bền và rẻ hơn làm bằng gỗ. Nhà ông G. sẽ đóng góp 100 triệu, nhà bà B. góp 50 triệu...". Rồi sư cô nhận xét : "Tôi từ nơi khác đến đây, thấy người làng

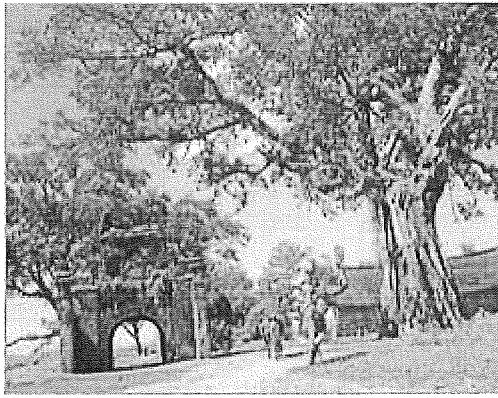
anh thật khôn ngoan, có rất nhiều người sống ở nước ngoài". Khi chia tay, sư cô gọi người giúp việc chùa trả cho chúng tôi mấy quả khế từ hai cây trên sân chùa. Khế ngọt và mát. Hình như, đó là hai cây khế ngọt duy nhất còn lại trong làng. Cảm ơn chùa, chúng tôi tạm biệt quê. Quê còn đó nhưng làng thì có lẽ đã vĩnh viễn qua đi. Ra khỏi cái cổng làng còn sót, quay đầu lại, không còn bì che bởi hàng hàng lớp cây lá như xưa, tôi nhìn thấy từ những ngôi nhà bê tông cao thấp mới xây, hằng trăm

chiếc cửa sổ mở rộng nhưng đèn ngòm trùng trùng nhìn tôi như những cặp mắt vô hồn, vô cảm từ khắp nơi trong những ngày qua. Những con mắt cửa sổ bê tông không có khả năng cười.

Để mời gọi khách du lịch, người Thái Lan tự giới thiệu đất nước của mình là "Smiling Thailand"- Đất Thái Mỉm cười. Có người bảo, người Việt Nam mình cũng có tiếng là hay cười. Vui đã cười mà buồn cũng cười. Được khen thì cười mà bị chửi cũng cười. Trong nhiều trường hợp, cười đã trở thành vũ khí. Bà Võ Thị Thắng - Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Việt Nam hiện nay, đã từng nổi danh thế giới với nụ cười trước Tòa án quân sự của chính quyền miền Nam trước năm 1975. Nụ cười của bà được mệnh danh là "nụ cười chiến thắng". Nay, trên đất nước Việt Nam, kẻ thù không còn để, hoặc không còn cho người Việt Nam có "nụ cười chiến thắng". Có lẽ bà Tổng cục trưởng cũng đã hết lòng kêu gọi, giáo dục các cán bộ, nhân viên làm công tác thu hút du lịch của bà phải cố gắng biết cách cười tươi. Nhưng các cô tiếp viên hàng không vẫn không mỉm cười.

Và thực tế, còn quá nhiều người Việt Nam vẫn không thể mỉm cười và lạnh ngắt nhìn đồng bào bằng những ánh mắt vô cảm, khác loài. Bất kể dằng sau những ánh nhìn đó là trĩu nặng buồn lo của người nghèo khổ, là hỗn mang vô cảm của người giàu có, hay là quyền uy lì lợm kẻ có chức quyền, tôi cho rằng, ngay cả trong cái lồng lẩy của thiên nhiên hay là bên các biệt thự xa hoa, khi đôi mắt không đủ sức phát sáng cho một nụ mỉm cười, là lúc con người không hạnh phúc.

Phạm Việt Vinh (Berlin)



# Tìm hiểu về bệnh cao huyết áp

Bác sĩ Bùi Đức Lộc

Huyết áp (blood pressure) là áp suất trong động mạch của cơ thể con người. Đây là một yếu tố rất cần thiết của sự sống, gọi là "dấu hiệu sống" (vital sign). Nhờ huyết áp mà máu có thể đưa dưỡng khí (oxygen) và các chất nuôi dưỡng khác đến nuôi sống các tế bào trong cơ thể. Áp suất động mạch được ấn định bởi lượng máu bơm của tim X sức cản ngoại biên (áp suất = lượng chảy X sức cản).

Chứng cao huyết áp sẽ xảy ra nếu lượng máu bơm từ tim tăng, hoặc sức cản ngoại biên tăng. Ngược lại huyết áp sẽ thấp nếu lượng máu bơm từ tim giảm (thí dụ như một người bị chảy máu cấp tính trong trường hợp bị tai nạn, hoặc chảy máu trong nội tạng thì huyết áp có thể xuống thấp). Tuy nhiên yếu tố thứ hai là sức cản ngoại biên thì sẽ rất phức tạp và khó hiểu hơn. Nói chung, đây là sự co bóp của các cơ trơn của thành mạch máu và sự đàn hồi của thành mạch máu, cơ chế co mạch, đàn hồi này được điều khiển bởi một hệ thống phức tạp các chất hóa học, các kích thích tố trong cơ thể.

Một cách tổng quát, huyết áp bị ảnh hưởng và được điều hòa bởi ba yếu tố chính :

- Phản xạ do cảm ứng áp suất (baroreceptor) : điều khiển bởi cơ quan cảm ứng nằm ở động mạch cổ (carotid sinus), sự thay đổi huyết áp sẽ được cảm nhận tại đây và truyền lên não bộ, các chất adrenaline sẽ được tiết ra ở cuống não và điều hòa nhịp đập của tim cũng như sức bóp của tim và sự co giãn các mạch máu ngoại biên.

- Hệ thống renin-angiotensin của thận sẽ biến đổi thành chất angiotensin II, là chất chính làm co mạch máu và cũng để kích thích tuyến thượng thận tiết ra chất aldosterone để điều chỉnh lượng muối trong cơ thể và gián tiếp lượng nước trong cơ thể.

- Thận, cơ quan điều chỉnh lượng nước ngoại biên trong cơ thể.

## Cách đo huyết áp

Huyết áp cần được đo bằng dụng cụ đo huyết áp đã được chỉnh (calibrated), chiều rộng của túi cao su trong túi vải phải bao phủ 80% chu vien của cánh tay hay nơi đo huyết áp. Đo huyết áp tại những nơi có hai xương như cẳng tay trước thường không được chính xác vì áp suất trong túi cao su khi bóp lên không đủ để ép động mạch nằm giữa hai xương tay. Khi đo huyết áp nên nghỉ ngơi khoảng 5 phút trước khi đo và ngồi dựa thoải mái hoặc được nằm nghỉ.

Huyết áp đo tại phòng mạch bác sĩ thường có khuynh hướng cao hơn đo ở nhà. Hơn nữa huyết áp thường thay đổi, lên xuống thất thường. Một bệnh nhân mắc chứng cao huyết áp nên mua cho mình một dụng cụ đo huyết áp riêng và thường xuyên tự đo nhiều lần để có một số trung bình chứ không nên căn cứ vào một hay hai con số mà quyết định được. Một bệnh nhân khi tới phòng mạch đo huyết áp lần đầu thường thấy cao, nhưng không thể căn cứ vào đó

để được chữa trị ngay, phải đo vài lần mới quyết định được, trừ trường hợp đặc biệt áp huyết quá cao cần phải can thiệp ngay. Thông thường huyết áp đo vào buổi sáng luôn luôn cao hơn những lúc khác trong ngày do ảnh hưởng của các kích thích tố trong cơ thể. Cũng không nên quên con người là một sinh vật sống - bị ảnh hưởng không nhiều thì ít bởi các yếu tố hổn loạn, ái, ố - do đó huyết áp trồi sụt tùy theo tình trạng tâm lý và các hoạt động thường ngày.

Huyết áp được coi là cao nếu lớn hơn 140/90. Số trên 140 là con số khi tim bóp bơm máu ra và số dưới 90 là lúc tim nghỉ.

Theo thống kê, tại Mỹ có 50 triệu người mắc bệnh cao huyết áp, 70% biết mình bị bệnh. Chỉ 50% được chữa trị, trong đó chỉ 25% được chữa trị đúng mức là huyết áp dưới 140/90. Sau đây là bảng xếp hạng về bệnh cao huyết áp.

**Classification of Blood Pressure for Adults  
Aged >= 18 Years : JNC 7 vs JNC 6**

JNC 7 Blood Pressure Category	JNC 6 Blood Pressure Category	SBP (mm Hg)	and/or	DBP (mm Hg)
Normal	Optimal	< 120		< 80
Prehypertension	Normal	120-139	and or	80-89
—	High-normal	< 130	and or	< 85
—	Hypertension Stage 1	130-139		85-89
Hypertension : Stage 1	Hypertension Stage 1	140-159	or	90-99
Stage 2	Stage 2	>= 160	or	>= 100
—	Stage 2	160-179	or	100-109
—	Stage 3	>= 180	or	>= 110

## Nguyên do mắc bệnh cao huyết áp

### A. Cao huyết áp tự phát (Essential Hypertension) :

95% người mắc bệnh cao huyết áp thuộc loại này, tức không biết rõ nguyên do nhưng biết là mắc bệnh. Tuổi bắt đầu từ 25-55. Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến bệnh cao huyết áp như :

- Yếu tố di truyền.
- Môi trường : cách ăn uống (ăn mặn), mập phì.
- Chủng tộc.
- Hệ thống thần kinh giao cảm (sympathetic nervous system) hoạt động quá mạnh hay thấy ở những người trẻ (qua cơ chế baroreceptor).
- Hệ thống Renin-angiotensin (cơ chế thứ hai).
- Lượng muối trong tế bào quá cao.

### B. Nguyên do cao huyết áp (Secondary Hypertension)

Khoảng 5% bệnh nhân cao huyết áp có nguyên do rõ ràng :

- Chứng ngưng thở trong khi ngủ.

2. Do dùng thuốc (sử dụng không đúng, phản ứng do các loại thuốc dùng, các chất steroid, cocaine, amphetamine, các chất kích thích, cyclosporin, v.v.).

3. Yếu tố thái quá : ăn mặn, béo phì, nghiện rượu hoặc uống quá nhiều (nhưng nếu uống rượu một cách vừa phải, mỗi ngày một ly rượu hay một chai bia thì không có hại gì mà ngược lại càng tốt cho sức khỏe).

4. Bệnh thận kinh niên

5. Tiết quá nhiều chất aldosterone (hyperaldosteronism).

6. Teo động mạch thận.

7. Bướu nang thượng thận (pheochromocytoma).

8. Ngạnh động mạch chủ (coarctation of aorta).

9. Bệnh vách tuyến giáp trạng (thyroid).

Những người mắc bệnh cao huyết áp cần phải được chữa trị ngay để giảm những hậu quả tai hại của nó như :

10. Các chứng bệnh về tim mạch gây ra bởi cao huyết áp (hypertensive cardiovascular disease) có thể gây tàn phế và tử vong cho người bệnh : quả tim phải làm việc quá sức một cách liên tục để chống lại áp suất của động mạch khi bơm máu nuôi toàn cơ thể lâu dần sẽ đưa đến : tim lớn, trụy tim.

11. Các chứng bệnh về não mạch gây ra bởi cao huyết áp (hypertensive cerebrovascular disease) có thể gây ra tai biến mạch máu não : thiếu máu nuôi, tắc nghẽn mạch máu não, chảy máu, hoặc có thể gây bệnh mất trí nhớ.

12. Ảnh hưởng lên thị giác : có thể làm chảy máu, phù võng mạc gây giảm thị lực hoặc mù.

13. Gây ra suy thận, hư thận (hypertensive renal disease)

14. Gây rách động mạch chủ (aortic dissection)

15. Chai cứng động mạch.

### Các triệu chứng của cao huyết áp

Những người mắc bệnh cao huyết áp vừa phải hay nhẹ lúc ban đầu thường không thấy triệu chứng gì trong nhiều năm, sau đó có thể thấy nhức đầu nhẹ ở phía sau đầu, hay xảy ra vào buổi sáng. Khi trở nên nặng, những biến chứng của nó gây ra như sau :

- Huyết áp cao hơn bình thường (xem bảng sắp loại ở trên).

- Tại phòng chẩn bệnh, bác sĩ có thể phát hiện bệnh cao huyết áp ở mắt, dấu hiệu cứng mạch máu ở tay chi, tim lớn, sau đó kết hợp với các thử nghiệm về máu, nước tiểu, điện tâm đồ, quang tuyến X để xác nhận và thẩm định giai đoạn nào của bệnh trạng.

- Tai biến mạch máu não : nhức đầu, liệt, miệng méo, nói không được, yếu một phần cơ thể, toàn thân trở nên nặng nề dẫn đến hôn mê và mất mạng.

- Bướu của nang thượng thận (pheochromocytoma) xảy ra từng cơn vài tiếng đồng hồ kèm hồi hộp, xuất mồ hôi, sợ hãi, lo lắng.

- Triệu chứng đau tim từ nhẹ đến nặng, cần được can thiệp hay chữa trị đúng mức và kịp thời. Triệu chứng quan trọng nhất là nhồi máu cơ tim (myocardial infarction) do tắc nghẽn cấp thời của một hay nhiều mạch máu của tim : đau nhói dữ dội ở phần trước ngực mà bệnh nhân có cảm giác chạy lan ra tay, hay lên cẳng ; tiếp theo đó là cảm thấy

khó thở, hồi hộp, vã mồ hôi. Trong trường hợp này, bệnh nhân cần được săn sóc ngay để chữa trị đúng mức và kịp thời, nếu không bệnh nhân có thể chết hoặc trở nên tàn phế nếu bị nhồi máu cơ tim.

### Cách chữa trị cao huyết áp

Cũng nên biết cao huyết áp là một bệnh gần như không thể chữa dứt được, trừ 5% có nguyên do rõ ràng, tuy nhiên người ta có thể dùng thuốc hoặc thay đổi cách sinh hoạt để không cho nó nặng hơn.

1. Thay đổi cách sinh hoạt : ăn uống điều độ, bớt ăn mặn, bỏ hút thuốc lá, tập thể dục thường xuyên, uống một cách vừa phải (một ly rượu hay một chai bia mỗi ngày).

2. Uống thuốc : các thuốc trị cao huyết áp ngày càng tốt nhưng mỗi thứ đều có tác dụng phụ xảy ra từ vài % đến trên dưới 10%. Tùy theo giai đoạn của bệnh, bác sĩ sẽ phối hợp, điều chỉnh các loại thuốc và lượng thuốc cho từng trường hợp. Không thể nào chữa trị một bệnh nhân bị cao huyết áp sau một hay hai lần, hơn nữa với thời gian bệnh tình thay đổi thất thường, nhất là đối với những người lớn tuổi. Do đó phải đi khám bệnh thường xuyên, hai ba tháng một lần, tối thiểu hai lần một năm. Tuổi càng cao cần đi khám thường xuyên hơn.

### Các loại thuốc chữa trị cao huyết áp

Các loại thuốc chữa trị cao huyết áp được sắp theo từng loại, mỗi loại có nhiều thứ thuốc :

1. Loại lợi tiểu : lấy bớt muối đồng thời giảm bớt lượng nước trong cơ thể. Có thể gây thiếu muối trong cơ thể, thuốc cổ điển nhất và rẻ.

2. Beta blockers : giảm nhịp tim và lượng máu tổng xuất ở tim.

3. Loại ACE inhibitor : ngăn cản hệ thống Renin-angiotensin-aldosterone. Tác dụng phụ chính là làm ho dữ dội. Đối với bệnh nhân bị đái đường, loại thuốc này có ảnh hưởng rất tốt trên thận.

4. Angiotensin II Receptor blocker (ARB) Tương tự như loại 3 lại không gây ho.

5. Calcium channel blockers : làm giãn nở các mạch máu ngoại biên.

6. Alpha blockers : làm các cơ trơn được giãn nở.

7. Ngoài ra còn vài loại nữa nhưng không thông dụng như các loại kể trên.

Một thí dụ hay gặp : một bệnh nhân đang được điều trị về bệnh đái đường, sau vài năm theo dõi, bệnh nhân mắc thêm chứng cao huyết áp (hai bệnh này thường đi đôi, thuốc trị cao huyết áp tốt nhất là ACE inhibitor, nhưng nếu sau khi dùng mà bệnh nhân lại bị ho khan mà không tìm ra nguyên do ho thì phải đổi qua thứ thuốc khác...).

Nếu hiểu rõ bệnh tình của mình và sinh hoạt một cách lành mạnh, uống thuốc đều đặn trong sự lạc quan và yêu đời, sức khỏe sẽ tốt hơn.

Y khoa và bác sĩ không phải là những giải pháp nhiệm màu. Bệnh nhân phải biết kết hợp chặt chẽ giữa thuốc men và bác sĩ mới hy vọng được chữa khỏi bệnh.

Bác sĩ Bùi Đắc Lộc (Los Angeles)

# Từ lãng mạn đến tham tiền và thực sinh nói thẳng

Võ Thanh Liêm

Phong trào "thơ mới" của Việt Nam khởi lên từ thập niên 1930 đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của trường phái lãng mạn (*mouvement romantique 1830-1848*) của Pháp.

Trường phái lãng mạn Việt Nam do ảnh hưởng Pháp thuộc mà ra. Văn hóa Pháp đã mang những tư tưởng lãng mạn của Jean-Jacques Rousseau, Lamartine, Rimbaud, Hugo v.v. vào trái tim dễ rung cảm của thanh niên thiếu nữ Việt Nam vào thời đó. Lãng mạn có nghĩa là phóng khoáng, tự do, không bó buộc trong lề giáo, tập quán. Tư tưởng lãng mạn đã làm mưa làm gió tại Pháp vào thế kỷ trước nhưng "cũ người mới ta", trường phái lãng mạn đã để lại một dấu ấn sâu đậm trên thi trường và sau đó là chiến trường Việt Nam.

Thời điểm "thơ mới" Việt Nam đã có hai nhà thơ nổi bật là Ngô Xuân Diệu và Cù Huy Cận. Xuân Diệu đã có những bài thơ tuyệt hay, như "Giục giã" và "Tình trai". Những bài thơ dở của Xuân Diệu cũng nhiều lắm, đại loại như các bài "Bác ơi", "Thơ dâng Bác Hồ", "Miếng thịt nhỏ", "Ngọn quốc kỳ" và nhiều nữa. Đặc biệt bài "Tình trai" (*Thơ Thơ*, 1938), Xuân Diệu tỏ ý ngưỡng mộ thần tượng của ông :

*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine  
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men  
Say thơ xa lạ, mê tình bạn  
Kinh ré khuôn mòn, bỏ lối quen...*

Nghe rất lãng mạn nhưng say xỉn là một dấu hiệu của sự thiếu sáng suốt và là đầu mối của những hành động hàm hồ nồng nỗi : một chỉ số chung của không ít người thuộc thế hệ của Xuân Diệu.

Nhà thơ Huy Cận ngoài biệt tài thơ mới lãng mạn mà nổi đình nổi đám nhất là hai bài thơ "Vạn lý tình" và "Đi giữa đường thơm". Ông lại còn nổi tiếng trong một việc làm lịch sử là cùng với Trần Huy Liệu đứng ra tiếp thu ấn kiết của vua Bảo Đại tại lầu Ngũ Phụng rồi về giao lại cho ông Hồ Chí Minh giữ lấy.

Trong những bài thơ của trường phái lãng mạn như Nguyễn Bính, Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, v.v. ta cảm nhận được cái đẹp của sự cơ hàn, mộc mạc. Khung cảnh nghèo nàn, quê mùa được thi vị hóa, huyền thoại hóa khiến người thưởng thức thơ dù không ở trong hoàn cảnh túng thiếu cũng thấy yêu cái nghèo, cái khổ vì nó đẹp... như thơ !

Trường phái lãng mạn đã ru nhịp điệu gian khổ đói nghèo, hy sinh xương máu trong suốt thời gian kháng chiến, điển hình là Tố Hữu, Thanh Thảo, Nguyễn Trọng Tạo, Thi Hoàng, v.v. vì họ là con đẻ của văn hóa Pháp nên chính quyền thuộc địa đã không cản ngăn những hoạt động văn hóa này mà còn khuyến khích.

Sau đó từ lãng mạn say rượu chuyển sang lãng mạn say máu đánh nhau, được sự nâng đỡ của cách mạng. Trong dòng say mê đó, mọi thanh niên đều "Chắp tay súng tôi về mơ Nguyễn Huệ" (thơ Yên Thảo). Họ bước đi theo nhịp hát của "Tiến quân ca" và "Trường Sơn Đông Trường Sơn

Tây" (Sợi nhớ sợi thương). Lãng mạn khi bắn giết nhau chết, lúc còn sống thì ăn măng tre, ăn rễ cỏ thay cơm cũng hết sức lãng mạn. Thuở nhỏ tôi cũng nghêu ngao bài "Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây" mỗi khi ăn bo bo thay cơm vì nó rất lãng mạn.

Tới thập niên 1970-1980, bất ngờ trường phái lãng mạn hết chỗ đứng và trở thành "wá đát". Tình thần lãng mạn quá độ sang một trường phái mới, đó là trường phái "tham tiền và thực sinh nói thẳng".

Trường phái tham tiền và trường phái thực sinh nói thẳng không hẳn là một nhưng cùng xuất hiện trong thời hiện tại. Tham tiền bao gồm những hoạt động kinh tế thuần túy, còn thực sinh nói thẳng chủ trương nói không quanh co như sấm Trạng Trình.

Có một bài thơ đang lưu truyền khắp nơi tại Việt Nam hết sức hay của trường phái tham tiền mà dù là thi sĩ có tài cũng khó làm hay hơn đó là :

*Tiền là Tiên, tiên là Phật  
Tiền là sức bật của con người  
Tiền là nụ cười của tuổi trẻ  
Tiền là sức khỏe của ông già  
Tiền là cái dà của danh vọng  
Tiền là cái lòng để che thân  
Tiền là cán cân của công lý  
Tiền là hết ý !*

Phong trào tham nhũng lớn mạnh nhanh chóng và đã vùng lên như Thánh Gióng kể từ bí thư Nguyễn Văn Linh, chủ trương đổi mới theo chân Đặng Tiểu Bình của Trung Quốc.

Sự chuyển hướng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã thúc đẩy sự hình thành trường phái tham tiền và thực sinh nói thẳng. Sự nghèo nàn đẹp đẽ chuyên chính trở nên lỗi thời, xưa rồi Diêm ơi. Nhẫn kim cương hấp dẫn hơn nhẫn cổ. Chuyện tình được kể bằng đô-la và credit-card đẹp hơn bằng ca dao. Nhờ thời cuộc mà sự giàu có, bạc tiền đến với một thiểu số người nhanh và nhiều đến choáng váng. Cho dù Trương Phúc Loan tái sinh cũng đầu hàng vô điều kiện vì cái giàu bất chính của Trương Phúc Loan có thẩm vào đâu ! Những tác phẩm thơ văn tả cảnh nghèo, cảnh khổ bấy giờ rớt hết những hào quang giả tạo để chỉ còn lại cái khổ và cái nghèo thật sự trong thơ văn.

Ngày xưa thời vua Bảo Đại, đến như vua cũng nghèo thì có mấy ai giàu, đa số là nghèo nàn đi chân trần, gánh lúa mướn nén sức cám dỗ của đồng tiền không nhiều. Điều mà người ta thèm khát là độc lập với bất cứ giá nào. Ngày nay nhờ phong trào tham nhũng mà sự khác biệt giàu nghèo trở nên nổi bật và rõ rệt. Mọi người đều có thể ý thức được những gì họ đang thiếu, đó là tiền. Cái nghèo vô sản chuyên chính dần dà mất sự nể trọng và bị vứt đi bởi chính giới vô sản quan liêu "man-đa-rinh" thời đại.

Sống trong một hoàn cảnh lố bịch người thì giàu thật

giàu, kẻ thù nghèo thật nghèo ở sát vách nhau đưa tới sự hình thành của tư tưởng tham tiền và thực sinh nói thẳng trong ngôn từ cũng như hành động. Như thời Pháp thuộc đã tạo điều kiện cho trường phái lăng mạn sinh nở và phát triển, thời đại đổi mới với chính sách tham tiền của giới cầm quyền "vô sản" trong dấu ngoặc kép, đã tạo điều kiện cho trường phái tham tiền và thực sinh nói thẳng phát triển hợp với thời cuộc.

Một nhóm thi sĩ tiêu biểu cho trường phái thực sinh "nói thẳng, nói thiệt" này là nhóm "Mở Miệng" của những nhà thơ trẻ có học cao là Lý Dợi, Bùi Chát, Nguyễn Quốc Chánh, Khúc Duy, Nguyễn Quán và Phan Bá Thọ. Nhóm mở miệng làm thơ không dùng vần điệu quen thuộc, bỏ những danh từ cao đẹp thanh nhã đã được sử dụng tối đa trong thơ văn quá khứ. Họ dùng những chữ rất thực, hoàn toàn Việt Nam nhưng thường bị coi là rác rưởi.

Trong bài thơ "Những công dân toàn cầu bị kẹt đạn ở hẻm 47", Nguyễn Quốc Chánh viết :

"...Chúng tôi hả hê với chữ Being lầm vì nó là ngôn ngữ 13 cách của con chim đen.

Chúng tôi hãnh diện với chữ Trảm vô cùng vì nó là ngôn ngữ của Tam Quốc Chí.

Nhưng chúng tôi cực kỳ hổ thẹn với chữ Bác âm ĩ, vì nó là ngôn ngữ của Chí Phèo...".

Ngày xưa nhà thơ trường phái lăng mạng Cù Huy Cận trong bài thơ "Ngủ Chung" (Lửa Thiêng, 1940), ông đã dũng những câu rất đẹp :

...Trốn tránh bơ vơ chạy ngủ lang  
Hồn ơi ! có nhớ giấc trần gian  
Nệm là hơi thở, da : chăn ấm,  
Xương cọ vào xương bót nỗi hàn  
để tả cảnh ê-tô-tích của hai người con trai trẻ mới lớn ngủ chung tìm cảm giác đầu đời.

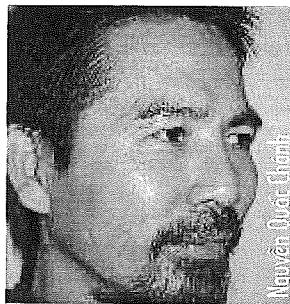
Dù xương có cứng vẫn rất êm tai. Nhóm thi sĩ mới hôm nay không cần dùng chữ "xương" để ám chỉ cái vật cứng mà họ nói thẳng hơn. Trong bài "Đụ vỡ sọ", tác giả Mở Miệng, Nguyễn Quốc Chánh viết :

Hỡi ơi, một con sóng ập tới, lật ngửa tôi.  
Mọi ý niệm và chủ nghĩa bị xóa.  
Đó là tự do.  
Nhờ bầm dập mà tôi có hàng ngàn lần đụ cát.  
Sau nhiều năm te tua, cặc tôi bây giờ trở nên thương thừa.

Nó có thể đụ gãy cây chuối 8 tháng tuổi ...".

Nói thiệt, nói thẳng với "Cây chuối 8 tháng" hay "Tháng 8 cây chuối" đều mang một thèm muốn không che đậy của tuổi trẻ hôm nay. Họ nằm dưới chán nê muôn đổi kiểu cho lấy hứng. Trở lại với trường phái tham tiền thì nhìn bá quan văn võ làm giàu tham tiền nê bần dân cũng muốn được như vậy tức là làm giàu.

Trong kỷ nguyên mở cửa và tin học này người dân phần nào có cơ hội nghe ngóng xa xôi. Sự tiếp xúc với những kiểu bão hải ngoại và những người Việt từng bị đưa đi xuất cảng lao động, người dân dần hồi có cái nhìn xa hơn.



Trong đợt thăm dò ý kiến cách đây 5 năm của báo Tuổi Trẻ thì thần tượng số một của giới trẻ Việt Nam là nhà tỉ phú Mỹ Bill Gates. Họ chọn ông này bởi vì ông ấy là doanh gia và rất là giàu. Đúng là thay đổi động trời. Chẳng những giới trẻ khoái làm giàu mà giới lão thành vô sản cũng bỏ mộng Mác-Lê để mà đua nhau móc ngoặc buôn bán rần rần và làm giàu vô tư.

Trong tinh thần tham tiền tập thể này đang có một sự va chạm to lớn giữa trường phái tham tiền đại chúng và

phong trào tham nhũng, tự nó cũng là một trường phái chuyên chính đã ăn rẽ lâu năm. Tuy rằng tham nhũng và tham tiền có cùng mục đích coi như đồng nguyên theo kiểu tam giáo đồng nguyên nhưng hai trường phái này lại có chỗ tương khắc ở lý thuyết thực hành và đích đến. Trường phái tham tiền và thực sinh nói thẳng đã và đang thúc đẩy một lối đi mới nhằm tạo được tự do để có nhiều tiền cho mọi người và mỗi người Việt Nam. Thế

hế mới đang nhìn ra khỏi giới hạn bờ cõi Việt Nam cũ kỹ để thấy những nơi có nhiều tiền và cơ hội để kiếm tiền một cách đồng đều hơn nhờ sự tự do mang lại. Lãng mạn để làm gì ? Có tiền sướng và thực tế hơn

Trong xung đột giữa hai trường phái tham tiền và tham nhũng, trường phái nói thẳng nói thiệt đóng một vai trò quan trọng là phá bung bí để nói thẳng và nói thiệt bằng ngôn ngữ xứng đáng để dùng với những kẻ côn đồ nhưng có nhiều thế quyền và thế lực.

Võ Thành Liêm (Melbourne)

### MUA BÁO

Gia nhập HỘI NHỊ

### ABONNEMENT

Adhésion à VNfraternité

Họ (Nom) : .....

Tên (Prénom) : .....

Địa chỉ (Adresse) : .....

Mã số hành chính (Code postal).....

Thành phố (Ville) : .....

Điện thoại (Tél.) : .....

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (\*) :

mua / giá hạn mua báo (35 EUR/năm)

pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ

pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(\*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trống nếu KHÔNG

Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : Vietnam Fraternité

Gởi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) : .....

Chữ ký (Signature).....

## 7. Thời Mạc (1527-1592)

hay

65 năm phục hưng văn hóa dân gian Đại Việt

Lê Văn Hảo

### Vương triều Mạc từ Thăng Long tới Cao Bằng : 65 năm vinh nhục

Thế kỷ 15 là thời thịnh trị của triều đại Lê Sơ, nhưng sau khi Lê Thánh Tông mất (1497), sự thịnh vượng của triều đại không còn nữa, bóng vang của một thời "văn trị võ công" phai nhạt dần. Với những vua hung ác, xa hoa, đồi trụy hay yếu hèn, một triều đình thoái hóa chia năm xẻ bảy, Mạc Đăng Dung, một tướng võ tài giỏi cháu bảy đời của danh nhân Mạc Đĩnh Chi thời Trần, đã để ra 10 năm để loại trừ dần các phe phái, chấm dứt triều Lê Sơ không mấy khó khăn và lên ngôi vua (1527), chính thức lập ra triều Mạc.

Thật ra nhà Mạc - được gọi là Bắc triều - chỉ cai quản phần lãnh thổ của Đàng Ngoài từ vùng Sơn Nam trở ra, còn các quan tướng cũ của nhà Lê Sơ (Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm...) đứng đầu Nam triều, cai quản vùng đất từ phía nam Sơn Nam tới Thuận Quảng, với trung tâm là miền Thanh Hóa, và liên tục đánh nhau với Bắc triều tới năm 1592 thì con cháu nhà Mạc phải rút lui lên ẩn náu tại vùng rừng núi Cao Bằng cho tới năm 1677.

Trong 65 năm trị vì trên một phần lớn lãnh thổ Đàng Ngoài, 5 vua Mạc từ Đăng Dung (1527-1529) tới Hậu Hợp (1562-1592) đã làm được một số việc tích cực cho đất nước như :

- Xây dựng được một lực lượng quân đội mạnh, thường xuyên có trên 100.000 người ;

- Chú trọng tổ chức khoa cử : mở 22 khoa thi Hội, lấy đậu 484 tiến sĩ (11 trạng nguyên), nhiều người trong số đó đã có những đóng góp cho văn học và văn hóa thời Mạc;

- Làm cho kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, kể cả ngoại thương ;

- Không đề cao Tống nho như thời Lê Sơ, trái lại cố gắng phục hồi Phật giáo, cùng lúc khuyến khích sự thăng tiến của văn hóa dân gian, cụ thể là khuyến khích nghệ thuật gốm sứ xuất khẩu ;

- Chủ động giúp dân trùng tu hay xây dựng nhiều đình miếu, chùa quán, làm giàu cho văn hóa dân gian Đại Việt.

Tuy nhiên bên cạnh một số công lao và với ít nhiều vinh quang như thế, nhà Mạc đã để lại một gươm xấu trong lịch sử dân tộc : năm 1537 vua nhà Minh điều quân xuống miền Lưỡng Quảng rồi viết hịch kể tội cha con Mạc Đăng Dung và ra lệnh "nếu biết tự trói mình nhận tội thì sẽ được tha tội chết". *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết Mạc Đăng Dung

đã lên biên giới tự trói mình làm lễ đầu hàng và cất đốt 5 động dâng nộp cho nhà Minh. Sau cử chỉ nhục nhã này vua Minh phong cho Đăng Dung làm An Nam đô thống sứ và thôi không tiến quân xâm lược Đại Việt nữa.

Chính sách đối ngoại bạc nhược và hèn hạ của nhà Mạc đã gây bất bình, phẫn nộ trong nhân dân, kể cả quan lại sĩ phu : Đăng Dung đã xúc phạm tới điều thiêng liêng nhất đối với người Việt là độc lập dân tộc, thanh danh tổ quốc. Từ đó nhà Mạc bị cô lập, suy yếu dần, và cuối cùng đã tan rã (1592).

### Thời Mạc là một thời kỳ phục hưng văn hóa dân gian Đại Việt

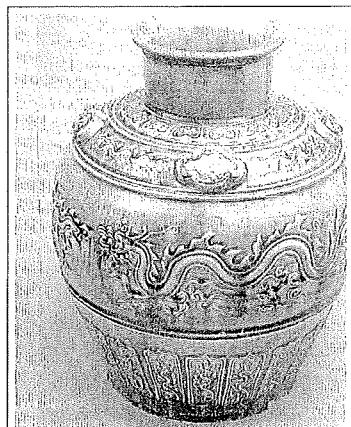
Văn hóa dân gian là nền tảng của văn hóa dân tộc. Trước thời Mạc đã có 5 thế kỷ văn hóa dân gian Việt Nam phong phú. Người Việt đã có một nền thần thoại lâu đời với những hình tượng đẹp đẽ : Ông Trời, Bà Trời, 12 Bà Mụ, Nàng Bân, Chú Cuội...

Cùng với thần thoại, nền truyền thuyết của người Việt cũng rất lâu đời và làm nên niềm kiêu hãnh của chúng ta xưa nay với những truyện về họ Hồng Bàng, Âu Cơ - Lạc Long, các Vua Hùng, Ông Gióng, Rùa Vàng giúp vua Thục xây thành Cổ Loa. Rồi những truyện hấp dẫn về các vị anh hùng dân tộc từ Bà Trưng, Bà Triệu tới Đinh Bộ Lĩnh, Lê Lợi.

Ra đời trễ hơn thần thoại và truyền thuyết, những cổ tích quen thuộc nhất của người Việt như Tấm Cám, Trương Chi - Mỹ Nương, Thạch Sanh, Cây Khế, Sọ Dừa... chắc chắn đã có trong folklor Việt từ thời Lý-Trần. Các làn điệu dân ca cổ kính như hát xoan, hát ghẹo, trống quân, quan họ, ví, đúm, dặm, hát cửa đình, có lẽ đã xuất hiện từ thời Lý-Trần, bên cạnh những hình thức cổ kính của chèo bội. Múa rối nước được nhắc tới trong văn bia chùa Đọi (1121). Thể thơ lục bát có lẽ cũng đã xuất hiện muộn nhất là vào thời Trần cùng với sự hình thành chữ Nôm từ thế kỷ 13 để sau này trở thành thể thơ ưu việt của ca dao dân ca.

Vào thời Lê Sơ, vua quan và nhà nho vì sính Nho giáo và Tống nho nên đã coi rẻ nền văn hóa dân gian Việt. Quan lại mà thương yêu và cưới xin con gái các gia đình làm nghề xướng ca thì bị trừng phạt. Chèo bội và dân ca không được biểu diễn ở chốn cung đình. Con trai các gia đình hát xướng không được đi thi.

Ở thời Mạc thì trái lại, triều đình không đề cao Nho



Gốm Chu Đậu thế kỷ 16

giáo mà lại có khuynh hướng tôn trọng và phục hồi Phật giáo đã bị thất sủng từ cuối Trần tới cuối Lê Sơ. Có nhiều bằng chứng cụ thể về một sự phục hưng văn hóa dân gian ở thời Mạc. Khi khuyến khích nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, nhà Mạc đã tạo điều kiện cho sự thịnh vượng của nghệ thuật gốm sứ nhất là ở các cơ sở nổi tiếng như Bát Tràng, Chu Đậu, Thổ Hà, Hương Canh ở trung du và đồng bằng châu thổ sông Hồng. Trong các thế kỷ từ 15 tới 18, gốm sứ Việt Nam đã chu du từ châu Á (nhiều nhất là ở Nhật Bản) tới tận châu Âu và Trung Cận Đông, kể cả Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong các lãnh vực kiến trúc, điêu khắc, đồ họa và âm nhạc dân gian, có một số sự việc đáng chú ý. Hiện nay vẫn chưa khẳng định được thật chính xác thời gian ra đời của tranh dân gian, nhưng Hoàng Sĩ Khải sinh vào đầu thế kỷ và mất vào cuối thế kỷ 16, một thương thư kiêm tế tửu Quốc tử giám triều Mạc, đã viết *Tứ thời khúc vịnh*, một bài thơ Nôm dài 336 câu, diễn tả cảnh đổi thay bốn mùa, trong đó có câu : "Tranh vẽ gà cửa treo thiếp yếm". Qua đó ta thấy dân gian đương thời đã treo tranh gà để trừ tà ma.

Sau Hoàng Sĩ Khải, Lê Đức Mao (1462-1529) ở thời cuối Lê Sơ đầu Mạc, đã viết bài thơ Nôm dài 128 câu theo thể song thất lục bát nhan đề : *Nghĩ hộ tám giáp giải thường hát ả đào*, được xem là lời của bài ca trù cổ nhất hiện còn. Tác phẩm này cho thấy điệu hát cửa đình - tiền thân của ca trù - được các ả đào hát trong lễ hội mùa xuân tế thần cầu phúc ở làng quê đã có mặt trong âm nhạc dân gian vào khoảng từ thời Lê Sơ sang thời Mạc.

Nhiều đền chùa đình quán đã được xây dựng hay trùng tu trong thời Mạc mang đậm sắc thái dân gian. Nhờ tài liệu văn bia mà ta biết vào năm 1543, sau khi từ quan về làng ẩn dật, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã xây một ngôi quán, gọi là quán Trung Tân để khách qua đường có chỗ dừng chân nghỉ ngơi. Những ngôi đình cổ nhất còn lại tới nay đều mang niên đại thời Mạc : đình Lỗ Hạnh (1576), Tây Đằng (1583), Phù Lưu (cuối thế kỷ 16)...

Đình Lỗ Hạnh (tỉnh Bắc Giang) còn giữ được nhiều tác phẩm điêu khắc dân gian trên gỗ về các đề tài rồng, phượng, nai, cọp, cò tiên đánh đòn... Thêm vào đó là hai bức tranh cổ vẽ 4 nữ nhạc sĩ đang chơi những nhạc khí quen thuộc như đàn nhị, tỳ bà...

Đình Tây Đằng (tỉnh Hà Tây) có các hình chạm khắc rất phong phú : hoa lá, voi hươu, tiên nữ bên cạnh những hình người đeo cày, đá cầu, gánh con, chèo thuyền với phong cách nghệ thuật Mạc, khỏe thoáng, mộc mạc, hồn nhiên.

Tại đình Phù Lưu (tỉnh Bắc Ninh) lại thấy được những tác phẩm điêu khắc dân gian như tiên nữ ngồi trên đầu sư tử hay ngồi trên mìn mìn rồng chầu mặt trăng, những nhóm

người đánh đòn, đấu vật, bơi trǎi...

Ai cũng biết gốm sứ là một nghề thủ công truyền thống lâu đời và nổi tiếng của đất nước ta xưa nay, từ những lò gốm như Bát Tràng, Chu Đậu... ngoài Bắc tới Lái Thiêu, Chợ Lớn trong Nam. Điều đáng nói là gốm sứ thời Mạc đáng được xem như một đỉnh cao của nghệ thuật và kỹ thuật gốm sứ Việt, với những kiệt tác gốm hoa lam mà uy tín quốc gia và quốc tế không thua kém những gốm men ngọc, gốm hoa nâu thời Lý Trần. Đặc biệt gốm Bát Tràng, gốm Chu Đậu các thời Lê Sơ, Mạc rồi Trịnh hiện được lưu giữ và trưng bày ở 30 bảo tàng lớn của các nước Á, Âu, Mỹ, Úc.

### Ba danh nhân thời Mạc : Nguyễn Bỉnh Khiêm, Dương Văn An, Đặng Huyền Thông

**Nguyễn Bỉnh Khiêm** (1491-1575), quê ở Hải Dương, từ nhỏ đã được mẹ đệm kinh truyện, thơ Nôm, ca dao, tục ngữ ra dạy cho. Lớn lên được thầy là Lương Đức Bằng truyền thụ lý học, kinh Dịch và kinh Thái Ất. Sau khi Mạc thay Lê Sơ, tình hình xã hội tương đối ổn định, ông mới đi thi vào tuổi 45, đậu trạng nguyên rồi làm quan cho nhà Mạc. Ở triều chỉ có 8 năm, ông đã chán ngán cáo bệnh về quê ở ẩn.

Nhưng rồi tiếng là ẩn dật, ông vẫn ở vị thế "làm quan tại nhà", vẫn được triều Mạc trọng vọng như một đại thần cố cựu thường tới hỏi kế sách, hoặc mời lên kinh đô bàn chính sự. Tương truyền Trịnh Kiểm và Nguyễn Hoàng đã xin ý kiến ông trước khi lấy những quyết định

hệ trọng. Chính ông đã bày mưu kế cho Nguyễn Hoàng bằng một lời khuyên chiến lược có tính cách khuyến dụ mở cõi : "Hoành sơn nhất đáo, vạn dại dung thân", có thể xem là câu nói mở đầu cho sự nghiệp Nam tiến vĩ đại hơn 200 năm của các chúa Nguyễn ở phương Nam.

Còn nhân dân thì tôn Nguyễn Bỉnh Khiêm là bậc tiên tri, tiên giác, trân trọng gọi ông là trạng Trình và lưu truyền chung quanh ông nhiều sấm trang, giai thoại và truyền thuyết ít nhiều mang tính siêu nhiên. Trong những năm ở ẩn tại quê nhà, ông đã cho xây một số chùa miếu, dựng am Bạch Vân, quán Trung Tân làm chỗ đàm đạo với người già, bàn bạc đạo đức và thể sự với quan khách gần xa.

Vé vang hơn nữa ông đã mở trường dạy học bên bờ sông Tuyết, thu hút đông đảo học trò, trong đó nhiều người sẽ trở nên nổi tiếng như Nguyễn Dữ, tác giả *Truyền kỳ mạn lục* được người đời đánh giá là "thiên cổ kỳ bút", hay Phùng Khắc Khoan, tức trạng Bùng, người có công đưa về Đại Việt một số bí quyết của nghề dệt lụa của Trung Quốc và nhiều giống cây lương thực quý của vùng Hoa Nam để thúc đẩy quốc kế dân sinh, v.v.

Là tác giả hai bài văn xuôi, hai tập thơ chữ Hán và chữ



Nôm và nhiều tập sấm ký được phổ biến qua nhiều thế hệ như những truyền ngôn của một bậc tiên tri, Nguyễn Bỉnh Khiêm trước hết là một nhà thơ triết học và đạo đức lớn, vì đã kết hợp kinh Dịch và lý học với thực tiễn thời đại để giải thích những biến động chính trị, xã hội và để cảnh cáo vua quan về lẽ biến dịch của tạo vật và thời cuộc để cho họ biết thế nào là thiện, ác, hưng, vong.

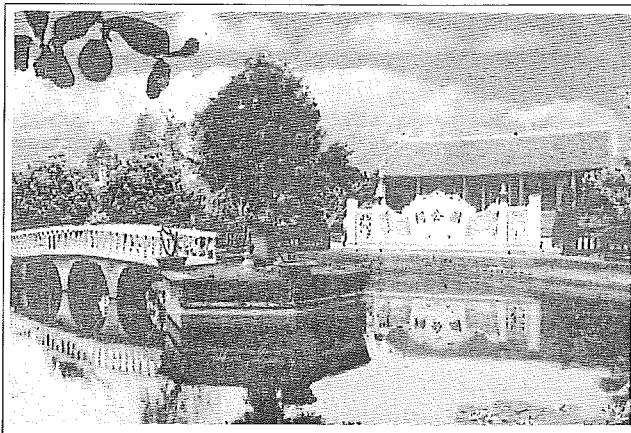
Cao quý nhất ở Trạng Trình là lòng yêu nước, thương dân, lo đời, tinh yêu thiên nhiên, ý chí lên án chiến tranh phi nghĩa gây ra "núi xương, sông máu" và lòng tha thiết mong mỏi hòa bình an lạc cho dân, như ông đã từng khẳng định : "Để nước được bền thì yên dân là việc đầu mối ; từ xưa đến nay nước lấy dân làm gốc, muốn được nước phải biết là ở chỗ được lòng dân".

Trong cuộc đời trường thọ và ẩn dật gần dân, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã tiếp thu được ảnh hưởng văn hóa dân gian, tư tưởng và tình cảm nhân dân, lối sống thuần hậu chất phác nơi thôn dã. Vũ Khâm Lân và Phan Huy Chú đều khen thơ Trạng Trình : "tự nhiên không gò gốm, đơn giản mà thư thái, đậm bạc mà có ý vị, thanh tao hồn hậu [...], đọc thơ ông dù ngàn năm sau vẫn còn tưởng như được thấy trăng thanh gió mát".

**Dương Văn An** sinh năm 1513 (chưa rõ năm mất), vốn người làng Tuy Lộc, huyện Lê Thủy trên đất châu Ô cũ nay là tỉnh Quảng Bình, đã di cư ra làng Phù Diễn, huyện Từ Liêm nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Học giỏi, hiểu nhiều, biết rộng, đậu tiến sĩ năm 1547 đời Mạc Phúc Nguyên, làm quan tới chức thượng thư. Là một nhà khoa học nhân văn thông thái kiêm nhà văn xuất sắc, ông đã mượn chữ Hán để lại cho đời một cuốn địa phương chí tuyệt tác : *Ô châu cận lục*.

Tác phẩm này gồm 6 quyển, mô tả cự thể và sống động núi rừng, sông biển, sản vật, hoa trái, cầm thú, phong tục tập quán của xứ Thuận Hóa ; kèm theo danh mục đầy đủ các phủ, huyện, châu, xã là những mô tả về thành quách, chợ búa, trang trại, bến đò, danh lam thang cảnh, cùng với tiểu sử của hơn 100 nhân vật từ thời Lê sơ đến giữa thế kỷ 16 : công thần, quan lại, những người đỗ đạt, sư tăng chân tu, phụ nữ tiết hạnh...

Điều hấp dẫn nhất trong *Ô châu cận lục* là Dương Văn An khi biên soạn tập sách đầy ắp tài liệu địa lý học, sử học và dân tộc học của một vùng đất giàu đẹp ở phương Nam tổ quốc, đã lồng vào



Đền Nguyễn Bỉnh Khiêm (Hải dương)

cảm hứng của mình thể loại văn xuôi biền ngẫu giàu chất thơ trữ tình để nói về quê hương Thuận Hóa :

"Xuân sang mở hội đua thuyền với nhiều trai thanh gai lịch, hè tới bày cuộc viếng thăm với nhiều chốn múa nơi ca. Lễ an táng thì chôn cất rất nhanh, không có lê cúng sớm cúng chiều, dịp cúng quải thì bày cỗ bàn linh đình tốn kém. Làm ma chay trong nhà có múa hát trước quan tài gọi là hò đưa linh, dịp giỗ đầu cúng

tế lúc gà gáy gọi là giờ cúng trộm. Lễ cưới dùng tiền mắt ngỗng để làm quà giá thú, cúng bái có cỗ xôi gà kèm cuộc hát hầu văn", v.v.

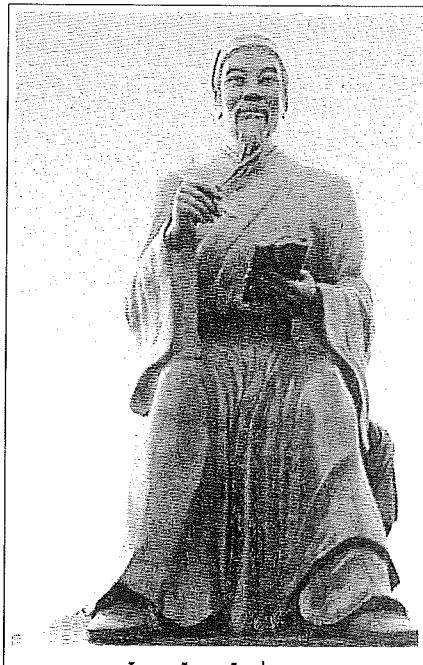
Chỉ với một kiệt tác địa phương chí như thế, Dương Văn An vẫn xứng đáng được xem là một danh nhân văn hóa thời Mạc.

Một danh nhân khác cùng thời, ít được người đời biết tới, đó là **Đặng Huyền Thông**. Cho tới nay vẫn chưa biết năm sinh năm mất của anh tú tài kiêm thợ gốm này. Chỉ biết rằng các viện bảo tàng Việt Nam cùng 30 viện bảo tàng ở khắp thế giới đang tàng trữ và trưng bày nhiều tác phẩm gốm sứ của Đặng Huyền Thông : những bình, lọ, bát hương, lư hương, chén đèn được tạo tác vào những năm 1558-1590 thời Mạc Hậu Hợp.

Trong bộ sưu tập gốm sứ cổ trưng bày tại Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam (Hà Nội), có một số tác phẩm đáng lưu ý, đó là nhóm gốm men hoa lam ghi rõ người tạo tác là Đặng Huyền Thông qua dòng chữ Hán : "Nam Sách phủ, Thanh Lâm huyện, Hùng Thắng xã, Đặng Huyền Thông tạo".

Không biết nghệ nhân họ Đặng này đã làm ra bao nhiêu sản phẩm nhưng nếu căn cứ vào số hiện vật gốm được trưng bày tại Việt Nam và trên thế giới thì có thể khẳng định rằng Đặng Huyền Thông là một người thợ gốm ưu việt, có bàn tay rất mực tài hoa, có khả năng chế ngự được ngọn lửa lò nung, làm chủ được chất liệu xương gốm và men màu. Loại men mà ông sử dụng cách đây hơn 400 năm là loại men lam xám nhạt, có độ trong và bóng gần gũi với men ngọc thời Lý-Trần. Trên các tác phẩm của mình, ông còn trổ tài thêm vào những chủ đề trang trí thật đẹp đẽ, độc đáo : hình rồng, cánh bướm, cánh sen, vòng tròn, đường vạch đứng song song... Tất cả đều là dấu ấn của một nghệ nhân thiên tài trong lịch sử nghệ thuật gốm sứ nước nhà.

Lê Văn Hảo (Paris)



Tượng Trạng Trình

## ĐAM MÊ TÔN GIÁO vẫn còn rất mạnh

Những điều đáng nói và cần được nói ra vẫn phải được nói ra một cách khôn khéo. Đó có lẽ là bài học chính mà người ta có thể rút ra từ bài giảng gây nhiều phản ứng của giáo hoàng Benedict 16.

Giáo hoàng đã rất đúng khi ông lên án những cuộc thánh chiến và chủ trương truyền bá tôn giáo bằng bạo lực. Ông còn đúng hơn nữa khi phát biểu rằng thượng đế chính là tình yêu, và lòng nhân đạo không thể áp đặt bằng gươm giáo. Người ta cũng phải nhìn nhận là giáo hoàng cũng có lý luôn nếu ông thẳng thắn lên án các phần tử Hồi giáo quá khích đang sử dụng khủng bố như là một phương tiện để bảo vệ Hồi giáo.

Vấn đề là thay vì nói thẳng ra như thế và chỉ nói như thế, ông đã nói qua sự trích dẫn lời của vua Manuel 2, xứ Byzance (vùng đất này đã thuộc Thổ Nhĩ Kỳ), trong lúc tranh luận với một sứ giả Hồi giáo Ba Tư vào cuối thế kỷ 14. Giáo hoàng cũng nhắc lại luôn lời phê phán gay gắt của vị vua này đối với chính giáo chủ Mohamet: "Mohamet đã đem lại được điều gì mới, ngoài những chuyện tàn bạo vô nhân đạo?".

Bài giảng của Benedict 16 đã lập tức gây ra một làn sóng phản ứng phẫn nộ tại các nước Hồi giáo, nhất là từ những phần tử Hồi giáo cực đoan. Giáo hoàng đã tuyên bố rằng ông rất buồn phiền khi những lời nói của ông bị hiểu lầm là bài xích Hồi giáo. Phần lớn các nước Hồi giáo và các lãnh đạo tinh thần Hồi giáo đã coi đây là lời xin lỗi gián tiếp của giáo hoàng và chấp nhận bỏ qua.

Nhưng sự thực giáo hoàng Benedict 16 có bị hiểu lầm không?

Nếu không có thành kiến với Hồi giáo thì tại sao giáo hoàng không nói tới những cuộc thánh chiến đáng buồn khác do trách nhiệm của chính giáo hội Công giáo, như các cuộc Thập Tự Chinh từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ 12, hay đợt truy kiểm (inquisition) kéo dài gần 6 thế kỷ sau đó? Hay những đợt thảm sát người theo đạo Tin Lành?

Đúng là từ hơn hai thế kỷ nay, giáo hội Công giáo đã dứt khoát từ khước và lên án bạo lực, nhưng đâu sao di sản lịch sử cũng phải khiến giáo hoàng thận trọng trong các phát biểu khi đề cập đến một tôn giáo khác.

Ở đây điều giáo hoàng không nói ra cũng có tầm quan trọng và gây ra sự phẫn nộ của người Hồi giáo. Trên thực tế Hồi giáo đã bành trướng nhanh chóng không phải do chiến tranh chinh phục. Hồi giáo cũng không phát triển khi nó là một lực lượng chiến thắng và cầm quyền mà chủ yếu khi nó tan vỡ và thất bại. Sự thành công của Hồi giáo cũng tương tự như sự thành công của Khổng giáo tại Trung Quốc, nghĩa là các vua chúa, ngay cả những người đã chiến thắng các nước Hồi giáo, thấy nó thuận lợi cho kẻ cầm quyền nên đã chọn lựa và áp đặt. Không vinh quang, nhưng cũng không phải là bành trướng qua gươm giáo.

## ĐẢO CHÍNH TẠI THÁI LAN

Ngày 19-9-2006, các tướng lĩnh Thái đã đảo chính lật đổ chế độ hợp pháp của thủ tướng Thaksin Sihawatra. Cuộc đảo chính này đã làm cả thế giới ngạc nhiên. Kể từ sau cuộc cách mạng dân chủ năm 1992, người ta cứ tưởng là thời đại lộng hành của các tướng lĩnh, với những cuộc đảo chính tùy hứng liên tục, đã cáo chung.

Nhưng lạc quan như thế là không kể đến di sản lịch sử và văn hóa của quốc gia này. Ít nhất là kể từ khi chế độ quân chủ lập hiến được thành lập năm 1932, nền tảng chính trị của Thái Lan đặt trên liên minh tay ba giữa quân đội, nhà vua và Phật giáo. Cả ba thành phần của liên minh này đều thiếu sự chính đáng và phải dựa vào nhau để giữ chỗ đứng.

Quân đội Thái Lan, kể từ khi đảo chính áp đặt nhà vua chấp nhận một hiến pháp dân chủ hình thức năm 1932, đã không những không chứng tỏ được sự cần thiết của mình mà còn tỏ ra cực kỳ tham nhũng và thô bạo. Dòng vua Thái cũng thiếu sự chính đáng lịch sử. Sáng tổ của triều đại là tướng Chakkri, được cử đi giao chiến với quân của chúa Nguyễn tại Chân Lạp (Kampuchia) thay vì tiến công đã thỏa hiệp với tướng Nguyễn Hữu Thụy, rồi vì sợ bị bị xử tội đã bắt ngờ đem quân về thủ đô giết vua cướp ngôi. Trong hơn 70 năm qua, triều đình Thái được coi như chỗ dựa để các tướng lĩnh lộng hành và vơ vét. Tiến trình dân chủ hóa từ 1992 đã làm suy yếu cả vai trò của quân đội lẫn nhà vua.

Sinh hoạt kinh tế thị trường, cùng với các giá trị lợi nhuận và tiêu dùng cũng làm chao đảo Phật giáo, tôn giáo chính thức của Thái Lan. Trước đây, một thanh niên con nhà tử tế đến tuổi trưởng thành thường nhiên thấy có bốn phận phải vào chùa sống cuộc sống tu hành trong một vài năm trước khi bước vào đời hoạt động. Ngày nay ít ai còn coi đó là một bốn phận; và nếu có vào chùa thì cũng chỉ một vài tuần. Thời gian thoát ly gia đình này không khác một chuyến du lịch tham quan. Phật giáo của Thái Lan thuộc hệ phái tiểu thừa tìm giải pháp cá nhân cho sự siêu thoát, và do đó không quan tâm và cũng không đóng góp gì cho xã hội. Một cách gián tiếp, nó còn khuyến khích người dân nhẫn nhục chịu đựng các chế độ bạo ngược.

Nói chung, cả ba thành phần của một liên minh quyền lực truyền thống đã ngự trị và ngăn cản tiến bộ tại Thái Lan đều nhìn thấy nguy cơ bị mất chỗ đứng trong tiến trình dân chủ hóa từ gần 15 năm qua. Vì thế mà quân đội đảo chính, nhà vua tấn thành và Phật giáo im lặng đồng tình.

Những gì vừa xảy ra tại Thái Lan nhắc nhở cho mọi dân tộc gánh nặng của di sản. Dân chủ hóa đòi hỏi một cố gắng văn hóa rất lớn và những người lãnh đạo lớn với một trình độ văn hóa và tư tưởng cao. Đó là một chuyển hóa xã hội quá quan trọng để có thể phổ thâc cho các doanh nhân như tại Thái Lan.



## **ĐÀI LOAN VĂN BÌNH TĨNH**

Theo "Sách trắng" của bộ quốc phòng Đài Loan công bố ngày 29-8-2006, trong năm 2005 Trung Quốc đã xâm phạm lãnh hải Đài Loan 20 lần và không phận 1.700 lần, tăng 802% so với năm 2004.

Trước những khiêu khích này, dân chúng Đài Loan vẫn sinh hoạt bình thường, không ai xem trọng những hù dọa này của Trung Quốc. Ngày nay Đài Loan đã đủ mạnh để đối phó bất cứ một cuộc tấn công nào của Trung Quốc. Hơn nữa dư luận Đài Loan cũng tin rằng Trung Quốc không dám tấn công Đài Loan bằng quân sự vì không ai lường trước được hậu quả sẽ như thế nào cho Trung Quốc.

Về khả năng quân sự của Trung Quốc, tình báo Đài Loan biết khá chi tiết những trang bị và các căn cứ quân sự của Trung Quốc, và đã chuẩn bị những biện pháp đối phó. Thật ra những con số về lực lượng và địa điểm các căn cứ quân sự của Trung Quốc không còn là một bí mật đối với bất cứ một ai. Lực lượng quân sự của Trung Quốc được phân phối như sau :

- Về hỏa tiễn, có 784 dàn nhắm vào Đài Loan, mỗi năm tăng lên vài chục chiếc.

- Về không quân, có 3.530 chiến đấu cơ, trong đó 700 chiếc đặt ở tỉnh Phúc Kiến đối diện với Đài Loan. Đáng ngại nhất là hơn 400 chiến đấu cơ Su-27 thuộc loại tối tân nhất mà Trung Quốc vừa mua được của Nga. Ngoài ra Trung Quốc có hơn 500 trực thăng chiến đấu và vận tải

- Hải quân Trung Quốc được phân bố trên ba vùng biển : Bắc Hải, Trung Hải và Nam Hải với hơn 780 chiến thuyền, trong đó có hơn 70 chiến hạm đủ loại, 70 tàu ngầm đủ loại và gần 350 tàu đổ bộ đủ cỡ. Cũng phải kể thêm lực lượng tàu hỗ trợ có trên 200 chiếc.

- Về hạch nhân, Trung Quốc có 400 đầu đạn nguyên tử, trong đó có hơn 30 đầu đạn được gắn trên các tàu ngầm nguyên tử, 130 đầu đạn tầm xa và 270 tầm trung bình.

- Lực lượng bộ binh trú đóng tại các tỉnh Phúc Kiến và Nam Kinh trên 400.000 người.

Theo các chiến lược gia quốc tế, Trung Quốc chỉ thành công khi tấn công Đài Loan một cách bất ngờ và chớp nhoáng, càng kéo dài thì hỏa lực của quân đội Trung Quốc sẽ bị cạn kiệt và yếu dần theo thời gian.

## **BẮC TRIỀU TIÊN bị phát hiện làm tiền giả**

Ngày 28-9-2006, Viện tình báo Nam Hàn cho biết 7 triệu USD giả, loại 100 USD, cất giấu trong một container dưới dạng hộp đồ chơi và áo quần đã được cơ quan an ninh Hoa Kỳ tìm thấy tại một bến tàu tại Mỹ. Một người Mỹ gốc Hoa tên Chân Toàn đã bị bắt và bị truy tố về tội buôn tiền giả. Sau khi điều tra, cơ quan an ninh Mỹ xác nhận những tờ bạc giả này đã được in tại Bắc Triều Tiên.

Từ tháng 11-1999 đến tháng 8-2005, cơ quan điều tra của Mỹ đã tổ chức hai chiến dịch lớn dưới tên Royal Charm

và Smoking Dragon để truy lùng những tổ chức làm và chuyển bạc giả, ma túy và thuốc lá giả vào đất Mỹ. Kết quả của những cuộc điều tra này cho thấy phần lớn lượng USD giả đều được sản xuất tại Bắc Triều Tiên. Cũng nên biết dịch vụ làm bạc giả, buôn ma túy và thuốc lá giả đã mang vào cho Bắc Triều Tiên khoảng 500 triệu USD mỗi năm. Riêng về vụ bạc giả này, đây là một lượng tiền giả lớn nhất bị khám phá sau nhiều tháng điều tra của cơ quan an ninh Mỹ.

Trước đó, cơ quan an ninh các quốc gia Đông Nam Á đã khám phá rất nhiều vụ buôn tiền giả đến từ Bắc Triều Tiên. Năm 1989 : 48 triệu USD giả đã bị hải quan Philippines tịch thu tại Manilla, tháng 3-2005 : 650.000 USD giả bị hải quan Nhật bắt tại cảng Sakai Minato, tháng 4-2005 : 140.000 USD giả và tháng 2-2006 : 70.000 USD giả bị an ninh Nam Hàn tìm thấy tại Seoul, tháng 2-2006 : 2,6 triệu USD giả tại Chiyu Bank Hongkong.

Đây là những tờ bạc giả dưới dạng 50 USD và 100 USD, gọi là «supernotes», được in ấn công phu, với những kỹ thuật tiên tiến nhất của Hoa Kỳ, trông rất giống các tờ bạc thật. Chúng chỉ bị phát hiện tại Hoa Kỳ và các quốc gia phát triển phương Tây, còn ở những quốc gia khác vì thiếu dụng cụ kiểm soát tinh vi nên chúng được lưu hành một cách dễ dàng. Những đồng USD giả sản xuất tại các nơi khác rất dễ bị phát hiện, kể cả bằng mắt thường.

Cũng nên biết lượng USD đang lưu hành trên toàn thế giới là 753 tỷ, trong đó 60% ở ngoài nước Mỹ. Cho đến nay người ta chỉ mới phát hiện khoảng 50 triệu USD giả.

## **LÝ TỐNG có thể bị dẫn độ về Việt Nam**

Ngày 17-11-2000, giữa lúc tổng thống Mỹ Bill Clinton đang viếng thăm Việt Nam, Lý Tống thuê một phi cơ du lịch nhỏ tại Thái Lan, rồi uy hiếp người phi công buộc phải bay về Sài Gòn. Lý Tống rải xuống Sài Gòn 50.000 truyền đơn trong đó ông ta tự xưng là "Tổng tư lệnh Lý Tống" và kêu gọi nhân dân nam, phụ, lão, ấu hãy sử dụng mọi vũ khí để xuống đường tham gia cuộc Diễn Hành Tự Do ngày hôm đó (17-11-2000), bởi vì "Tổng thống Mỹ và Giáo hoàng đã đồng ý để quân đội ngoại quốc can thiệp vào một nước khác vì lý do nhân đạo" và kêu gọi nhân dân Việt Nam "Hãy theo tinh thần Thiên An Môn, đứng lên xây dựng Khải Hoàn Môn dưới mệnh lệnh của Nữ Thần Tự Do".

Sau khi đã rải xong truyền đơn và trở về Thái Lan, Lý Tống bị bắt và bị xử 7 năm tù vì tội không tặc. Bình thường Lý Tống chỉ còn khoảng một năm nữa là mãn hạn tù để trở về Mỹ.

Bất ngờ tháng 3-2006 vừa qua, chính quyền cộng sản Việt Nam yêu cầu Thái Lan dẫn độ Lý Tống về Việt Nam để họ xử phạt tội xâm phạm không phận Việt Nam. Bộ tư pháp Thái chấp nhận và sau đó một tòa án Thái cũng chấp nhận cho chính phủ Thái dẫn độ Lý Tống về Việt Nam.

Lý Tống đã kháng án, số phận ông sẽ được quyết định trong vòng năm nay.

Sinh năm 1946, Lý Tống, tên thật là Lê Văn Tống, là cựu trung úy phi công của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Sau 1975, Lý Tống bị đưa đi cải tạo nhưng đã vượt ngục và trốn ra được nước ngoài, định cư tại Mỹ và trở thành công dân Mỹ. Lý Tống đã viết sách thuật lại cuộc vượt ngục và vượt biển đầy phiêu lưu của mình và được nhiều người căm thù chế độ cộng sản coi như một anh hùng.

Năm 1992, Lý Tống còn nổi tiếng hơn nhờ một hành động vô ý thức vì gây nguy hiểm cho tính mạng của hàng trăm hành khách nhưng ngoan mục : giả vờ về Việt Nam du lịch rồi cưỡng ép phi hành đoàn phải bay thấp trên không phân thành phố Sài Gòn cho Lý Tống rải truyền đơn. Sau đó Lý Tống nhảy dù xuống Việt Nam để "chỉ huy cuộc tổng nổi dậy". Nhưng vì không có quân nổi dậy nào nên khi đáp xuống đất Lý Tống đã bị bắt và giải tòa. Trong phiên tòa Lý Tống tỏ ra ăn năn hối cải và xin khoan hồng. Lý Tống bị xử 20 năm tù, nhưng được ân xá sau 6 năm. Về Mỹ ông được hoan nghênh như một anh hùng mặc dù trước đó cuốn phim về phiên tòa trong đó ông tỏ ra ngoan ngoãn đã được phổ biến.

Ngày 1-1-2000, ngày đầu tiên của thiên niên kỷ thứ ba, Lý Tống làm một hành động ngoan mục khác : bay từ Miami vào Havana, thủ đô Cuba, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân Cuba nổi dậy lật đổ Fidel Castro. Trở lại Mỹ, Lý Tống được những người Cuban chống Castro tung hô như một anh hùng, nhưng bị tịch thu bằng lái máy bay.

Năm nay Lý Tống đã 60 tuổi, nếu bị giải về Việt Nam để xét xử cuộc đời ngang tàng của Lý Tống coi như chấm dứt rất bi đát, vì nhà cầm quyền cộng sản có thể viện cớ Lý Tống đã tái phạm, đã từng bị xử 20 năm tù trước đây và được ân xá, để giam giữ rất lâu.

Những việc Lý Tống làm, như nội dung tờ truyền đơn được trích dẫn ở đầu bài này chứng tỏ, chỉ là những hành động lè loi, anh hùng cá nhân có tác dụng chọc tức và phá đám chứ không hề đe dọa chế độ cộng sản Việt Nam vì không nằm trong một chương trình nào cả.

Người ta không thể hiểu được tại sao chính quyền cộng sản lại cố đòn dồn độ Lý Tống cho bằng được ? Để làm gì? Những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam cũng tỏ ra không hơn gì Lý Tống.

## CHÍNH QUYỀN CỘNG SẢN HỐ TO trong vụ Đỗ Thành Công

Như Thông Luận đã loan tin trong số trước, ông Đỗ Thành Công hoạt động trong đảng Dân Chủ Nhân Dân với bí danh Trần Nam, đã bị bắt ngày 14-8-2006. Ông Công đã được trả tự do ngày 21-9-2006 và đã về đến Hoa Kỳ.

Chính quyền cộng sản đã đợi hơn hai tuần lễ mới mời đại diện lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn đến gặp ông Công (một công dân Mỹ) và thông báo cho lãnh sự quán Mỹ là ông Công bị bắt vì âm mưu một hành động khủng bố nhằm vào chính lãnh sự quán Mỹ. Ngoài ra họ không loan tin gì hết với công luận. Mãi đến ngày 20-9-2006 bộ công an mới ra thông cáo là ông Công thuộc đảng Nguyễn Hữu Chánh và về Việt Nam để thực hiện hành động khủng

bố trong mục đích trả thù việc Nguyễn Hữu Chánh bị chính quyền Hàn Quốc bắt giam để cứu xét đề nghị dẫn độ về Việt Nam theo yêu cầu của Hà Nội (ông Nguyễn Hữu Chánh sau đó đã được trả tự do để trở lại Mỹ). Bộ công an cũng tuyên bố là đã có đầy đủ chứng cứ về tội trạng của ông Công và đã cung cấp cho phía Mỹ.

Thông cáo này làm dư luận phẫn nộ : tại sao để trả thù hai chính quyền Hàn Quốc và Việt Nam mà ông Công lại dự tính đánh bom sứ quán Mỹ ? Hơn nữa ông Công là một khuôn mặt quen biết tại hải ngoại, mọi người đều biết ông không có liên hệ gì với đảng Nguyễn Hữu Chánh cả. Tất cả các cơ quan truyền thông của người Việt hải ngoại đều đã loan tin và xác nhận điều này.

Mặc dù vậy, cho tới 6 giờ chiều ngày 21-9-2006, đài Tiếng Nói Việt Nam vẫn tiếp tục đọc bản thông báo của bộ công an. Đùng một cái, chỉ một giờ sau, đài truyền hình trung ương Việt Nam loan tin ông Công đã được trả tự do và đang trên đường trở về Mỹ.

Những sự kiện kỳ cục và lố bịch này chứng tỏ bộ công an làm việc một cách tùy tiện và lộn xộn. Tuy vậy một số câu hỏi vẫn còn đặt ra. Trước hết việc công an Việt Nam trả tự do cho ông Công chứng tỏ ông vô tội ; như vậy thì nhà cầm quyền Việt Nam đáng lẽ phải xin lỗi và bồi thường thiệt hại chứ sao lại trực xuất ông ? Sau đó, nếu ông Công, một ủy viên trung ương của đảng Dân Chủ Nhân Dân, được trả tự do thì điều này có nghĩa là đảng Dân Chủ Nhân Dân không phải là một tổ chức tội phạm, vậy tại sao chính quyền cộng sản vẫn chưa trả tự do cho những đảng viên khác của đảng này đang còn bị giam giữ.

Sau khi trở lại Mỹ, ông Công cho hay là hiện có sáu đảng viên đảng Dân Chủ Nhân Dân đang bị bắt giam, trong đó có ông Lê Nguyên Sa (bí danh Nguyễn Hoàng Long) và Huỳnh Nguyên Đạo (bí danh Huỳnh Viết Lang). Ông Công không đưa tên bốn người còn lại, chỉ cho biết là họ hiện bị giam giữ tại tỉnh Tiền Giang.

Như vậy là cùng một sự kiện nhưng người có quốc tịch Mỹ thì vô tội, còn người có quốc tịch Việt Nam thì có tội. Ôi thân phận công dân nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam !

## TIỀN GIẢ TRÀN NGẬP thị trường tiền tệ Việt Nam

Gần đây lượng tiền giả đang tràn ngập thị trường tiền tệ Việt Nam đang là một đe dọa cho toàn bộ sinh hoạt trên cả nước. Trung tá Hoàng Công Uẩn, trưởng phòng an ninh điều tra công an tỉnh Lạng Sơn, cho biết lượng tiền giả tràn ngập ở cửa khẩu biên giới Việt-Trung nhìn bằng mắt thường giống như tiền thật đến nỗi công an cũng không phân biệt được. Theo ước tính của công an tỉnh Lạng Sơn, số vụ buôn bán và vận chuyển tiền giả được phát hiện và bắt giữ chỉ chiếm 20% lượng tiền giả đang lưu hành. Trung tá Uẩn nói phía Trung Quốc một mặt giả bộ giao hảo tốt với Việt Nam nhưng một mặt vẫn cho in tiền giả và đưa vào Việt Nam để thu mua hàng hóa mang về nước.

Trong thực tế lượng tiền giả được in và buôn bán đều

diễn ra trong lãnh thổ Trung Quốc, những người vận chuyển tiền giả khi bị bắt thì đều nói rằng đó là tiền mà người Trung Quốc trả cho họ khi mua hàng và dùng những tờ bạc có mệnh giá lớn để mua những món hàng có trị giá nhỏ để lấy tiền thật thối lại. Tùy theo kỹ thuật in, trị giá tiền giả bằng từ 20 đến 50% tiền thật; tỷ lệ hoa hồng của các con buôn ở ngọn là 20%, ở gốc là 60%.

Theo Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, lượng tiền giả xâm nhập vào Việt Nam (với các loại mệnh giá 20.000 VND, 50.000 VND, 100.000 VND và gần đây nhất là loại 500.000 VND) gia tăng mạnh từ cuối năm 2003 và có mặt tại khắp nơi. Tại Tây Nguyên, một số cơ quan nhà nước dùng tiền giả để trả lương cho công nhân cao su. Chưa rõ lượng tiền giả xâm nhập và tiêu thụ tại Việt Nam là bao nhiêu, nhưng ngành an ninh cho biết đã bắt giữ khoảng 20% lượng tiền giả đang lưu hành trong nước.

Nhưng Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam hiện nay đang điên đầu nhất về vấn đề tiền thật nhưng bị dân chúng nghi là tiền giả. Từ trước đến nay lượng tiền VND, với đủ loại mệnh giá, được giao cho một nhà in tiền lớn ở Úc sản xuất ra rồi chở về Việt Nam tiêu thụ. Để tiết kiệm, phía Việt Nam đã yêu cầu nhà máy in tiền của Úc chuyển giao công nghệ để in trực tiếp tại Việt Nam. Vấn đề là trình độ kỹ thuật của công nhân Việt Nam còn quá kém nên lượng tiền giấy in tại Việt Nam có quá nhiều khuyết điểm: chảy màu, phai mực nhanh (từ 2 đến 6 tháng) như tiền giả.

## HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỘ được trao giải Rafto

Nghĩa hội Rafto, một tổ chức nhân quyền Na Uy, đã quyết định trao tặng giải thưởng năm 2006 của họ cho hòa thượng Thích Quảng Độ, viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Hòa thượng Quảng Độ, người lãnh đạo tinh thần của GHPGVNTN, là nhân vật được tôn kính nhất Việt Nam hiện nay. Ông không những là một vị cao tăng mà còn luôn luôn bày tỏ tấm lòng tha thiết với vận mệnh đất nước. Trong những năm qua, dù là đối tượng của nhiều biện pháp bách hại, một lần lưu đày, hai lần bị tù giam và luôn luôn bị quản chế ngọt nghèo, ông luôn luôn lên tiếng kêu gọi toàn dân đấu tranh cho dân chủ đa nguyên bằng đường lối bất bạo động. Những lời kêu gọi của ông lúc nào cũng thể hiện tấm lòng quảng độ như pháp danh của ông.

Một phái đoàn của quốc hội Na Uy có mặt tại Việt Nam vào lúc quyết định trao giải thưởng Rafto cho hòa thượng Quảng Độ được công bố đã yêu cầu chính quyền Việt Nam để hòa thượng tới Na Uy lãnh giải. Chính quyền Việt Nam chưa trả lời thỉnh nguyện này.

Về phía hòa thượng Quảng Độ, ông tuyên bố sẽ chỉ rời Việt Nam sang Na Uy lãnh giải nếu được bảo đảm là nhà cầm quyền cộng sản sẽ để ông trở về Việt Nam sau đó.

Một tin vui khác là tình trạng sức khỏe của đại lão hòa thượng Huyền Quang, tăng thống GHPGVNTN, có lúc tưởng như nguy ngập đã khá quan hơn.

Hòa thượng Huyền Quang, 88 tuổi, bị suy tim và viêm

phổi đã được vào bệnh viện đa khoa Bình Định. Vì bệnh tình nghiêm trọng, ông đã được đưa về bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn.

Ngày 1-10-2006, nhận thấy một mặt sức khỏe của hòa thượng đã khả quan hơn, mặt khác ông cần được săn sóc thường xuyên, tăng ni Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã đưa ông về một bệnh viện tư để có thể thăm viếng dễ dàng hơn.

## CÔNG AN ĐÀN ÁP các nhà dân chủ trẻ vẫn quyết tâm

Ngay sau khi được trả tự do, 30-8-2006, Phạm Hồng Sơn đã viết liền bài "Sự lửa dối tiếp tục", tố giác bản chất bịa bợm của chế độ. Bài báo này đã được phổ biến rộng rãi trên mạng Internet.

Ngày 19-9, Sơn đến thăm sức khỏe cụ Hoàng Minh Chính. Khi vừa rời nhà cụ Chính thì bị một toán công an mặc thường phục áp lại đánh đập và đẩy lên xe chở về trụ sở công an. Để đánh lừa người qua đường, họ hô lên: "Nó buôn đồ la giả". Phạm Hồng Sơn bị thương nhẹ. Tại đồn công an, Sơn được biết là anh bị bắt vì bất chấp lệnh quản chế, Sơn bị giữ ở đồn công an nửa ngày. Phạm Hồng Sơn vẫn còn án quản lý 3 năm. Sơn bất chấp lệnh này và vẫn đến thăm các nhà dân chủ.

Lê Chí Quang đến thăm Phạm Hồng Sơn, khi vừa ra khỏi nhà Sơn thì Quang bị bắt đưa về đồn công an và bị phạt một triệu VND vì tự tiện ra khỏi phường, bất chấp lệnh quản chế (Lê Chí Quang vẫn còn án quản chế 3 năm). Quang không nộp cho nên đến tối mới được "tạm cho về". Ngày hôm sau công an lại triệu Quang đến đồn và tuỳ ý bối giáng một nửa số tiền phạt xuống còn 500.000, nhưng buộc phải đóng. Quang không đóng, công an cho vay tiền để Quang đóng. Quang vẫn không đóng, họ mở ngăn kéo lấy tiền và nói là để cho vay, sau đó lại bỏ tiền vào ngăn kéo và nói là Quang đã nộp phạt.

Vương Quốc Hoài, 36 tuổi, tốt nghiệp báo chí bị trù dập từ nhiều năm nay vì tội... theo đạo Tin Lành. Ngày 8-9-2006, Hoài tuyên bố thành lập "Nhóm Thanh Niên Dân Chủ Sơn-Hà" (Sơn Hà là Sơn Tây và Hà Nội) cùng với hai người bạn là Đỗ Văn Tài và Nguyễn Đỗ Huy. Ngay sau đó Hoài bị truy lùng. Hoài bất chấp và tiếp tục đi thăm bạn bè. Về tới nhà Hoài nhận được lệnh "bắt giữ tại nhà", cầm không được ra khỏi nhà. Chắc chắn Hoài cũng sẽ không tuân thủ lệnh này.

Một trò thô bỉ mới của công an là giả danh sinh viên viết thư nặc danh bôi nhọ những thanh niên dân chủ. Riêng Nguyễn Phương Anh và Lê Chí Quang bị đả kích nặng. Nguyễn Phương Anh bị cho là mắc bệnh tâm thần, Lê Chí Quang là lưu manh chính trị. Một thư nặc danh khác bịa đặt những chuyện khả ố về Nguyễn Khắc Toàn. Những trò nham nhở này, thay vì bôi bẩn, chỉ vinh danh những nhà dân chủ trẻ. Tuổi trẻ Việt Nam trong mấy tháng gần đây đã tỏ ra tích cực và quyết tâm. Một hiện tượng rất mới và đáng mừng.

## Nghĩa trang văn học

Văn hóa Việt Nam hải ngoại nở rộ từ sau 1975. Số sách xuất bản có lẽ còn hơn cả trong nước. Có điều kỳ lạ là số sách tiếng Việt xuất bản ngày càng nhiều trong khi số người thông thạo tiếng Việt ngày càng ít đi, người lớn quên dần, thanh niên không học. Một anh bạn thông thái có lần nói rằng chính vì những sách đó (mà anh ta gọi là những cuốn sách vở vẫn) mà người ta chán tiếng Việt.

Anh ta nói thế thì tôi nghe thế chứ không có ý kiến. Và thực ra cũng không tin vì rõ ràng là văn học Việt Nam hải ngoại đang phát triển mạnh. Người ta ào ạt xuất bản. Người người làm thơ, cả nước cầm bút. Rõ ràng là một thời kỳ cực thịnh của văn học.

Mùa hè này đến lượt tôi cũng được hội nhập vào môi trường văn hóa. Tháng 6 tôi được một bậc đàn anh mời tham dự lễ ra mắt tập thơ *Quê hương trong hồn viễn xứ* của vợ ông. Lễ ra mắt được tổ chức rất linh đình, có chào cờ và mặc niêm các chiến sĩ đã hy sinh vì chính nghĩa. Tiếp theo lời chào mừng và cảm tạ của tác giả là phát biểu của các quan khách (một vị chủ tịch một hội tuyên bố phát biểu với tư cách cá nhân). Tác giả tập thơ vốn có tài làm bếp. Gỏi tôm thịt ngọt sen và chả giò tuyệt vời, còn thơ thì tôi không biết thường thức. Tôi thuộc tội thiếu văn hóa bằng cách mua mười cuốn sách.

Hôm đó là dịp để tôi được diễm phúc làm quen với nhiều tao nhãn mặc khách. Vài tuần sau tôi được mời tham dự buổi tiệc ra mắt cuốn *Hồi ký binh nghiệp* của một vị cựu trung tá trưởng phòng nhân viên Vùng 1 chiến thuật. Lại thêm một dịp để mở rộng kiến thức và làm quen. Ngay trong buổi tiệc ấy tôi được một vị mới quen mời tham dự lễ ra mắt cuốn *Một cuộc đời ba quê hương*. Vị này, một doanh nhân có tiếng ở Sài Gòn trước đây, nói cuốn sách thuật lại những gian truân của cả một cuộc đời phiêu bạt : Hà Nội, Sài Gòn, Cali ; ba lần trắng tay, ba lần dựng lại. Một bà dặn trước nhớ tới dự buổi ra mắt tập truyện ngắn *Lệnh đênh bà* vừa hoàn tất và sắp in.

Tôi tự hỏi tại sao người Việt mình lúc này bỗng dưng có nhiều nhà văn, nhà thơ thế ? Anh bạn thông thái của tôi giải thích :

- Có ba lý do : một là in sách bây giờ rất rẻ ; hai là để có một tư cách với đời, để được biết đến như là người đã từng viết sách, đó là một vinh dự ; nhưng quan trọng hơn, đó là một phản ứng sinh tồn, để nối dài một cuộc sống sắp chấm dứt. Để lại một cuốn sách cũng là một cách để tiếp tục hiện hữu sau cái chết, cuốn sách cũng như hũ tro tàn của người quá cố. Mày lưu ý là phần lớn các tác giả đều lớn tuổi.

Tôi chợt nảy ra một sáng kiến kinh doanh. Tôi sẽ lập một nghĩa trang độc đáo : một nhà lưu niệm khang trang dưới hình thức một thư viện, thân nhân có thể gửi vào đó những cuốn sách của người quá cố. Sẽ có những máy PC lưu giữ tài liệu, hình ảnh, kể cả phim ảnh, về cuộc đời

## MỤC LỤC

01. Nhật muôn một vai trò mới *Thống Luận*
02. Cam-bốt : dân chủ dần đến ổn định *Nguyễn Minh*
04. Thông tin, một quyền chính trị hay một vấn đề... *Nguyễn Gia Kiểng*
06. Giới thiệu Tập san Tổ Quốc
08. Vòng tròn lúu manh của xã hội Việt Nam *Vương Quốc Hoàn*
09. Khi trống đánh xuôi, kèn thổi ngược *Bài Tin*
10. Thay đổi xã hội *Tôn Thất Thiện*
11. Bầu cử tự do trong tầm tay *Nguyễn Văn Hiệp*
13. Hòa giải, một nhu cầu cấp bách *Nguyễn Văn Huy*
15. Vài suy nghĩ về năng lượng và chiến lược... *Trương Nhân Tuấn*
17. Một tư duy mới về thất nghiệp *Nguyễn Huy Đức*
19. Vùng đất không mím cười *Phạm Việt Vinh*
21. Tìm hiểu về bệnh cao huyết áp *Bài Đặc Lặc*
23. Từ lăng mạn đến tham tiền và thực sinh... *Võ Thành Liêm*
25. Thời Mạc (1527-1592) *Lê Văn Hảo*
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Nghĩa trang văn học *Đây*

người quá cố, lúc nào thân nhân cũng có thể đến xem và cầm trong tay những tác phẩm để có cảm tưởng như tiếp xúc với người đã mất. Sẽ có những phòng khách cho các lế giỗ. Trang trọng và hiện đại hơn nhiều so với một tấm hình và một hũ tro trong một ngôi chùa, ấm áp hơn nhiều so với những nghĩa trang quạnh hiu. Giá lưu niệm thay đổi tùy theo số lượng tài liệu lưu trữ, nhưng ít nhất là 5.000 USD mỗi vị. Chắc chắn sẽ có hàng nghìn khách, chắc chắn thành công lớn.

Tôi lập hội "Văn Hóa và Truyền Thống" để thực hiện kế hoạch này với tôi là chủ tịch, vợ tôi là phó chủ tịch kiêm thủ quỹ. Tôi hân hoan trước một tương lai đầy hứa hẹn.

Nhất là trong dịp lễ ra mắt tập truyện ngắn *Lệnh đênh sấp tối*, tôi sẽ là chủ tịch một hội, và lần đầu tiên sẽ có tư cách cá nhân. Tôi sẽ có thể nói một câu mà tôi vẫn mơ ước có ngày được nói trong một buổi họp : "Thưa quý vị, hôm nay tôi tới đây với tư cách cá nhân".

Đây